

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP



# BẢN CÁO BẠCH

## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 14/5/2013)



**VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 37 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 8 năm 2013)

**Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:**

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam**

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3942 1030 Fax: 04. 3942 1032

Website: <http://www.investor.vietinbank.vn>

**Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên: Lê Đức Thọ

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 04. 3942 1457

Fax: 04. 3942 1032

**Hà Nội – 8/2013**

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

# BẢN CÁO BẠCH

## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 14/5/2013)*



**VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm 2013)*

**Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:**

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam**

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3942 1030 Fax: 04. 3942 1032

Website: <http://www.investor.vietinbank.vn>

**Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên: Lê Đức Thọ

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 04. 3942 1457

Fax: 04. 3942 1032

**Hà Nội – 8/2013**

# NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội  
**VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**)

## CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

**Tên cổ phiếu** : Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam  
**Loại cổ phiếu** : Cổ phiếu phổ thông  
**Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phần

**Tổng số lượng chào bán** : 457.300.000 cổ phần, trong đó chào bán cho cổ đông hiện hữu: cổ phần với giá 10.000đ/cổ phần.

**Tổng giá trị chào bán**: 4.573.000.000.000 đồng (tính theo mệnh giá), trong đó chào bán cho cổ đông hiện hữu: 4.573.000.000.000 đồng (tính theo mệnh giá).

### TỔ CHỨC TƯ VẤN:

**Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc)**

Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3556 2875 Fax: 04. 3556 2874

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 12A, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04. 6288 3568 Fax: 04. 6288 5678

# MỤC LỤC

---

|                                                                                                                                                |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....</b>                                                                                                              | <b>7</b>  |
| 1. Rủi ro về kinh tế .....                                                                                                                     | 7         |
| 2. Rủi ro về lãi suất .....                                                                                                                    | 9         |
| 3. Rủi ro tín dụng .....                                                                                                                       | 10        |
| 4. Rủi ro về ngoại hối .....                                                                                                                   | 11        |
| 5. Rủi ro về thanh khoản .....                                                                                                                 | 12        |
| 6. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng .....                                                                                                    | 13        |
| 7. Rủi ro về luật pháp .....                                                                                                                   | 14        |
| 8. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin .....                                                                                                   | 14        |
| 9. Rủi ro tác nghiệp .....                                                                                                                     | 15        |
| 10. Rủi ro biến động giá cổ phiếu .....                                                                                                        | 15        |
| 11. Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....                                                                                                             | 15        |
| 12. Rủi ro của đợt chào bán .....                                                                                                              | 17        |
| 13. Rủi ro khách quan .....                                                                                                                    | 17        |
| <b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>                                                               | <b>18</b> |
| 1. Tổ chức phát hành - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank)..                                                        | 18        |
| 2. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt nam (VietinBankSc) .....                                            | 18        |
| <b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>                                                                                                                 | <b>19</b> |
| <b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH .....</b>                                                                                   | <b>20</b> |
| 1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành.....                                                                                                  | 20        |
| 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....                                                                                             | 22        |
| 3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng.....                                                                                         | 24        |
| 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông..... | 31        |

|              |                                                                                                                                                                                                                                                                      |            |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 5.           | Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết ..... | 33         |
| 6.           | Quá trình tăng vốn của VietinBank .....                                                                                                                                                                                                                              | 38         |
| 7.           | Hoạt động kinh doanh.....                                                                                                                                                                                                                                            | 39         |
| 8.           | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2010 - 2012 và Quý II/2013 .....                                                                                                                                                                                | 90         |
| 9.           | Vị thế của Ngân hàng so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành .....                                                                                                                                                                                                | 94         |
| 10.          | Chính sách đối với người lao động.....                                                                                                                                                                                                                               | 98         |
| 11.          | Chính sách cổ tức .....                                                                                                                                                                                                                                              | 101        |
| 12.          | Tình hình hoạt động tài chính .....                                                                                                                                                                                                                                  | 102        |
| 13.          | Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, kế toán trưởng .....                                                                                                                                                                                                | 103        |
| 14.          | Tài sản.....                                                                                                                                                                                                                                                         | 153        |
| 14.1.        | Tài sản cố định theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2012 .....                                                                                                                                                                                                  | 154        |
| 14.2.        | Tình hình quản lý và sử dụng đất .....                                                                                                                                                                                                                               | 155        |
| 15.          | Chiến lược của NHTMCP Công thương Việt Nam .....                                                                                                                                                                                                                     | 164        |
| 16.          | Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của VietinBank trong giai đoạn 2013-2014 như sau: .....                                                                                                                                                                                 | 165        |
| 17.          | Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....                                                                                                                                                                                                     | 169        |
| 18.          | Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức .....                                                                                                                                                                                         | 170        |
| 19.          | Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết .....                                                                                                                                                                                   | 170        |
| 20.          | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết .....                                                                                                                                                 | 170        |
| <b>V.</b>    | <b>CỔ PHIẾU CHÀO BÁN .....</b>                                                                                                                                                                                                                                       | <b>171</b> |
| <b>VI.</b>   | <b>MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....</b>                                                                                                                                                                                                                                        | <b>177</b> |
| <b>VII.</b>  | <b>KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>                                                                                                                                                                                                       | <b>178</b> |
| <b>VIII.</b> | <b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>                                                                                                                                                                                                                   | <b>180</b> |
| 1.           | TỔ CHỨC TƯ VẤN: .....                                                                                                                                                                                                                                                | 180        |
| 2.           | TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: .....                                                                                                                                                                                                                                             | 180        |
| <b>IX.</b>   | <b>PHỤ LỤC.....</b>                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>181</b> |

## DANH MỤC HÌNH VẼ VÀ BIỂU ĐỒ

---

- Hình 1: Cơ cấu vốn điều lệ Vietinbank thời điểm 14/6/2013
- Hình 2: Hệ thống tổ chức
- Hình 3: Cơ cấu tổ chức chi tiết
- Hình 4: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 1)
- Hình 5: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 2)
- Hình 6: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Đã chuyển đổi mô hình khối khách hàng)
- Hình 7: Phân tích hoạt động huy động vốn thời kỳ 2010 – Quý II/2013
- Hình 8: Cơ cấu tiền gửi năm 2012
- Hình 9: Tốc độ tăng trưởng tài sản và dư nợ cho vay
- Hình 10: Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng thời kỳ 2010 – Quý II/2013
- Hình 11: Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự năm 2012
- Hình 12: Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế giai đoạn 2010 – 2012
- Hình 13: Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế năm 2012
- Hình 14: Cơ cấu dư nợ năm 2012 theo kỳ hạn
- Hình 15: Cơ cấu kỳ hạn nợ năm 2010 - 2012
- Hình 16: Cơ cấu dư nợ khách hàng lớn
- Hình 17: Tỷ lệ an toàn vốn 2010 – Quý II/2013
- Hình 18: Quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng 2010 – Quý II/2013
- Hình 19: Doanh số mua bán ngoại tệ trên thị trường 1 và thị trường 2
- Hình 20: Biểu đồ thị phần thẻ năm 2010 – Quý II/2013
- Hình 21: Biểu đồ tỷ trọng phí dịch vụ thẻ so với tổng phí dịch vụ ngân hàng 2010 – Quý II/2013
- Hình 22: Biểu đồ lũy kế thẻ ghi nợ phát hành các năm 2010 – Quý II/2012
- Hình 23: Biểu đồ lũy kế thẻ tín dụng quốc tế phát hành các năm 2010 – Quý II/2013
- Hình 24: Biểu đồ số lượng POS lũy kế các năm
- Hình 25: Cơ cấu danh mục chứng khoán đầu tư
- Hình 26: Biểu đồ tăng trưởng dịch vụ ngân hàng điện tử 2010 - 2012
- Hình 27: Tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2010 - 2012
- Hình 28: Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của VietinBank so với một số NHTM khác
- Hình 29: Lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ nợ xấu của VietinBank và các ngân hàng thương mại khác
- Hình 30: Vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế của Vietinbank giai đoạn 2013 - 2014
- Hình 31: Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Vietinbank giai đoạn 2013 - 2014

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

---

- Bảng 1: Danh sách Cổ đông nắm trên 5% vốn Cổ phần tại thời điểm 14/6/2013
- Bảng 2: Cơ cấu cổ đông đến thời điểm 14/6/2013
- Bảng 3: Danh sách công ty con và công ty liên doanh của Vietinbank tại thời điểm 30/06/2013
- Bảng 4: Cơ cấu huy động vốn của Vietinbank
- Bảng 5: Vay NHNNVN
- Bảng 6: Tiền gửi của khách hàng
- Bảng 7: Tỷ lệ trích dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của NHNN Việt Nam
- Bảng 8: Phân loại nợ năm 2010 - Quý II/2013
- Bảng 9: Kết quả hoạt động Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
- Bảng 10: Kết quả hoạt động Công ty Cho thuê tài chính
- Bảng 11: Kết quả hoạt động Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản
- Bảng 12: Kết quả hoạt động Công ty TNHH Bảo hiểm NHCTVN
- Bảng 13: Kết quả hoạt động Công ty TNHH Vàng bạc đá quý NHCTVN
- Bảng 14: Kết quả hoạt động Công ty TNHH 1 thành viên Quản lý quỹ NHCTVN
- Bảng 15: Kết quả hoạt động Công ty TNHH 1 thành viên chuyển tiền Toàn cầu
- Bảng 16: Tổng hợp các dự án đã cấp tín dụng và cho vay đồng tài trợ tính đến 31/12/2013
- Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank giai đoạn 2010 - 2012 và Quý II/2013
- Bảng 18: Phân loại lao động tại thời điểm 31/12/2012 và 31/5/2013
- Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Vietinbank
- Bảng 20: Tăng trưởng về quy mô và kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank giai đoạn 2010 - 2012
- Bảng 21: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2012
- Bảng 22: Tình hình quản lý và sử dụng đất
- Bảng 23: Một số khu đất chính do Vietinbank đang sở hữu
- Bảng 24: Dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Vietinbank 2013 - 2015
- Bảng 25: Dự kiến quá trình tăng vốn giai đoạn 2013 - 2014
- Bảng 26: Chi tiết thuế TNDN thời điểm 31/12/2012
- Bảng 27: Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2013

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các Nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần này để có những đánh giá và quyết định phù hợp trong việc tham gia đầu tư của mình đối với cổ phiếu chào bán của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

### 1. Rủi ro về kinh tế

Trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã đạt những tiến bộ vượt bậc, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình trong các năm từ 2002 - 2007 là 7,8%. Đặc biệt trong năm 2007, tăng trưởng GDP của Việt Nam lên tới 8,48%, mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 1 thập kỷ qua. Hơn thế nữa, năm 2007 cũng là năm đánh dấu mốc son Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), điều này chứng tỏ nền kinh tế Việt Nam đã từng bước hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

Cùng với những lợi ích từ việc hội nhập với nền kinh tế thế giới, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những thách thức và khó khăn do việc hội nhập mang lại, điển hình là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bùng phát từ Mỹ. Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam năm 2008 lên đến 19,89%, trong khi tốc độ tăng trưởng GDP 2008 đã có dấu hiệu suy giảm chỉ đạt mức 6,23% so với mức 8,48% năm 2007.

Năm 2009, nền kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm thu hẹp đáng kể thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội khác của nước ta. Ở trong nước, thiên tai dịch bệnh xảy ra liên tiếp trên địa bàn cả nước cũng đã gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống dân cư. GDP năm 2009 chỉ tăng 5,32% trong khi tỷ lệ lạm phát ở mức 6,8%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch.

Năm 2010, kinh tế thế giới đã thoát ra khỏi đáy của khủng hoảng và bắt đầu những tín hiệu phục hồi nhưng chưa thực sự bền vững. Khủng hoảng nợ công tại một số nước châu Âu vẫn là mảng tối của bức tranh kinh tế thế giới. Trong bối cảnh đó, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện chính sách điều hành linh hoạt nhằm giảm bớt tác động xấu từ các yếu tố bên ngoài đến các ngành kinh tế, đồng thời đối phó với các khó khăn thách thức nội tại để đưa nền kinh tế nước ta đạt được một số thành tích cơ bản tốt hơn năm 2009: GDP tăng trưởng 6,78%, kim ngạch xuất khẩu tăng 25,5%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,3%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tăng 9,9%, đạt gần 10 tỷ USD. Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng còn thấp, tiềm ẩn không ít bất trắc. Chỉ số lạm phát năm 2010 là 11,75%. Như vậy, trong vòng bốn năm qua, có tới ba năm lạm phát ở mức hai con số (năm 2007 là 12,63%; năm 2008 là

22,97%). Việc CPI năm 2010 lên hai con số tạo nên bão giá, khiến doanh nghiệp và người dân đều gặp khó khăn. Thiên tai, lũ lụt cũng là nguyên nhân gây ra những thiệt hại lớn về người và tài sản.

Cuối năm 2010, nền kinh tế thế giới có nhiều tín hiệu lạc quan, tuy nhiên, bước sang năm 2011, sự phát triển của các nước có nền kinh tế đang trỗi dậy tuy vẫn có sự tăng trưởng cao, trung bình 6,3 % (theo báo cáo của World Bank), nhưng vấn đề lạm phát đang có nguy cơ lan rộng mang tính toàn cầu. Tháng 5/2011 mức lạm phát của Trung Quốc tới 5,5%, mức cao kỉ lục trong 34 tháng qua. Ấn Độ và Nga đều lạm phát xấp xỉ 9%, nhiều nước khác lạm phát cao ở mức hai con số. Nguyên nhân chủ yếu là do giá cả các mặt hàng nguyên nhiên liệu thế giới tăng cao, nhất là biến động thất thường của giá xăng dầu. Trưởng ban kinh tế của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IAEA) cho rằng nếu giá xăng dầu thế giới đạt ngưỡng 120 USD/thùng, kinh tế thế giới có thể rơi vào lần suy thoái thứ hai.

Những khó khăn mới của nền kinh tế thế giới đã có những tác động bất lợi đối với nền kinh tế Việt Nam. Trước tình hình đó, năm 2011, Chính phủ đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, trong đó những biện pháp rõ nét nhất được thể hiện tại Nghị quyết 11/NQ-CP. Việc thực hiện Nghị quyết 11/NP-CP của Chính phủ đã giúp nền kinh tế sáu tháng đầu năm 2011 đạt được những kết quả tích cực: nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khá với tăng trưởng GDP ước đạt 5,6%, thu ngân sách tăng, bội chi giảm, tỷ giá, thị trường ngoại hối từng bước ổn định, dự trữ ngoại tệ tăng, an sinh xã hội được quan tâm...

Tuy nhiên, mức tăng GDP sáu tháng đầu năm 2011 thấp hơn cùng kỳ năm 2010 (6,16%). Lạm phát vẫn ở mức cao (sáu tháng đầu năm CPI khoảng 13%), khu vực doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn gay gắt trong sản xuất kinh doanh do mặt bằng lãi suất quá cao, khó tiếp cận với các khoản tín dụng, nhập siêu tiếp tục ở mức cao (ước khoảng 7,5 tỷ USD, bằng 18% kim ngạch xuất khẩu) gây sức ép lớn đối với tỷ giá và thị trường ngoại hối,... Công tác dự báo vẫn chưa thực sự chuẩn xác.

Năm 2012, Chính phủ theo đuổi các biện pháp nhằm ổn định nền kinh tế, nhiều yếu tố vĩ mô được cải thiện đáng kể: lạm phát tiếp tục giảm, lãi suất đang dần được hạ thấp, tỷ giá được kiểm soát tốt... Tuy nhiên, việc chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa tiếp tục thắt chặt đã ảnh hưởng không nhỏ đến tăng trưởng kinh tế khi tốc độ tăng trưởng GDP Quý I/2012 chỉ đạt 4%. Trước bối cảnh GDP tăng trưởng thấp, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước đã có những động thái nới lỏng chính sách tiền tệ và tài khóa trong Quý II. Điều này đã giúp GDP Quý III/2012 và Quý IV tăng 5,35% và 5,44%, một dấu hiệu cải thiện so với mức tăng 4% của Quý I/2012 và 4,66% của Quý II/2012. Mặc dù vậy, tính chung cả năm, GDP chỉ tăng 5,03% so năm trước, thấp hơn nhiều so với mức tăng 5,89% năm 2011.

Bước sang năm 2013, Chính phủ và Nhà nước tiếp tục mục tiêu tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô với chính sách tiền tệ chặt chẽ được cụ thể hóa tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013. Chính vì vậy, mặc dù nền kinh tế đã có cải thiện nhưng GDP Quý I năm 2013 chỉ tăng 4,89% so với cùng kỳ năm 2012.

## 2. Rủi ro về lãi suất

Một trong những rủi ro đặc thù của ngân hàng thương mại là rủi ro lãi suất. Các loại rủi ro lãi suất trọng yếu bao gồm:

- **Rủi ro lãi suất cơ sở (basis risk):** là rủi ro do lãi suất cơ sở của tài sản Nợ và tài sản Có khác nhau, biến động không giống nhau ảnh hưởng đến lợi nhuận và giá trị vốn chủ sở hữu của Ngân hàng;
- **Rủi ro đường cong lãi suất (yield curve risk):** rủi ro do thay đổi lãi suất tại từng kỳ hạn không giống nhau. Rủi ro đường cong lãi suất xuất hiện khi có sự thay đổi về hình dạng hoặc độ dốc của đường cong lãi suất, ảnh hưởng đến lợi nhuận và giá trị vốn chủ sở hữu của Ngân hàng.
- **Rủi ro quyền chọn (options risk):** rủi ro này xuất hiện đối với các tài sản nợ, tài sản có gắn với quyền chọn. Quyền chọn là một trong những tính chất của sản phẩm mà khách hàng có thể lựa chọn sử dụng hay không sử dụng. Các quyền chọn này khi sử dụng sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận và giá trị vốn chủ sở hữu của Ngân hàng. Rủi ro quyền chọn có thể bao gồm nhưng không giới hạn các rủi ro sau:
  - ❖ *Rủi ro quyền trả nợ trước hạn:* khách hàng có quyền trả nợ sớm trước hạn mà không bị phạt có thể ảnh hưởng tới lợi nhuận của Ngân hàng nếu lãi suất giảm.
  - ❖ *Rủi ro quyền chọn rút trước hạn:* khách hàng có thể rút trước hạn và không bị phạt có thể ảnh hưởng tới lợi nhuận của Ngân hàng nếu lãi suất tăng.
  - ❖ Các rủi ro quyền chọn khác có thể gây ảnh hưởng đến lợi nhuận và giá trị vốn chủ sở hữu của Ngân hàng.
- **Rủi ro định giá lại (repricing risk):** là rủi ro do chênh lệch thời điểm định giá lại giữa tài sản Nợ và tài sản Có. Rủi ro định giá lại thường xuất hiện khi có sự khác biệt về kỳ hạn hoặc thời gian điều chỉnh lãi suất của Tài sản Nợ và Tài sản Có. Lãi suất biến động có ảnh hưởng đến lợi nhuận và giá trị vốn chủ sở hữu của Ngân hàng.

Rủi ro lãi suất có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và giá trị vốn chủ sở hữu của ngân hàng trên 2 phương diện chính bao gồm:

- **Từ phương diện thu nhập (NII perspective):** Phương pháp tiếp cận truyền thống của các ngân hàng để đánh giá rủi ro lãi suất thường tập trung vào phân tích ảnh hưởng của sự thay đổi lãi suất đến thu nhập lãi và chi phí lãi;
- **Từ phương diện giá trị vốn chủ sở hữu (EVE perspective):** Giá trị vốn chủ sở hữu của ngân hàng bị tác động bởi rủi ro lãi suất sẽ làm thay đổi giá trị hiện tại của tất cả dòng tiền trong tương lai. Do vậy, giá trị kinh tế thể hiện cái nhìn toàn diện về ảnh hưởng có thể xảy ra khi lãi suất thay đổi ảnh hưởng đến giá trị của một ngân hàng.

Để phòng tránh rủi ro lãi suất, VietinBank trong thời gian qua đã chủ động áp dụng một số chính sách để giảm thiểu rủi ro lãi suất như:

- Xây dựng và hoàn thiện khung quy định, quy trình quản lý rủi ro lãi suất theo thông lệ quốc tế và quy định của Basel II;
- Thiết lập bộ chỉ số quản lý rủi ro lãi suất, thường xuyên nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro lãi suất, đảm bảo trạng thái rủi ro lãi suất của Ngân hàng nằm trong giới hạn rủi ro cho phép;
- Áp dụng điều khoản chi phí huy động vốn thực tế trong các hợp đồng tín dụng nhằm giảm thiểu tác động của rủi ro lãi suất đến lợi nhuận và giá trị vốn chủ sở hữu của Ngân hàng;
- Sử dụng các công cụ tài chính trên thị trường Liên ngân hàng và các công cụ lãi suất nhằm tái cấu trúc bảng cân đối để quản lý trạng thái rủi ro lãi suất nằm trong các hạn mức được cho phép.

### 3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được xác định là rủi ro mất vốn, lãi hoặc các thu nhập liên quan khác phát sinh từ việc khách hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký với VietinBank. Về cơ bản, rủi ro tín dụng chủ yếu phát sinh từ các giao dịch nội và ngoại bảng bao gồm hoạt động cấp tín dụng: cho vay, bảo lãnh, chiết khấu, thấu chi, bao thanh toán và một số hoạt động đầu tư và hoạt động kinh doanh có phát sinh rủi ro tín dụng.

Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro tín dụng tại VietinBank được chia thành 3 vòng kiểm soát, bảo đảm kiểm soát độc lập giữa các bộ phận, bao gồm: các đơn vị, cá nhân thuộc Khối kinh doanh (lớp bảo vệ thứ nhất), bộ phận quản lý rủi ro tín dụng và kiểm soát tuân thủ (lớp bảo vệ thứ hai), và bộ phận kiểm toán nội bộ (lớp bảo vệ thứ ba).

Công tác quản trị rủi ro tín dụng đang được hoàn thiện theo hướng tiếp cận ngày càng gần hơn với thông lệ quốc tế và tiến tới tuân thủ các quy định của Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng. Cụ thể, công tác quản trị rủi ro tín dụng tại VietinBank đang được chuẩn hóa theo 5

bước, bao gồm: Nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro, giám sát rủi ro, và báo cáo.

Chiến lược và khẩu vị rủi ro tín dụng được VietinBank ban hành cho từng thời kỳ, là kim chỉ nam cho hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Theo đó, VietinBank đã ban hành chính sách quản lý rủi ro tín dụng và có điều chỉnh chính sách tín dụng từng thời kỳ như: đa dạng hóa danh mục đầu tư, ban hành toàn diện và thường xuyên cập nhật các quy định, quy trình cấp và quản lý tín dụng như quy định cho vay đối với các tổ chức kinh tế; quy định cho vay tiêu dùng, quy trình chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng, quy trình cho vay vốn lưu động, quy trình cho vay dự án đầu tư, quy trình kiểm tra giám sát khoản vay, quy trình quản lý và xử lý nợ có vấn đề, xét duyệt hạn mức tín dụng, quy định mức phán quyết tín dụng theo cấp độ.

Để đo lường rủi ro tín dụng, VietinBank hiện áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng (theo phương pháp chuyên gia) riêng cho từng loại khách hàng như khách hàng là doanh nghiệp, khách hàng là các định chế tài chính và khách hàng cá nhân. Xếp hạng tín dụng là một trong những cơ sở quan trọng để xem xét cấp hạn mức tín dụng đối với khách hàng. Ngoài ra, VietinBank đang trong quá trình xây dựng và thử nghiệm hệ thống tính PD, EAD, LGD sử dụng phương pháp thống kê nhằm tiếp cận gần hơn với quy định của Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng.

Để kiểm soát và giám sát rủi ro tín dụng hiệu quả, VietinBank thực hiện phân cấp quyết định tín dụng từ HĐQT đến trưởng phòng giao dịch; cảnh báo rủi ro đối với các ngành hàng, các khu vực kinh tế, các doanh nghiệp, tài sản bảo đảm... Đặc biệt để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong quyết định cấp và quản lý tín dụng, VietinBank đã triển khai thành công mô hình thẩm định và phê duyệt tập trung với mục tiêu chủ yếu là quản lý tập trung công tác thẩm định trước khi cấp tín dụng, tăng cường khả năng phát hiện, phòng ngừa, cảnh báo sớm rủi ro tín dụng.

Ngoài các quy trình quản lý rủi ro tín dụng, VietinBank còn chú trọng công tác xây dựng văn hóa rủi ro, thực hiện kiểm tra nghiệp vụ hàng năm và chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ tín dụng.

#### 4. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục tài sản Nợ và tài sản Có bằng ngoại tệ tại Ngân hàng. Hai hoạt động chính làm phát sinh rủi ro tỷ giá là: (i) Các hoạt động nội bảng thông qua việc đi vay và đầu tư bằng ngoại tệ; (ii) các hoạt động ngoại bảng thông qua việc mua bán ngoại tệ phục vụ cho khách hàng và cho chính mình. Và cả hai hoạt động này đều tạo ra trạng thái ngoại tệ mở trường hay đoản. Do vậy, biến động tỷ giá trên thị trường càng mạnh thì rủi ro tỷ giá càng lớn. Để

quản trị rủi ro về ngoại hối, VietinBank thiết lập hệ thống quản lý trạng thái ngoại tệ tập trung toàn hệ thống với mục đích tăng cường hiệu quả quản trị rủi ro tỷ giá, tiết kiệm chi phí vốn, tối đa hóa hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngoại tệ tập trung của toàn hệ thống. Trong đó quy định hạn mức trạng thái ngoại tệ cụ thể trong ngày và trạng thái ngoại tệ cuối ngày cho từng chi nhánh, hạn mức đối tác về Hội sở chính. Tại Hội sở chính, các trạng thái ngoại hối phát sinh của toàn hệ thống được kiểm soát và cân bằng kịp thời, đảm bảo cuối ngày trên bảng cân đối toàn hệ thống, trạng thái ngoại hối được duy trì ở mức hợp lý, an toàn và tuân thủ quy định của pháp luật, để giảm thiểu và phòng tránh rủi ro về ngoại hối. Ngoài các quy định về trạng thái, hạn mức, nghiệp vụ mua bán ngoại tệ giao ngay. Hiện tại VietinBank còn áp dụng các nghiệp vụ phái sinh như kỳ hạn, hoán đổi và quyền chọn ngoại tệ.

## 5. Rủi ro về thanh khoản

Thanh khoản là một mấu chốt quan trọng trong công tác quản lý cân đối vốn – là yếu tố sống còn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Rủi ro thanh khoản là tình trạng ngân hàng thiếu khả năng thanh toán do không chuyển đổi kịp các loại tài sản thành tiền, phải huy động các nguồn với chi phí cao so với thị trường hoặc không thể vay mượn để đáp ứng khả năng thanh toán.

Rủi ro thanh khoản bao gồm các loại sau:

- **Rủi ro thanh khoản thị trường:** là tình trạng ngân hàng gặp khó khăn trong việc bù đắp thiếu hụt thanh khoản thông qua việc chuyển đổi tài sản lỏng thành tiền ở mức giá của thị trường.
- **Rủi ro thanh khoản nguồn vốn:** là tình trạng ngân hàng thiếu khả năng thanh toán, không đáp ứng ngay được các nghĩa vụ chi trả hiện tại và trong tương lai theo dự kiến và phát sinh đột xuất. Rủi ro thanh khoản nguồn vốn được kiểm soát thông qua 3 loại rủi ro sau:
  - ❖ Rủi ro thanh toán: rủi ro liên quan đến các nghĩa vụ thanh toán “trong ngày”;
  - ❖ Rủi ro thanh khoản: tình trạng thanh khoản hiện tại trong điều kiện thị trường bình thường và điều kiện căng thẳng trong ngắn hạn;
  - ❖ Rủi ro cấu trúc nguồn vốn: dự báo tình trạng thanh khoản trung và dài hạn.

VietinBank quản lý rủi ro thanh khoản trên giác độ xem xét tổng thể mối liên hệ giữa rủi ro thanh khoản và các loại rủi ro khác bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý, rủi ro danh tiếng. Rủi ro thanh khoản có thể phát sinh nếu các loại rủi ro khác không được quản lý hoặc quản lý không tốt. VietinBank cũng xác định những sự việc trước đây của thị trường có thể có ảnh hưởng tới nhận định công chúng và các bên liên quan về hoạt động ổn định và hiệu quả của ngân hàng.

VietinBank trong thời gian qua đã chủ động áp dụng một số chính sách để giảm thiểu rủi ro thanh khoản như:

- Xây dựng và hoàn thiện khung quy định, quy trình quản lý rủi ro thanh khoản theo thông lệ quốc tế và quy định của Basel II;
- Thiết lập bộ chỉ số quản lý rủi ro thanh khoản, thường xuyên nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro thanh khoản, đảm bảo trạng thái rủi ro thanh khoản của Ngân hàng nằm trong giới hạn rủi ro cho phép;
- Bên cạnh việc lập kế hoạch sử dụng và cân đối vốn hợp lý, VietinBank luôn tính toán và duy trì tỷ lệ hợp lý tài sản dưới dạng tiền mặt, tài sản tương đương tiền, tài khoản Nostro, các công cụ thị trường tiền tệ và các quỹ dự trữ đặc biệt tại NHNN.

## 6. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các nghiệp vụ tài chính được hạch toán ngoại bảng, các nghiệp vụ này (chủ yếu là nghiệp vụ bảo lãnh tài chính và giao dịch thư tín dụng) cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Đối với các nghiệp vụ bảo lãnh tài chính, rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng nhưng rủi ro thấp hơn so với hoạt động cho vay. Do đó, VietinBank đã phân loại bảo lãnh, thư tín dụng để cung cấp sản phẩm cho khách hàng và có các biện pháp giám sát việc thực hiện nghĩa vụ đã được thỏa thuận trong hợp đồng của khách hàng với đối tác. Đồng thời, việc phân cấp bảo lãnh, mở thư tín dụng cho khách hàng được thực hiện trên cơ sở thẩm định chặt chẽ như khoản vay theo các quy định, quy trình nghiệp vụ.

Khi thực hiện phát hành các thư tín dụng thương mại trả ngay/trả chậm, khách hàng của VietinBank là Người mua/Nhà nhập khẩu hàng hóa và Bên thụ hưởng là Người bán/Nhà xuất khẩu hàng hóa, rủi ro phát sinh từ các giao dịch này khi Bên thụ hưởng đã hoàn thành nghĩa vụ mà khách hàng không thực hiện thanh toán. Lúc đó, Ngân hàng sẽ phải thanh toán cho Bên thụ hưởng thay cho khách hàng, nghĩa vụ phát sinh của khách hàng sẽ được thanh toán trong nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc. Để hạn chế rủi ro này, Ngân hàng đã có các biện pháp như kiểm soát chặt chẽ bộ chứng từ hàng hóa hoặc yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các giao dịch này khi cần thiết. Tỷ lệ ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị thư tín dụng phát hành tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng và có thể không thực hiện biện pháp đảm bảo trong trường hợp khách hàng có năng lực tài chính đủ mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phương án kinh doanh có khả thi.

## 7. Rủi ro về luật pháp

Là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nên mọi hoạt động của VietinBank nói chung, cũng như việc niêm yết cổ phiếu của VietinBank trên Sở Giao dịch chứng khoán nói riêng đều chịu điều chỉnh của các quy định luật pháp theo từng thời kỳ như Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản chính sách của Ngân hàng Nhà nước và các bộ ngành liên quan khác. Mọi sự thay đổi của quy định pháp luật cũng như chính sách của Ngân hàng Nhà nước đều ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của VietinBank. Ý thức được tầm quan trọng của vấn đề này, trong những năm qua VietinBank đã tổ chức các đơn vị, xây dựng các quy trình/phương pháp đồng thời liên tục củng cố, hoàn thiện bộ máy nhằm hạn chế tối đa rủi ro pháp lý, với những điểm chính như sau:

- Thành lập Phòng Pháp chế với chức năng tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo về các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động kinh doanh của VietinBank, nhằm hạn chế tối đa rủi ro và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của VietinBank, liên tục nghiên cứu, cập nhật những thay đổi của pháp luật; đồng thời hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu tư vấn pháp lý trong toàn hệ thống.
- Xây dựng các quy định, quy trình nội bộ điều chỉnh một số hoạt động thường xuyên như soạn thảo các bộ mẫu Hợp đồng, tư vấn pháp luật trong hệ thống, tham gia tố tụng, cung cấp thông tin ... với mục tiêu nhằm chuẩn hoá và hướng dẫn chi tiết tới từng cá nhân, đơn vị để đảm bảo việc tuân thủ pháp luật trong quá trình tác nghiệp.
- Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nhằm nâng cao kiến thức và hiểu biết pháp luật về hoạt động cấp tín dụng, giao dịch bảo đảm, cũng như các kỹ năng đàm phán, thương thảo, soạn thảo Hợp đồng, giải quyết tranh chấp.
- Trong những trường hợp cần thiết (giao dịch có giá trị lớn, phức tạp hoặc giao dịch với đối tác nước ngoài), thuê các Đơn vị tư vấn Luật có uy tín trong và ngoài nước cung cấp các dịch vụ pháp lý nhằm hỗ trợ, đảm bảo sự tuân thủ quy định pháp luật..
- Xây dựng và hệ thống hóa kho dữ liệu Pháp luật đồng thời chủ động đưa ra các biến động về chính sách đối với tài sản Nội và Ngoại bảng khi có sự bắt đầu quá trình xây dựng, lấy ý kiến, thông qua các Văn bản chính sách của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

## 8. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động của Ngân hàng. Hệ thống công nghệ thông tin góp phần giúp Ngân hàng hoạt động chuyên nghiệp, xử lý kịp thời các giao dịch, đảm bảo tính an toàn và bảo mật trong công tác quản lý dữ liệu.

Rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin là những rủi ro, thiệt hại do yếu tố kỹ thuật công nghệ, những sai sót trong quá trình vận hành hệ thống gây ra. Trong những năm qua VietinBank đã chú trọng đầu tư, không ngừng nâng cấp hệ thống và đưa ra các chính sách kiểm soát bảo mật, an ninh, an toàn hệ thống dành cho nhân viên nhằm giảm thiểu những rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin. VietinBank đã đưa vào sử dụng Trung tâm dự phòng thông tin. Hiện nay, VietinBank đang tiếp tục đẩy mạnh tiến độ các dự án nâng cấp công nghệ thông tin.

## 9. Rủi ro tác nghiệp

Rủi ro tác nghiệp là loại rủi ro liên quan đến công nghệ, cơ sở hạ tầng, quy trình nghiệp vụ, yếu tố con người v.v. trong quá trình hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Rủi ro tác nghiệp liên quan những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm thiệt hại cho khách hàng và đôi tác dẫn đến việc ngân hàng bị khởi kiện. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro này là do con người hoặc hệ thống công cụ quản lý. Để phòng chống rủi ro này, VietinBank đã thực hiện chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ chính theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Bên cạnh đó, các quy trình trong quản lý bao gồm: tuyển dụng, đào tạo, đánh giá nội bộ, thiết kế và phát triển sản phẩm, quản lý tài sản khách hàng v.v. đã được tiêu chuẩn hóa.

## 10. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Giá cổ phiếu của Ngân hàng được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Ngoài ra, khi Ngân hàng phát hành tăng vốn, cổ phiếu bị pha loãng, thu nhập trên một cổ phiếu giảm. Giá cổ phiếu VietinBank cũng không nằm ngoài quy luật chung đó.

Để giúp nhà đầu tư có được những nhận định đúng về giá trị nội tại và tiềm năng của cổ phiếu CTG, VietinBank đã thiết lập bộ phận chuyên trách phân tích và cung cấp thường xuyên đến nhà đầu tư những thông tin đúng và cập nhật về tình hình hoạt động, những định hướng, chiến lược của Ngân hàng thông qua nhiều kênh thông tin đại chúng. Kịp thời giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư liên quan đến hoạt động Ngân hàng và các thông tin làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu.

## 11. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Việc phát hành thêm cổ phiếu sẽ gây ra rủi ro pha loãng cổ phiếu của VietinBank. Sau khi phát hành, chỉ số lợi nhuận sau thuế trên một cổ phiếu (EPS) sẽ giảm do tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tăng thêm so với trước khi phát hành.

+ EPS trong năm 2012 (Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012):

| Chỉ tiêu                        | Năm 2012   |
|---------------------------------|------------|
| Vốn điều lệ (triệu đồng)        | 26.217.545 |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) | 6.196.679  |
| EPS (đồng/cổ phiếu)             | 2.053      |

+ EPS dự kiến năm 2013:

| Chỉ tiêu                          | Năm 2013                 |
|-----------------------------------|--------------------------|
| Vốn điều lệ (triệu đồng)          | 37.234.443               |
| Vốn điều lệ tại thời điểm 5/2013  | 32.661.443               |
| Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng) | 8.600.000                |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)   | 6.450.000 <sup>(*)</sup> |

*Nguồn: Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh 2012 và kế hoạch phát triển năm 2013*

*(\*) : Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.*

- Trong trường hợp VietinBank không thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thì với mức lợi nhuận dự kiến trong năm 2013 là 6.450.000 triệu đồng, thì thu nhập dự kiến trên mỗi cổ phiếu của năm 2013 là 2.152 đồng/cổ phiếu.
- Trong trường hợp VietinBank chào bán thành công cổ phiếu để tăng vốn điều lệ (giả định đợt chào bán sẽ hoàn thành vào cuối tháng 9/2013), vốn điều lệ của VietinBank lúc đó là 37.234.045 triệu đồng, nếu lợi nhuận dự kiến trong năm 2013 là 6.450.000.000.000 đồng, thì EPS điều chỉnh của năm 2013 là:

$$\text{EPS điều chỉnh năm 2013} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế dự kiến}}{\text{Số cổ phiếu lưu hành bình quân dự kiến}^{(**)}}$$

$$\text{Số cổ phiếu lưu hành bình quân dự kiến}^{(**)} = \frac{(2.621.754.537 \times 5) + (3.266.144.348 \times 4) + (3.723.444.348 \times 3)}{12} = 3.111.973.593 \text{ (cổ phiếu)}$$

$$\text{EPS điều chỉnh năm 2013} = \frac{6.450.000.000.000 \text{ đồng}}{3.111.973.593 \text{ cổ phiếu}} = 2.073 \text{ (đồng/cổ phiếu)}$$

Như vậy, EPS điều chỉnh của năm 2013 giảm 79 đồng/cổ phiếu so với trường hợp không chào bán thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

- + Do hiện tượng pha loãng cổ phiếu, giá cổ phiếu có thể giảm xuống theo công thức sau:

Với 457.260.209 cổ phiếu dự kiến chào bán thêm với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, giá cổ phiếu pha loãng sau đợt chào bán được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá cổ phiếu dự kiến sau khi pha loãng} = \frac{(\text{Số lượng cổ phiếu trước khi chào bán} \times \text{Giá cổ phiếu trước khi chào bán}) + (\text{Số lượng cổ phiếu chào bán} \times \text{Giá cổ phiếu chào bán})}{\text{Số lượng cổ phiếu trước khi chào bán} + \text{Số lượng cổ phiếu chào bán}}$$

Ví dụ: Giá cổ phiếu VietinBank tính theo giá đóng cửa ngày 09/7/2013 là 19.700 đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu sau khi pha loãng do chào bán cổ phiếu là:

$$\begin{array}{lcl} \text{Giá cổ phiếu sau} & & \\ \text{khi pha loãng do} & & \\ \text{chào bán cổ phiếu} & = & \frac{3.266.144.348 \times 19.700 + 457.300.000 \times 10.000}{3.723.444.348} = 18.509 \\ \text{ra công chúng} & & \text{đồng/cổ phiếu} \end{array}$$

Những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như VietinBank sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh sau đợt phát hành cổ phiếu.

## 12. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán được tính toán kỹ lưỡng căn cứ vào tình hình thị trường, giá chào bán và mục đích huy động vốn phù hợp. Tuy nhiên, rủi ro liên quan đến đợt chào bán là không thể loại trừ vì ngoài những lý do khách quan không thể kiểm soát như tình hình kinh tế xã hội biến động thì các yếu tố thuộc tâm lý của nhà đầu tư sẽ ảnh hưởng đến đợt chào bán chứng khoán của VietinBank. Trong trường hợp không chào bán hết, số lượng cổ phần còn lại sẽ được giao cho Hội đồng Quản trị quyết định phân phối cho các nhà đầu tư nhưng giá bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phần).

## 13. Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây ảnh hưởng cho hoạt động của Ngân hàng.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức phát hành - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank)**

Ông Phạm Huy Hùng                      Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thắng                Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Hưng                Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Lệ Nga                    Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thông lệ và thực tế tại VietinBank mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức tư vấn – Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt nam (VietinBankSc)**

Đại diện: Ông Đỗ Linh Phương              Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam cung cấp.

## III. CÁC KHÁI NIỆM

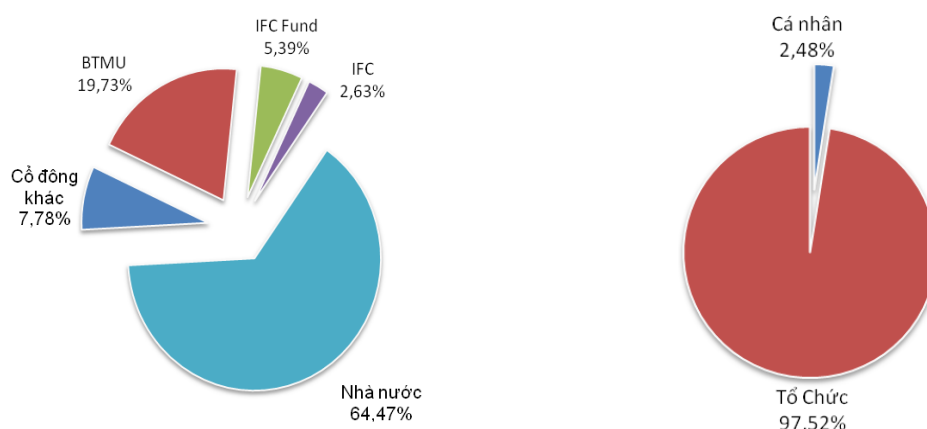
|                  |                                                                                 |
|------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| Tổ chức niêm yết | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam                               |
| NHTMCPCTVN       | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam                               |
| VietinBank       | Tên viết tắt của Ngân hàng TM Cổ phần Công thương Việt Nam                      |
| NHCTVN           | Ngân hàng Công thương Việt Nam                                                  |
| NHTMCP           | Ngân hàng Thương mại cổ phần                                                    |
| NHTMNN           | Ngân hàng Thương mại Nhà nước                                                   |
| DNVVN            | Doanh nghiệp vừa và nhỏ                                                         |
| NHTM             | Ngân hàng thương mại                                                            |
| TCTD             | Tổ chức tín dụng                                                                |
| HĐQT             | Hội đồng Quản trị                                                               |
| BKS              | Ban kiểm soát                                                                   |
| CP               | Cổ phần                                                                         |
| NHNN             | Ngân hàng Nhà nước                                                              |
| DNNN             | Doanh nghiệp nhà nước                                                           |
| ALCO             | Asset - Liability Management Committee - Ủy ban Quản Lý Tài sản Nợ - Tài sản Có |
| ATM              | Automated Teller Machine - Máy rút tiền tự động                                 |
| CĐ               | Cổ đông                                                                         |
| AML              | Anti-Money Laundering – Chống rửa tiền                                          |

## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

### 1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên gọi doanh nghiệp: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
- Tên giao dịch đối ngoại: VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE
- Tên viết tắt: VIETINBANK
- Logo 
- Địa chỉ doanh nghiệp: Số 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 84.4. 3942 1030 Fax: 84.4. 3942 1032
- Website: <http://www.vietinbank.vn>
- Slogan: Nâng giá trị cuộc sống
- Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam số 142/GP-NHNN của NHNN cấp ngày 03 tháng 07 năm 2009;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 14/5/2013;
- Vốn điều lệ hiện tại: 32.661.443.480.000 đồng, trong đó:

**Hình 1: Cơ cấu vốn điều lệ Vietinbank thời điểm 14/6/2013**



*Nguồn: Vietinbank*

- Phạm vi lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng bao gồm:
  - ✓ Huy động vốn: Hoạt động huy động vốn bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng bằng nội và ngoại tệ, phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, kỳ phiếu, và các giấy tờ có giá khác để huy động nguồn vốn, vay từ các định chế tài chính trong nước và nước ngoài, vay từ NHNN, và các hình thức vay vốn khác theo quy định của NHNN.
  - ✓ Hoạt động tín dụng: Tín dụng là một trong những hoạt động kinh doanh chính của VietinBank. Các hoạt động tín dụng của VietinBank bao gồm cấp vốn vay bằng nội và ngoại tệ, bảo lãnh, chiết khấu, cho thuê tài chính, và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.
  - ✓ Hoạt động đầu tư: Các hoạt động đầu tư của VietinBank được thực hiện thông qua việc tích cực tham gia vào thị trường liên ngân hàng và thị trường vốn. Tài sản đầu tư bao gồm Trái phiếu Chính phủ, Tín phiếu kho bạc, Tín phiếu NHNN, Công trái xây dựng Tổ quốc, Trái phiếu giáo dục, Trái phiếu Chính quyền địa phương, Trái phiếu NHTM, Trái phiếu doanh nghiệp v.v. Ngoài ra VietinBank còn góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp trong và ngoài nước và góp vốn liên doanh với các tổ chức nước ngoài.
  - ✓ Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ: VietinBank tập trung cung cấp dịch vụ thanh toán và ngân quỹ cho khách hàng, bao gồm thanh toán trong nước và quốc tế, thu chi hộ khách hàng, thu chi bằng tiền mặt và séc.
  - ✓ Các hoạt động khác: Bên cạnh các dịch vụ kinh doanh chính, VietinBank cung cấp một số dịch vụ bổ sung cho khách hàng bao gồm các hoạt động trên thị trường tiền tệ, kinh doanh giấy tờ có giá bằng VND và ngoại tệ, chuyển tiền trong nước và quốc tế, chuyển tiền kiều hối, kinh doanh vàng và ngoại hối, các hoạt động đại lý và ủy thác, bảo hiểm, các hoạt động chứng khoán thông qua các công ty con, dịch vụ tư vấn tài chính, dịch vụ quản lý vốn, dịch vụ thấu chi, dịch vụ thẻ, gửi và giữ tài sản, cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán, dịch vụ ngân hàng qua điện thoại, dịch vụ ngân hàng điện tử, v.v.
  - ✓ Sản phẩm và dịch vụ cung cấp
    - Cho vay (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) và đầu tư
    - Dịch vụ huy động tiền gửi dân cư (ngắn, trung, dài hạn)
    - Dịch vụ chuyển tiền trong và ngoài nước
    - Dịch vụ chứng khoán
    - Dịch vụ mở và sử dụng tài khoản

- Dịch vụ thanh toán xuất nhập khẩu
- Các dịch vụ ngân hàng bán buôn và bán lẻ trong và ngoài nước
- Dịch vụ tư vấn tài chính tiền tệ
- Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ
- Dịch vụ chiết khấu và tái chiết khấu
- Dịch vụ ngân hàng điện tử Internet Banking, Phone Banking, Mobile Banking và SMS Banking
- Dịch vụ thẻ (thẻ tín dụng quốc tế, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước)
- Dịch vụ chuyển tiền kiều hối
- Dịch vụ bảo hiểm và tái bảo hiểm
- Dịch vụ bảo lãnh và tái bảo lãnh
- Cho thuê tài chính
- Hoạt động ngân hàng đại lý
- Các dịch vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Ngân hàng.

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank), tiền thân là Ngân hàng Công thương Việt Nam, được thành lập dưới tên gọi Ngân hàng chuyên doanh Công thương Việt Nam theo Nghị định số 53/NĐ-HĐBT ngày 26 tháng 03 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức bộ máy NHNNVN và chính thức được đổi tên thành “*Ngân hàng Công thương Việt Nam*” theo quyết định số 402/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ngày 14 tháng 11 năm 1990.

Ngày 27 tháng 03 năm 1993, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 67/QĐ-NH5 về việc thành lập NHCTVN thuộc NHNNVN. Ngày 21 tháng 09 năm 1996, được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính Phủ, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 285/QĐ-NH5 về việc thành lập lại NHCTVN theo mô hình Tổng Công ty Nhà nước được quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 1994 của Thủ tướng Chính Phủ.

Ngày 23 tháng 09 năm 2008, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký quyết định 1354/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ngày 02 tháng 11 năm 2008, Ngân hàng Nhà nước ký quyết định số 2604/QĐ-NHNN về việc công bố giá trị doanh nghiệp Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ngày 25 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng

Công thương tổ chức bán đấu giá cổ phần ra công chúng thành công và thực hiện chuyển đổi thành doanh nghiệp cổ phần.

Ngày 03/07/2009, Ngân hàng Nhà nước ký quyết định số 14/GP-NHNN thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chính thức hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hà Nội cấp ngày 03/07/2009.

Ngày 16/7/2009 cổ phiếu của VietinBank chính thức được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là CTG.

Năm 2010 VietinBank đã đạt được những kết quả khả quan, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước, ổn định nền kinh tế, tích cực thực thi các giải pháp chỉ đạo của Chính phủ, chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, phát huy vai trò của một ngân hàng thương mại chủ đạo và chủ lực của Việt Nam: Tổng tài sản tăng 51%, tổng nguồn vốn huy động tăng 54%, tổng đầu tư, cho vay nền kinh tế tăng 52% , trong đó tổng dư nợ cho vay nền kinh tế tăng 43,5%, nợ xấu ở mức 0,6%, lợi nhuận trước thuế tăng 36% so với năm trước.

Ngân hàng hiện tại có quan hệ đại lý với hơn 1000 ngân hàng, định chế tài chính tại trên 100 quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Trong hai năm từ năm 2011, Vietinbank cũng đã thành lập 2 chi nhánh ở Đức tại Frankfurt và Berlin và 1 chi nhánh tại Vientiane (Lào).

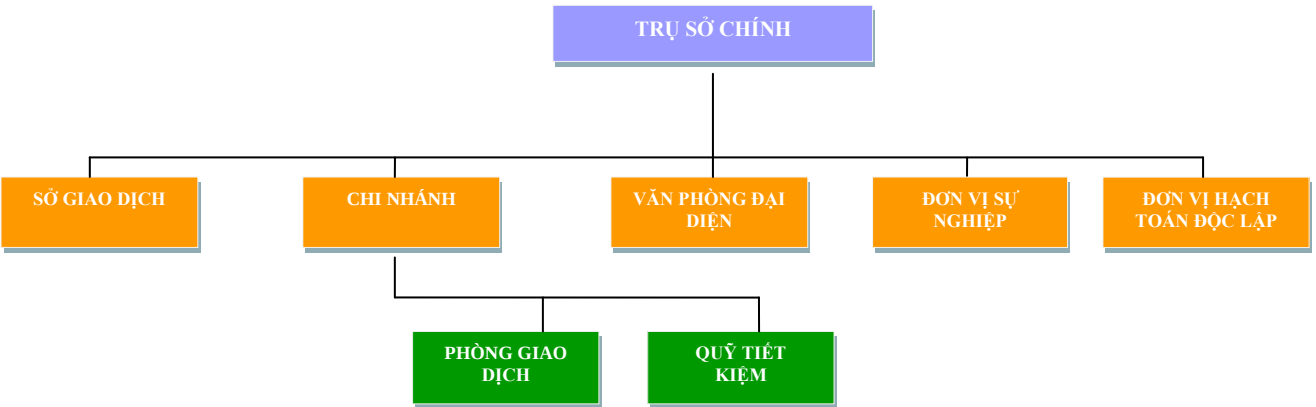
Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển đến nay, VietinBank đã phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng với mạng lưới hoạt động được phân bố rộng khắp tại 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Đến 31/5/2013, hệ thống mạng lưới của VietinBank bao gồm 01 Hội sở chính; 01 Sở Giao dịch; 148 chi nhánh trong nước, 03 chi nhánh nước ngoài, 944 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm; 1.829 máy rút tiền tự động (ATM); 02 Văn phòng đại diện trong nước và 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar; và 07 Công ty con bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính VietinBank, Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc), Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Công thương Việt Nam, Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam, Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý Ngân hàng Công thương Việt Nam; Công ty TNHH Một thành viên chuyển tiền toàn cầu; 03 đơn vị sự nghiệp bao gồm Trung tâm thẻ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực. Ngoài ra, VietinBank còn góp vốn liên doanh vào Ngân hàng Indovina và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ VietinBank Aviva, góp vốn vào 08 công ty trong đó có Công ty cổ phần Chuyển mạch Tài chính quốc gia Việt Nam, Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên, Công ty cổ phần cao su Phước Hòa, Ngân hàng thương mại cổ phần Bản

Việt, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương, Công ty CP Thép Thái Nguyên v.v.

### 3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng

#### 3.1. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

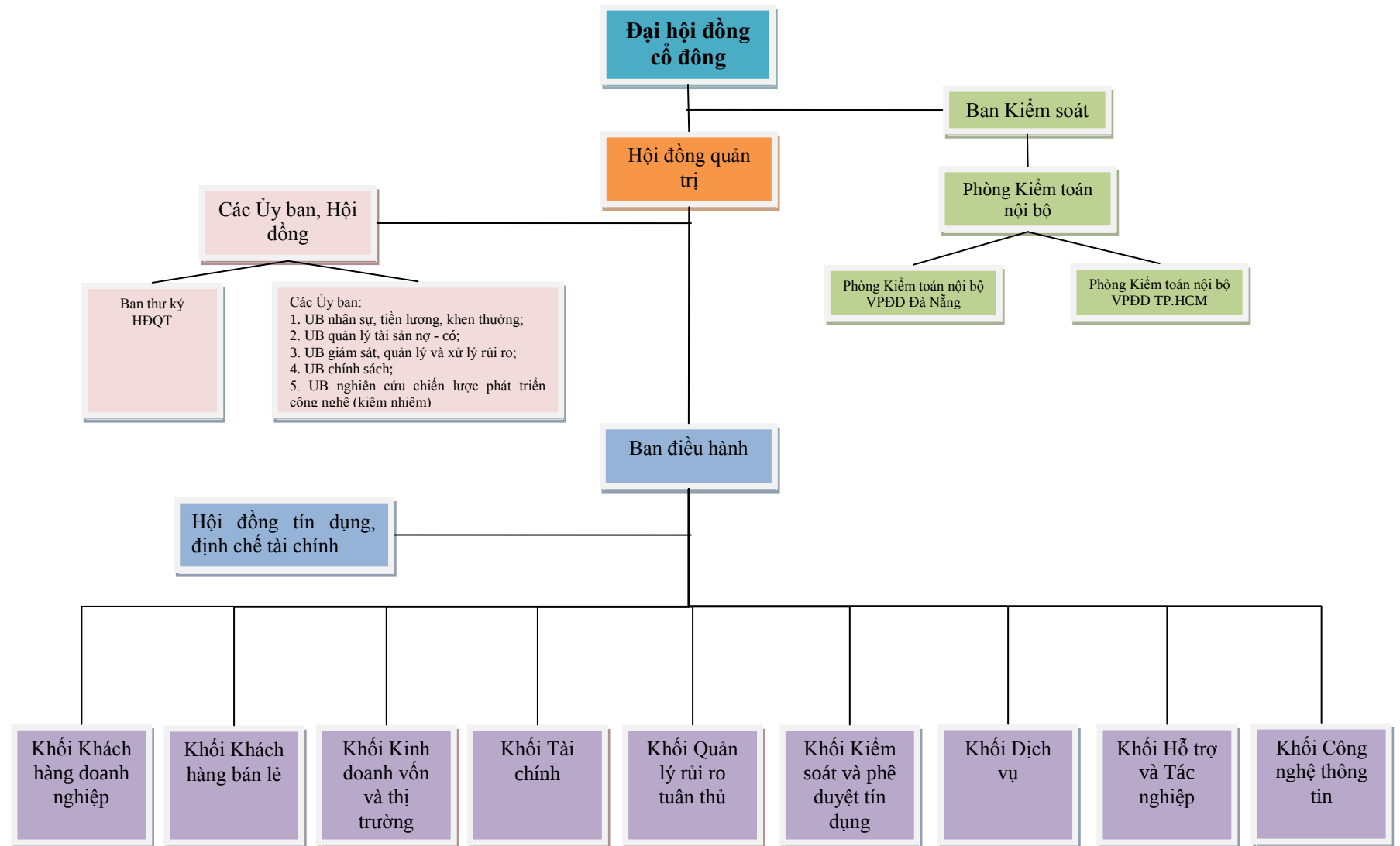
Hình 2: Hệ thống tổ chức



(Nguồn: VietinBank)

#### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của NHTMCP Công thương Việt Nam

**Hình 3: Cơ cấu tổ chức chi tiết**

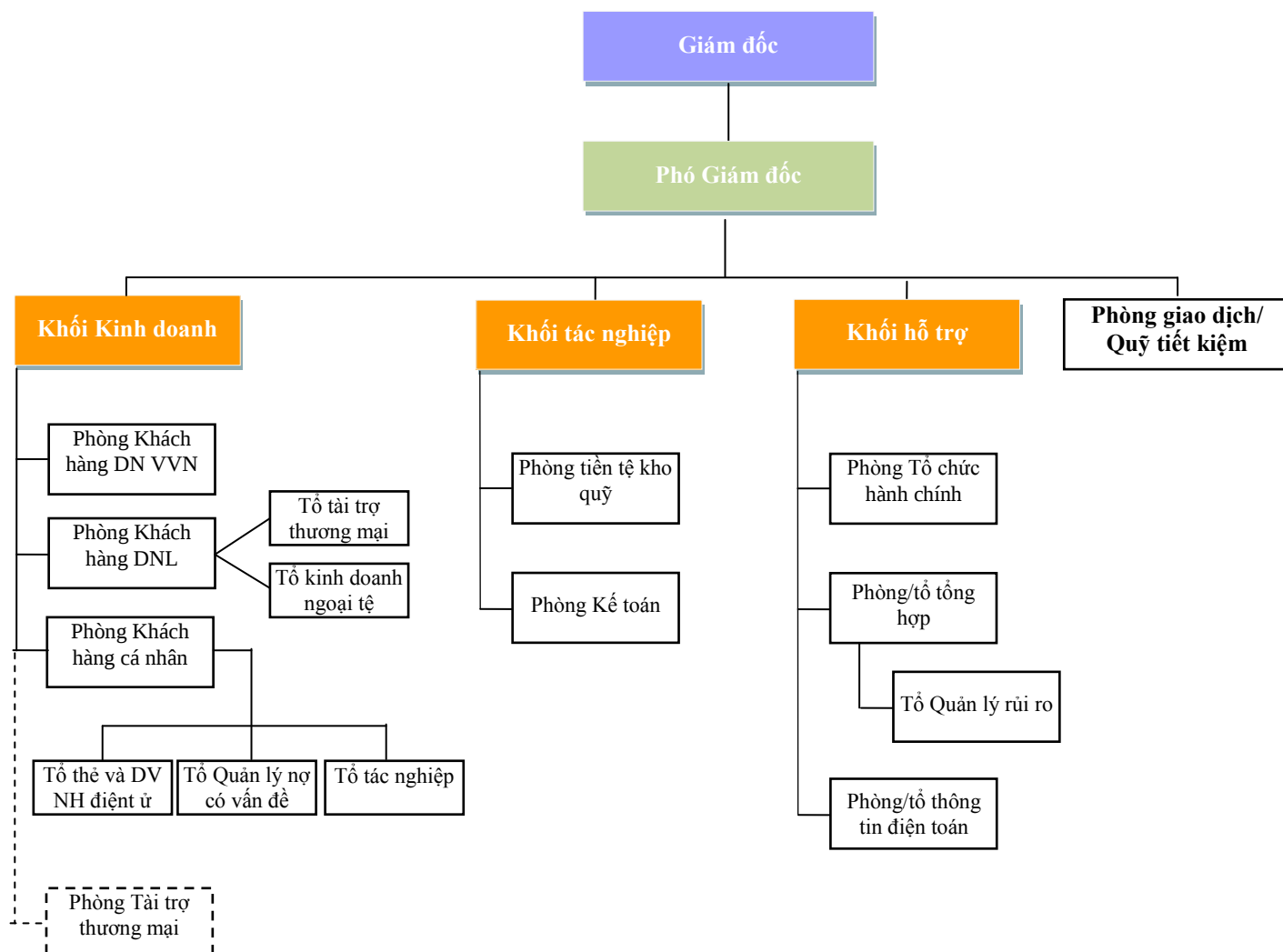


**Ghi chú:** → Quan hệ giám sát

Nguồn: Vietinbank

Các chi nhánh của NHCT được cơ cấu theo hai mô hình tổ chức sau:

**Hình 4: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (Mô hình 1)**

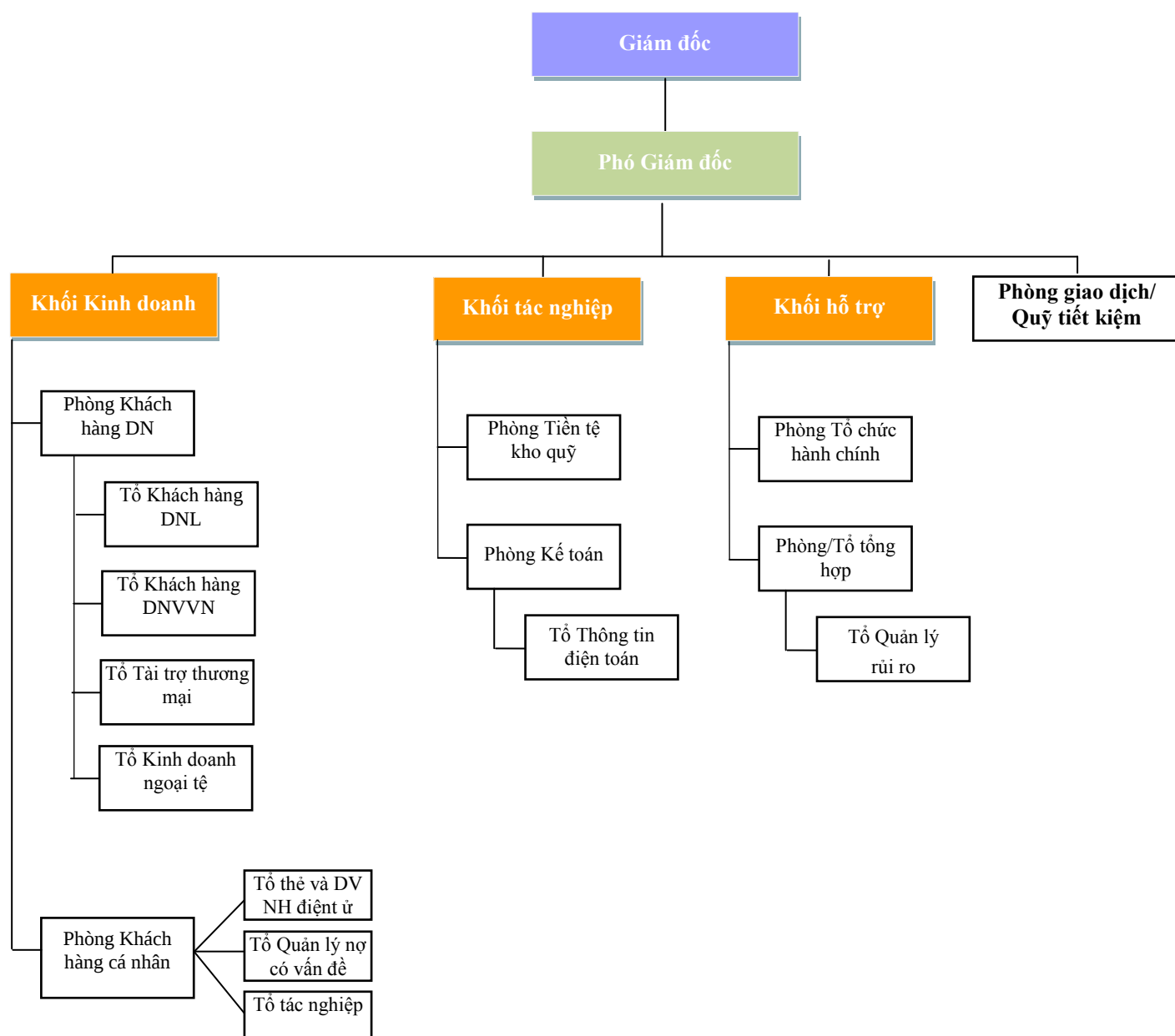


*Ghi chú: Trường hợp quy mô phát sinh nghiệp vụ tài trợ thương mại lớn. Có thể thành lập Phòng Tài trợ thương mại thuộc Khối Khách hàng Doanh nghiệp.*

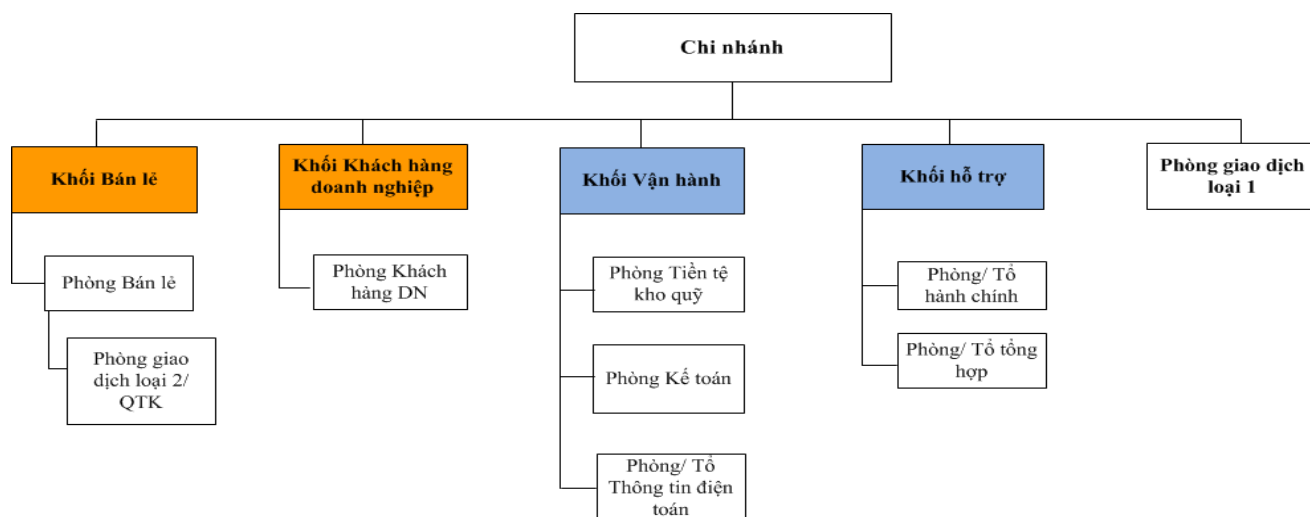
Nguồn: Vietinbank

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Hình 5: Cơ cấu tổ chức: Cấp Chi nhánh (Mô hình 2)



**Hình 6: Cơ cấu tổ chức: Cấp chi nhánh (đã chuyển đổi mô hình Khối khách hàng)**



## Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyền lực cao nhất của VietinBank, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự. ĐHCĐ có thể được tổ chức thông qua cuộc họp ĐHCĐ thường niên, ĐHCĐ bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. ĐHCĐ quyết định tổ chức lại và giải thể Ngân hàng, quyết định định hướng phát triển của Ngân hàng, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định các công việc khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

## Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị cao nhất của Ngân hàng, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Ngân hàng, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

- Ông Phạm Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Thắng - Ủy viên HĐQT
- Ông Cát Quang Dương - Ủy viên HĐQT
- Ông Phạm Huy Thông - Ủy viên HĐQT

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



- Bà Đỗ Thị Thủy - Ủy viên HĐQT
- Bà Nguyễn Hồng Vân - Ủy viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Bắc - Ủy viên HĐQT
- Ông Michael Knight Ipson - Ủy viên HĐQT
- Ông Go Watanabe - Ủy viên HĐQT
- Ông Hiroyuki Nagata - Ủy viên HĐQT

Trực thuộc HĐQT có các ủy ban:

- Ủy ban giám sát và quản lý rủi ro
- Ủy ban nhân sự, tiền lương, thưởng
- Ủy ban Tài sản Nợ - Có
- Ủy ban chính sách
- Ủy ban nghiên cứu chiến lược phát triển công nghệ

## **Ban Điều hành**

Ban Điều hành bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và có sự thông qua của NH NNVN. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng. Cơ cấu Ban Điều hành hiện tại như sau:

- Ông Nguyễn Văn Thắng - Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Du - Phó Tổng Giám đốc
- Bà Bùi Như Ý - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Anh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Đức Thọ - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Võ Minh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Hoàng Dũng - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Huy Thông - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Đức Thành - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Hải Hưng - Kế toán trưởng

## Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại như sau:

- Bà Trần Thị Lệ Nga - Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Phạm Thị Thơm - Ủy viên
- Bà Vũ Thị Bích Hồng - Ủy viên

## Các bộ phận trực thuộc hội sở chính

- **Hội đồng tín dụng, định chế tài chính:** Quyết định cấp giới hạn tín dụng, khoản tín dụng có giá trị lớn; Xem xét nhất trí và trình HĐQT thông qua với những khoản vay và tổng khoản vay lớn; Quyết định hướng ngành hàng mục tiêu, nhóm khách hàng mục tiêu, nhóm khách hàng có khả năng tăng trưởng tín dụng, nhóm khách hàng cần hạn chế tăng trưởng tín dụng của VietinBank; Quyết định điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí xác định nhóm khách hàng; Quyết định các vấn đề phức tạp khác có liên quan tới hoạt động tín dụng; Đề xuất để Tổng Giám đốc trình HĐQT quyết định thông qua tỷ lệ tăng trưởng, cơ cấu tín dụng hàng năm của VietinBank. Hội đồng tín dụng bao gồm Hội đồng tín dụng trụ sở chính và hội đồng tín dụng cơ sở.

Chức năng về đối ngoại và quan hệ hợp tác, bán sản phẩm dịch vụ của VietinBank cho các định chế tài chính trong và ngoài nước và tạo ra lợi nhuận. Nhiệm vụ chi tiết bao gồm: Phát triển quan hệ đối ngoại và xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với một số định chế trong và ngoài nước; Phân tích, đánh giá thẩm định năng lực tài chính và hoạt động kinh doanh của các Định chế tài chính, định hạn mức tài trợ thương mại, đầu tư tiền gửi ở nước ngoài...; Tham gia ý kiến trong việc phát hành, bảo lãnh, tái bảo lãnh, xác nhận L/C; Phân tích, đánh giá tình hình kinh tế tài chính tiền tệ các nước; Phối hợp với các phòng ban liên quan nghiên cứu việc đóng mở tài khoản NOSTRO, Xây dựng biểu phí ngoại tệ; Phát triển mở rộng dịch vụ chi trả kiều hối, séc du lịch, kinh doanh ngoại tệ mặt...; Xây dựng và bảo vệ kế hoạch cho vay trả nợ nước ngoài với NHNN; Tiếp cận Bộ Tài chính, NHNN và các tổ chức quốc tế để làm ngân hàng phục vụ dự án ODA; Cung cấp thông tin cần thiết về thị trường tài chính tiền tệ, kinh tế thế giới; Soạn thảo phát hành báo cáo thường niên; Sửa đổi bổ sung ban hành mới danh sách chữ ký ủy quyền của VietinBank.

▪ **Các Khối nghiệp vụ, bao gồm:**

- ✓ **Khối Khách hàng doanh nghiệp và Khối Bán lẻ:** gồm các bộ phận Marketing, phát triển sản phẩm, quản lý hoạt động kinh doanh...
- ✓ **Khối dịch vụ:** gồm các bộ phận nghiệp vụ tạo lợi nhuận cho Ngân hàng thông qua nguồn thu phí cung cấp dịch vụ cho khách hàng.
- ✓ **Khối quản lý rủi ro:** gồm các bộ phận nghiệp vụ thực hiện chức năng quản lý rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng (Rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro tác nghiệp...)
- ✓ **Khối hỗ trợ:** gồm các bộ phận nghiệp vụ thực hiện chức năng quản lý, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
- ✓ **Khối Công nghệ Thông tin:** Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tin học để phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển hoạt động kinh doanh, đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động chính xác, liên tục, thông suốt và an toàn.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Ngân hàng, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông**

**4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của VietinBank**

*Đơn vị: đồng*

**Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 14/6/2013**

| TT | Cổ đông lớn                            | Số cổ phần    | Giá trị (đồng)     | (%)    |
|----|----------------------------------------|---------------|--------------------|--------|
| 1  | Cổ đông Nhà nước                       | 2.105.442.944 | 21.054.429.440.000 | 64,46% |
| 2  | The Bank of Tokyo Mitsubishi UFJ, Ltd. | 644.389.811   | 6.443.898.110.000  | 19,73% |
| 3  | IFC capitalization (Equity) fund, L.P. | 176.196.847   | 1.761.968.470.000  | 5,39%  |

*Nguồn: VietinBank*

**4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ: Không có**

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



## 4.3. Cơ cấu cổ đông của VietinBank tại thời điểm 14/6/2013

| Bảng 2: Cơ cấu cổ đông đến thời điểm 14/6/2013 |                                                                            |                      |                           |               |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------|---------------|
| TT                                             | Cổ đông                                                                    | Số lượng CP          | Giá trị (đồng)            | Tỷ lệ         |
| <b>Phân theo tính chất sở hữu</b>              |                                                                            |                      |                           |               |
| 1                                              | Cổ đông Nhà nước                                                           | 2.105.442.944        | 21.054.429.440.000        | 64,46%        |
| 2                                              | International finance corporation (IFC)                                    | 85.980.341           | 859.803.410.000           | 2,63%         |
| 3                                              | IFC capitalization (Equity) fund, L.P.                                     | 176.196.847          | 1.761.968.470.000         | 5,39%         |
| 4                                              | The Bank of Tokyo Mitsubishi UFJ, Ltd.                                     | 644.389.811          | 6.443.898.110.000         | 19,73%        |
| 5                                              | Cổ đông bên ngoài                                                          | 254.134.405          | 2.541.344.050.000         | 7,78%         |
|                                                | <b>Tổng cộng</b>                                                           | <b>3.266.144.348</b> | <b>32.661.443.480.000</b> | <b>100%</b>   |
| <b>Phân theo loại hình sở hữu</b>              |                                                                            |                      |                           |               |
| <b>1</b>                                       | <b>Tổ chức</b>                                                             | <b>3.185.276.842</b> | <b>31.852.768.420.000</b> | <b>97,52%</b> |
| a                                              | Trong nước                                                                 | 2.245.158.141        | 22.451.581.410.000        | 68,74%        |
| b                                              | Nước ngoài                                                                 | 940.118.701          | 9.401.187.010.000         | 28,78%        |
| <b>2</b>                                       | <b>Cá nhân</b>                                                             | <b>80.867.506</b>    | <b>808.675.060.000</b>    | <b>2,48%</b>  |
| a                                              | Trong nước                                                                 | 79.461.762           | 794.617.620.000           | 2,43%         |
| b                                              | Nước ngoài                                                                 | 1.405.744            | 14.057.440.000            | 0,04%         |
|                                                | <b>Tổng</b>                                                                | <b>3.266.144.348</b> | <b>32.661.443.480.000</b> | <b>100%</b>   |
| <b>Phân theo loại cổ phiếu</b>                 |                                                                            |                      |                           |               |
| 1                                              | Cổ phiếu của Nhà nước                                                      | 2.105.442.944        | 21.054.429.440.000        | 64,46%        |
| 2                                              | Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của International finance corporation (IFC) | 85.980.341           | 859.803.410.000           | 2,63%         |
| 3                                              | Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của IFC capitalization (Equity) fund, L.P.  | 176.196.847          | 1.761.968.470.000         | 5,39%         |
| 4                                              | Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của The Bank of Tokyo Mitsubishi UFJ, Ltd.  | 644.389.811          | 6.443.898.110.000         | 19,73%        |
| 5                                              | Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của Công đoàn                               | 26.800.000           | 268.000.000.000           | 0,82%         |
| 6                                              | Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của cổ đông nội bộ                          | 298.577              | 2.985.770.000             | 0,01%         |
| 7                                              | Cổ phiếu tự do chuyển nhượng                                               | 227.035.828          | 2.270.358.280.000         | 6,95%         |
|                                                | <b>Tổng</b>                                                                | <b>3.266.144.348</b> | <b>32.661.443.480.000</b> | <b>100%</b>   |

Nguồn: VietinBank

5. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết**

## 5.1. Công ty con và công ty liên doanh

Bên cạnh các hoạt động chính của một ngân hàng thương mại, VietinBank còn thực hiện các hoạt động khác như đầu tư vào các công ty con và Công ty liên doanh, liên kết. Đến 30/6/2013, VietinBank đã góp vốn vào 06 công ty con với tỷ lệ sở hữu là 100% vốn điều lệ, 01 công ty con với tỷ lệ sở hữu là 75,6% vốn điều lệ và 02 công ty liên doanh với tỷ lệ 50%.

**Bảng 3: Danh sách công ty con và công ty liên doanh của VietinBank tại thời điểm 30/6/2013**

| STT | Tên                                                                       | Sở hữu của Vietinbank (%) | Vốn điều lệ   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------|
| 1   | Công ty TNHH một thành viên Cho thuê tài chính NH TMCP CT VN              | 100                       | 800 tỷ đồng   |
| 2   | Công ty CP Chứng khoán NH TMCP CT VN                                      | 75,6                      | 790 tỷ đồng   |
| 3   | Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác tài sản NH TMCP CT VN | 100                       | 30 tỷ đồng    |
| 4   | Công ty TNHH một thành viên Bảo hiểm NH TMCP CT VN                        | 100                       | 500 tỷ đồng   |
| 5   | Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ NH TMCP CT VN                     | 100                       | 950 tỷ đồng   |
| 6   | Công ty TNHH một thành viên Vàng bạc đá quý NH TMCP CT VN                 | 100                       | 300 tỷ đồng   |
| 7   | Công ty TNHH một thành viên Chuyển tiền toàn cầu NHTMCP CT VN             | 100                       | 50 tỷ đồng    |
| 8   | Ngân hàng Liên doanh Indovina                                             | 50                        | 165 triệu USD |
| 9   | Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Vietinbank Aviva                           | 50                        | 800 tỷ đồng   |

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2013 của VietinBank*

## **Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam:**

- Giới thiệu chung: Là công ty con của VietinBank, hạch toán độc lập, thành lập theo quyết định số 53/1998/QĐ-NHNN5 ngày 26/01/1998 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101047075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lại ngày 18/01/2012. Từ tháng 8 năm 2009, Công ty được VietinBank chấp thuận và NHNN chuẩn y chuyển sang mô hình Công ty cho thuê tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Đến tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 800 tỷ đồng.
- Trụ sở chính: 16 Phan Đình Phùng - Ba Đình - Hà nội
- Điện thoại: 04. 3823 3045 Fax 04. 3733 3579
- Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê tài chính đối với các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam, trực tiếp sử dụng tài sản cho thuê theo mục đích kinh doanh hợp pháp; Tư vấn, nhận bảo lãnh khách hàng về những dịch vụ có liên quan đến nghiệp vụ cho thuê tài chính, thực hiện các nghiệp vụ khác khi được NHNN và các cơ quan chức năng cho phép.

## **Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam**

- Giới thiệu chung: được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 01 tháng 9 năm 2000 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Công thương Việt Nam, hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 07/2000/UBCK-GPHĐKD ngày 06/10/2000 và Giấy phép điều chỉnh số 156/UBCK-GP ngày 10/10/2008 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp. Tháng 4 năm 2009 Công ty thực hiện thành công đợt IPO và chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần. Ngày 31/7/2010 cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết và giao dịch trên Sở GDCK Hà Nội với mã giao dịch là CTS. Vốn điều lệ sau khi chuyển đổi là 789,934 tỷ đồng, VietinBank nắm 75,6% vốn điều lệ.
- Trụ sở chính: 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: 04. 3974 1763 Fax 04. 3974 1760
- Hoạt động chính: Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính và lưu ký chứng khoán.

## **Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Công thương Việt Nam:**

- Giới thiệu chung: Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản được thành lập theo Quyết định số 106/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 10/7/2000 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Công thương Việt Nam, được đổi tên thành Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là công ty AMC) theo Quyết định số 125/2001/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 10/12/2001 trên cơ sở Quyết định số 1389/2001/QĐ-NHNN ngày 07/11/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quy định về việc thành lập Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại. Công ty chuyển sang hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ tháng 7 năm 2010, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302077030 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Trụ sở chính: 76 Nguyễn Văn Cừ, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08. 3920 3982                      Fax: 08. 3836 7093
- Ngành nghề kinh doanh: tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất, xử lý các tài sản đảm bảo nợ vay, cơ cấu lại nợ tồn đọng, mua bán nợ tồn đọng....

## **Công ty TNHH một thành viên Bảo hiểm Ngân Hàng Công Thương Việt Nam:**

- Giới thiệu chung: tiền thân là Công ty liên doanh Bảo Hiểm Châu Á - Ngân Hàng Công Thương, một liên doanh giữa Ngân hàng Công thương Việt Nam và Công ty Bảo Hiểm Châu Á Singapore với tỷ lệ góp vốn 50/50, được thành lập theo Giấy phép số 21/GP/KDBH ngày 21/12/2002. Ngày 17/12/2008, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC5/KDBH chuyển đổi Công ty liên doanh Bảo hiểm Châu Á - Ngân hàng Công thương thành Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, trên cơ sở Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam mua lại toàn bộ vốn góp của phía đối tác nước ngoài trong Công ty liên doanh để trở thành Công ty trực thuộc hạch toán độc lập 100% vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- Trụ sở chính: Tầng 10, 11 tòa nhà 126 Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 04. 3942 5650                      Fax: 04. 3942 5646
- Tên giao dịch tiếng Việt: Bảo hiểm VietinBank
- Tên giao dịch tiếng Anh: VietinBank Insurance
- Tên viết tắt: VBI

- Lĩnh vực kinh doanh chính: Các loại sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ theo quy định của pháp luật; Nhận tái và tái bảo hiểm các loại hình nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân; Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu; Đầu tư trực tiếp; Tư vấn đầu tư và các hình thức đầu tư tài chính khác.

## **Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam:**

- Giới thiệu chung: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là Công ty do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cấp 100% vốn điều lệ, được thành lập theo giấy phép số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 25/3/2011 tăng vốn điều lệ của công ty lên là 500 tỷ; Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 16/3/2012 bổ sung thêm nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán; Và Giấy phép số 45/GPĐC-UBCK ngày 13/8/2012 tăng Vốn điều lệ của Công ty là 950 tỷ đồng.
- Trụ sở chính: Tầng 6, Trung tâm thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Phố Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 04. 3938 8855                      Fax: 04. 3938 8500
- Lĩnh vực hoạt động chính: Lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

## **Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng Công thương Việt Nam**

- Giới thiệu chung: Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng Công thương Việt Nam là Công ty do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cấp 100% vốn điều lệ, được thành lập theo quyết định số 1521/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 15/09/2010 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105011873 ngày 25/11/2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 300 tỷ đồng.
- Trụ sở chính: Tầng 11, toà nhà số 34 Phố Cửa Nam, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 04. 3942 1051                      Fax: 04. 3939 3502
- Lĩnh vực hoạt động chính: Sản xuất, mua bán, gia công, xuất nhập khẩu Vàng, đá quý; đại lý môi giới, giới thiệu xúc tiến thương mại, dịch vụ thương mại điện tử, chuyển giao công nghệ, kinh doanh bất động sản, tư vấn quản lý quảng cáo bất động sản.

## **Công ty TNHH MTV Chuyển tiền toàn cầu - Ngân hàng Công Thương Việt Nam**

- Giới thiệu chung: Công ty TNHH MTV Chuyển tiền toàn cầu - Ngân hàng Công Thương Việt Nam là Công ty do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cấp 100% vốn điều lệ, thành lập theo Quyết định số 2187/QĐ-NHNN ngày 06/10/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105757686 ngày 03/01/2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty là 50 tỷ đồng.
- Trụ sở chính: Tầng 3, Toà nhà VietinBank, số 126 Phố Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 04. 3942.8690, 04.3942.8691 Fax: 04. 3942.8693
- Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ nhận, chuyển tiền kiều hối và chuyển tiền cá nhân khác không liên quan đến việc thanh toán xuất, nhập khẩu về hàng hóa và dịch vụ, bao gồm: chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam cho người nhận tiền là cá nhân; chuyển tiền cá nhân từ Việt Nam đi nước ngoài; chuyển tiền của cá nhân trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam; chuyển tiền của cá nhân ở các quốc gia khác nhau và trong phạm vi lãnh thổ quốc gia; dịch vụ thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ kiều hối khác theo quy định của pháp luật.

## **Ngân hàng liên doanh Indovina**

- Giới thiệu chung: Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn Indovina (IVB) là Ngân hàng liên doanh đầu tiên của Việt Nam được thành lập ngày 21 tháng 11 năm 1990 theo Giấy phép đầu tư của Ủy Ban Nhà Nước về hợp tác và đầu tư số 135/GP và Giấy phép hoạt động Ngân hàng liên doanh số 08/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 29 tháng 10 năm 1992. Các bên liên doanh hiện nay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) và Ngân hàng Cathay United (CUB) của Đài Loan (một thành viên hoàn toàn trực thuộc của Tập đoàn Tài chính Cathay - tập đoàn tài chính lớn nhất Đài Loan).
- Trụ sở chính: 97A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08. 3942 1042 Fax: 08. 3942 1043
- Lĩnh vực hoạt động chính: Cung cấp các dịch vụ ngân hàng như tiền gửi; cấp tín dụng; dịch vụ thẻ; phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu; dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế; dịch vụ lưu ký chứng khoán, mua bán chứng khoán; các dịch vụ ngân hàng đầu tư bằng ngoại hối và các dịch vụ cụ thể khác khi được phép.

## Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ VietinBank Aviva:

- Giới thiệu chung: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ VietinBank Aviva là Công ty liên doanh giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Aviva Internal Holdings limited và Aviva LTD, trong đó NHCTVN góp 50% vốn điều lệ, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 64 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 29/07/2011. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 800 tỷ đồng.
- Trụ sở chính: Tầng 10, tháp B tòa nhà Handi Resco, số 512 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ; Kinh doanh bảo hiểm sức khỏe; Kinh doanh tái bảo hiểm; Đầu tư vốn nhân rỗi tại Việt Nam và Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

## 6. Quá trình tăng vốn của VietinBank

### Quá trình tăng vốn của VietinBank

10/2010

VietinBank đã hoàn thành việc trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm quyền mua cho cổ đông hiện hữu theo GCN số 651/UBCK-GCN ngày 24/8/2010. Trong đó, số cổ phiếu trả cổ tức là 76.848.603 cổ phiếu, số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là 315.083.238 cổ phiếu. Đồng thời, VietinBank cũng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới với số vốn điều lệ là 15.172.291.210.000 đồng

03/2011

Ngày 10/03/2011, VietinBank hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho IFC và Quỹ đầu tư cấp vốn IFC với tổng số cổ phần chào bán là 168.581.013 cổ phần. Tổng vốn điều lệ sau đợt phát hành là 16.858.101.340.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp cùng ngày.

04/2012

VietinBank đã hoàn thành việc chia cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu từ nguồn thặng dư cho cổ đông hiện hữu theo Thông báo ngày 21/3/2012 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận đủ hồ sơ báo cáo phát hành cổ phiếu thông qua việc chia cổ tức năm 2011 và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Trong đó, tổng số cổ phiếu phát hành để chia cổ tức năm 2011 và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 598.782.376 cổ phiếu. Đồng thời, VietinBank cũng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới với số vốn điều lệ là 26.217.545.370.000 đồng

---

Ngày 10/5/2013, VietinBank hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd (BTMU) với tổng số cổ phần chào bán là 644.389.811 cổ phần. Tổng vốn điều lệ sau đợt phát hành là 32.661.443.480.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hà Nội cấp ngày 14/5/2013.

---

## **7. Hoạt động kinh doanh**

### **7.1. Hoạt động kinh doanh chính**

#### **7.1.1. Tình hình huy động vốn**

Năm 2012 và 6 tháng đầu năm 2013, trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thế giới và trong nước, công tác huy động vốn của ngân hàng cũng gặp nhiều khó khăn. Nhiều doanh nghiệp thu hẹp sản xuất kinh doanh, ngừng sản xuất, giải thể, phá sản... hàng tồn kho tăng cao, nguồn thu hạn hẹp. Trước tình hình đó, VietinBank đã chủ động triển khai tích cực nhiều giải pháp huy động vốn, phát triển đa dạng sản phẩm, tiếp thị linh hoạt và cạnh tranh, với uy tín thương hiệu, VietinBank tiếp tục thu hút được nhiều nguồn vốn với khối lượng lớn ổn định từ trong nước và quốc tế, tích cực khai thác các nguồn vốn tái tài trợ từ các ngân hàng nước ngoài, đáp ứng kịp thời các dự án trọng điểm quốc gia.

Để thực hiện chiến lược đưa VietinBank trở thành ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam, quy mô trung bình khá trong khu vực, hoạt động kinh doanh tăng trưởng bền vững, an toàn, hiệu quả, nhiệm vụ mà VietinBank đặt ra đối với công tác huy động vốn là:

- (i) Tiếp tục giữ vững và tăng trưởng nguồn vốn, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng hoạt động kinh doanh;
- (ii) Cơ cấu lại nguồn vốn và sử dụng vốn theo hướng đảm bảo cân đối theo đồng tiền và kỳ hạn;
- (iii) Tận dụng, khai thác mọi nguồn vốn có hiệu quả, trong đó ưu tiên các nguồn vốn ổn định, nguồn vốn từ dân cư, các tổ chức, doanh nghiệp...
- (iv) Tăng trưởng thị phần và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng

Để thực hiện được các mục tiêu về huy động vốn, bên cạnh các giải pháp về tái cấu trúc, thay đổi mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng cán bộ, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, VietinBank tập trung vào một số giải pháp cụ thể sau:

## **Quản trị vốn kinh doanh an toàn và hiệu quả**

- Đẩy mạnh huy động các nguồn vốn trung dài hạn đảm bảo phù hợp với tăng trưởng tín dụng trung & dài hạn. Cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng tỷ trọng các nguồn ổn định từ dân cư và tổ chức kinh tế.
- Tăng trưởng nguồn vốn USD, đặc biệt khai thác các nguồn vốn ổn định nhằm tăng cường thanh khoản của toàn hệ thống. Kiểm soát việc giải ngân các dự án cho vay trung dài hạn theo hướng thiết lập lại cơ cấu kỳ hạn để đảm bảo an toàn và hiệu quả. Tăng trưởng tín dụng phù hợp với tốc độ tăng trưởng nguồn vốn, kiểm soát chặt chẽ cân đối vốn ngoại tệ trong giới hạn an toàn và phù hợp với cơ chế chính sách quản lý ngoại hối của NHNN.

## **Rà soát, chuẩn hóa hệ thống quy trình thủ tục**

Hệ thống quy chế, quy định, quy trình liên quan đến công tác huy động vốn (*bao gồm cả quy định về nghiệp vụ, hạch toán kế toán, sử dụng/vận hành module tiền gửi trên hệ thống INCAS và các hệ thống khác có liên quan*) được rà soát, chỉnh sửa, cải tiến theo hướng chặt chẽ nhưng phải đảm bảo tính thực tiễn linh hoạt và thuận tiện cho khách hàng. Kịp thời phát hiện và chỉnh sửa các lỗ hổng/kẽ hở có thể phát sinh rủi ro tác nghiệp (bao gồm cả lỗi tác nghiệp và rủi ro đạo đức). Hệ thống quy trình, quy định cần phát huy một cách hiệu quả 3 vòng kiểm soát chéo theo thông lệ quốc tế: Kiểm soát vòng 1 ngay tại các đơn vị kinh doanh; Kiểm soát vòng 2 của các phòng ban thuộc khối quản lý rủi ro; và Kiểm soát vòng 3 thông qua hoạt động của kiểm toán nội bộ và Ban kiểm tra kiểm soát.

## **Đa dạng hóa danh mục sản phẩm huy động vốn**

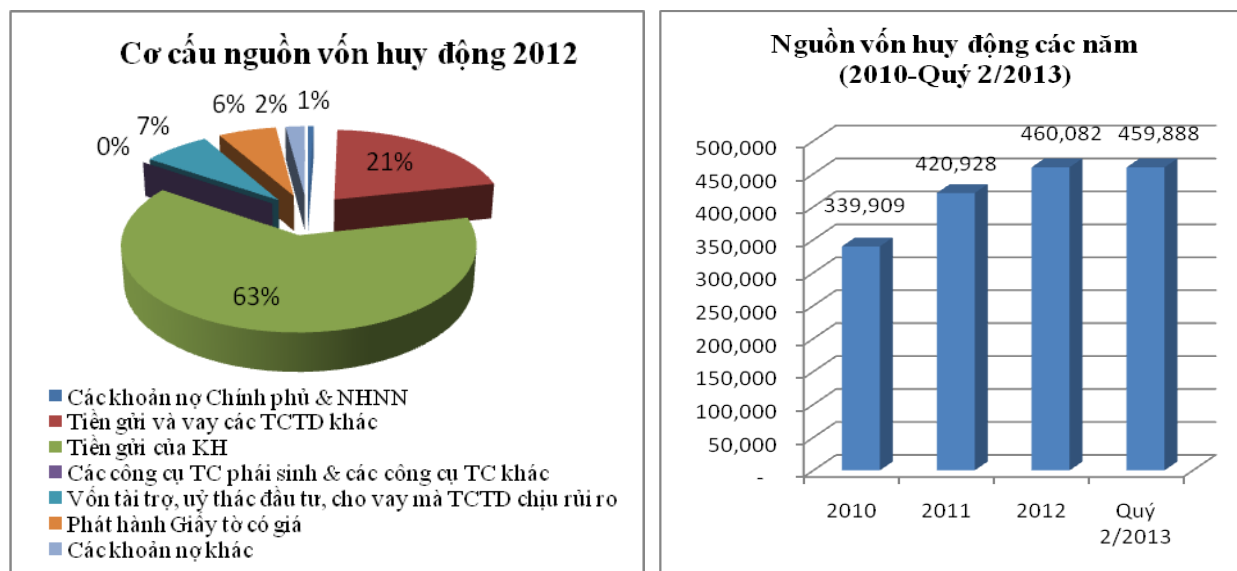
Đa dạng hóa danh mục sản phẩm huy động vốn không chỉ là việc đưa ra nhiều sản phẩm mà sản phẩm phải đáp ứng được nhu cầu chuyên biệt của từng phân khúc khách hàng. Các dịch vụ gia tăng đi kèm thực sự tạo được sự hấp dẫn cho các nhóm khách hàng khác nhau.

Thường xuyên đánh giá, theo dõi các sản phẩm huy động vốn sau khi ban hành nhằm cơ cấu lại danh mục sản phẩm, giữ lại sản phẩm có doanh số/hiệu quả cao và nâng cấp/xem xét loại bỏ sản phẩm không hiệu quả, tránh lãng phí sử dụng nguồn lực.

## **Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ**

- **Chất lượng phục vụ khách hàng:** Ban hành, cập nhật, nâng cấp quy định về văn hóa, quy trình phục vụ khách hàng để đảm bảo chuẩn hóa, nâng cao chất lượng, năng suất phục vụ khách hàng theo phương châm: tận tình, chu đáo, nhanh chóng, chính xác, khả năng tư vấn tốt. Cần đặc biệt lưu ý trong công tác tổ chức cán bộ, ưu tiên cán bộ trẻ, được đào tạo bài bản, có kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng tốt, có khả năng tìm hiểu, nắm bắt nhu cầu của khách hàng, xây dựng, giữ gìn quan hệ và thu hút thêm nhiều khách hàng mới gửi tiền. Thường xuyên đào tạo và đào tạo lại cán bộ để nâng cao hiểu biết về các sản phẩm huy động vốn và các kỹ năng phục vụ, hướng tới mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Xây dựng hệ thống thu thập, tiếp nhận và xử lý thông tin giữa Trụ sở chính và chi nhánh nhằm nắm bắt kịp thời tình hình của khu vực, địa bàn có ảnh hưởng đến công tác huy động vốn của VietinBank, qua đó có biện pháp hỗ trợ kịp thời.
- **Giám sát chất lượng trong hệ thống:** Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO đối với hoạt động huy động vốn được rà soát và sửa đổi trên cơ sở phân tích, nghiên cứu, đánh giá chính sách chất lượng của các NHTM khác và nhu cầu của khách hàng. Quan trọng hơn, hệ thống giám sát chất lượng phải được xây dựng và vận hành một cách có hiệu quả, đảm bảo chính sách chất lượng được thực hiện một cách nghiêm túc tại tất cả các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Quỹ tiết kiệm. Định kỳ thường xuyên hoặc đột xuất, Ban kiểm tra kiểm soát nội bộ phối hợp với các Phòng khách hàng và bộ phận quản trị chất lượng thực hiện kiểm tra chọn mẫu tại các Chi nhánh. Có thể xem xét thuê các Công ty nghiên cứu thị trường độc lập, chuyên nghiệp thực hiện giám sát, khảo sát và cung cấp các báo cáo phân tích đánh giá về chất lượng sản phẩm huy động vốn của VietinBank so với các NHTM khác, làm cơ sở cho việc xây dựng và hoàn thiện chính sách chất lượng của VietinBank.

**Hình 7: Phân tích hoạt động huy động vốn thời kỳ 2010 – Quý II/2013**



*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2010, 2011, 2012  
và Báo cáo hợp nhất Quý II/2013 của VietinBank*

**Bảng 4: Cơ cấu huy động vốn của VietinBank**

| Chỉ tiêu                                                 | 2010        |      | 2011        |      | 2012        |      | QII/2013    |      |
|----------------------------------------------------------|-------------|------|-------------|------|-------------|------|-------------|------|
|                                                          | triệu đồng  | %    | triệu đồng  | %    | triệu đồng  | %    | triệu đồng  | %    |
| Các khoản nợ Chính phủ & NHNN                            | 43.220.678  | 12,7 | 27.293.733  | 6,5  | 2.785.374   | 0,6  | 256.228     | 0,1  |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác                            | 35.096.726  | 10,3 | 74.407.913  | 17,7 | 96.814.801  | 21,0 | 80.742.178  | 17,6 |
| Tiền gửi của KH                                          | 205.918.705 | 60,6 | 257.135.945 | 61,2 | 289.105.307 | 62,8 | 307.699.241 | 66,9 |
| Các công cụ TC phái sinh & các công cụ TC khác           | -           | 0,0  | -           | 0,0  | -           | 0,0  | 30.353      | 0,0  |
| Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro | 23.840.837  | 7,0  | 36.824.508  | 8,8  | 33.226.708  | 7,2  | 28.450.884  | 6,2  |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|                             |                    |     |                    |     |                    |     |                    |     |
|-----------------------------|--------------------|-----|--------------------|-----|--------------------|-----|--------------------|-----|
| Phát hành<br>Giấy tờ có giá | 10.728.283         | 3,2 | 11.089.117         | 2,6 | 28.669.229         | 6,2 | 28.820.524         | 6,3 |
| Nguồn vốn<br>khác           | 20.894.048         | 6,2 | 13.322.684         | 3,2 | 9.481.078          | 2,1 | 13.888.189         | 3,0 |
| <b>Tổng cộng</b>            | <b>339.699.277</b> |     | <b>420.073.900</b> |     | <b>460.082.497</b> |     | <b>459.887.597</b> |     |

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2010, 2011, 2012 và Báo cáo hợp nhất Quý II/2013 của VietinBank*

Nhìn chung, tiền gửi khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu huy động vốn của VietinBank, thể hiện như sau: năm 2010, 2011, 2012 lần lượt là 60,6%; 61,2%; 62,8% và 6 tháng đầu năm 2013 là 66,9%. Trong tình hình các ngân hàng khó tiếp cận với khoản tiền này thì VietinBank đã thể hiện rõ vai trò của một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu.

## Vay Ngân hàng Nhà nước:

| Bảng 5: Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |                   |       |                   |       |                  |      |               |       |
|-----------------------------------------|-------------------|-------|-------------------|-------|------------------|------|---------------|-------|
| Chỉ tiêu                                | 2010              |       | 2011              |       | 2012             |      | Quý II/2013   |       |
|                                         | triệu đồng        | %     | triệu đồng        | %     | triệu đồng       | %    | triệu đồng    | %     |
| Vay hỗ trợ các DNNN                     | 15.606            | 0,04  | 12.518            | 0,05  | 12.472           | 0,48 | 12.472        | 29,39 |
| Vay khác                                | 49.430            | 0,12  | 44.493            | 0,17  | 34.606           | 1,32 | 29.958        | 70,61 |
| Vay theo hồ sơ tín dụng                 | 32.000.000        | 74,82 | 24.000.000        | 89,27 | -                | 0,00 | -             | 0,00  |
| Vay chiết khấu, tái chiết khấu các GTCG | 10.702.164        | 25,02 | 2.826.607         | 10,51 | 2.570.924        | 98,2 | -             | 0,00  |
| <b>Tổng</b>                             | <b>42.767.200</b> |       | <b>26.883.618</b> |       | <b>2.618.002</b> |      | <b>42.430</b> |       |

*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2010, 2011, 2012 và Báo cáo hợp nhất Quý II/2013 của VietinBank*

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



## Tiền gửi của khách hàng

| Bảng 6: Tiền gửi của khách hàng           |                    |           |                    |           |                    |           |                    |           |  |
|-------------------------------------------|--------------------|-----------|--------------------|-----------|--------------------|-----------|--------------------|-----------|--|
|                                           | 2010               |           | 2011               |           | 2012               |           | QII/2013           |           |  |
|                                           | triệu đồng         | %         | triệu đồng         | %         | triệu đồng         | %         | triệu đồng         | %         |  |
| <b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>              | <b>40.594.128</b>  | <b>20</b> | <b>46.598.614</b>  | <b>18</b> | <b>53.518.068</b>  | <b>19</b> | <b>47.864.327</b>  | <b>16</b> |  |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng đồng nội tệ    | 33.908.833         | 84        | 37.647.847         | 81        | 44.501.999         | 83        | 37.863.684         | 79        |  |
| Tiền gửi không kỳ hạn bằng Ngoại tệ       | 6.685.295          | 16        | 8.950.767          | 19        | 9.016.069          | 17        | 10.000.643         | 21        |  |
| <b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>                 | <b>156.244.235</b> | <b>76</b> | <b>201.115.715</b> | <b>78</b> | <b>225.849.936</b> | <b>78</b> | <b>249.775.560</b> | <b>81</b> |  |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng nội tệ       | 137.334.535        | 88        | 179.753.190        | 89        | 207.093.002        | 92        | 230.164.112        | 92        |  |
| Tiền gửi có kỳ hạn bằng Ngoại tệ          | 18.909.700         | 12        | 21.362.525         | 11        | 18.756.934         | 8         | 19.611.448         | 8         |  |
| <b>Tiền gửi vốn chuyên dụng</b>           | <b>1.406.048</b>   | <b>1</b>  | <b>1.816.439</b>   | <b>1</b>  | <b>2.066.913</b>   | <b>1</b>  | <b>2.798.560</b>   | <b>1</b>  |  |
| Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng đồng nội tệ | 795.343            | 57        | 451.469            | 25        | 719.104            | 35        |                    |           |  |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|                                        |                    |          |                    |          |                    |          |                    |          |
|----------------------------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng Ngoại tệ | 610.705            | 77       | 1.364.970          | 75       | 1.347.809          | 65       |                    |          |
| <b>Tiền gửi ký quỹ</b>                 | <b>6.222.811</b>   | <b>3</b> | <b>7.605.177</b>   | <b>3</b> | <b>7.670.390</b>   | <b>3</b> | <b>7.260.794</b>   | <b>2</b> |
| Tiền gửi ký quỹ bằng đồng nội tệ       | 4.169.888          | 67       | 5.124.371          | 67       | 6.278.737          | 82       |                    |          |
| Tiền gửi ký quỹ bằng Ngoại tệ          | 2.052.923          | 33       | 2.480.806          | 33       | 1.391.653          | 18       |                    |          |
| <b>Các khoản phải trả KH khác</b>      | <b>1.451.483</b>   | <b>1</b> | <b>-</b>           | <b>0</b> | <b>-</b>           | <b>0</b> |                    | <b>0</b> |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                       | <b>205.918.705</b> |          | <b>257.135.945</b> |          | <b>289.105.307</b> |          | <b>307.699.241</b> |          |

Ghi chú: Điều chỉnh số liệu khoản mục “Tiền, vàng gửi của khách hàng” trên báo cáo tài chính năm 2011 và số đầu kỳ năm 2012 như sau:

| Khoản mục                     | Ghi chú | Theo BCTC kiểm toán năm 2011 do Công ty Kiểm toán Ernst & Young phát hành | Thay đổi   | Theo BCTC kiểm toán năm 2012 do Công ty Deloitte phát hành |
|-------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------|
|                               |         | Triệu đồng                                                                | Triệu đồng | Triệu đồng                                                 |
| Tiền, vàng gửi của khách hàng | (i)     | 257.273.708                                                               | (137.763)  | 257.135.945                                                |

(i) Khoản phân loại này lại phản ánh khoản tiền giữ hộ và chờ thanh toán đang ghi nhận vào khoản mục “Tiền, vàng gửi của khách hàng” trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011. Theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 do NHNN ban hành, khoản này phải được phản ánh vào khoản mục “Các khoản phải trả và công nợ khác”

VietinBank là một trong những NHTM có số dư tiền gửi lớn nhất trong hệ thống ngân hàng. Mức tăng trưởng tiền gửi của khách hàng tại VietinBank qua các năm 2011, 2012 lần lượt là 25% và 12%. Tính đến thời điểm 31/12/2012, tiền gửi của khách hàng đạt hơn 289 nghìn tỷ đồng, tăng 40% so với thời điểm 31/12/2010, trong đó có sự đóng góp lớn của tăng trưởng tiền gửi có kỳ hạn bằng cả đồng Việt Nam và ngoại tệ.

Xét theo đối tượng khách hàng: Tiền gửi của các tổ chức kinh tế chiếm tỷ trọng lớn nhất khoảng 52% tổng tiền gửi của khách hàng trong khi tiền gửi của khách hàng cá nhân chiếm 43%.

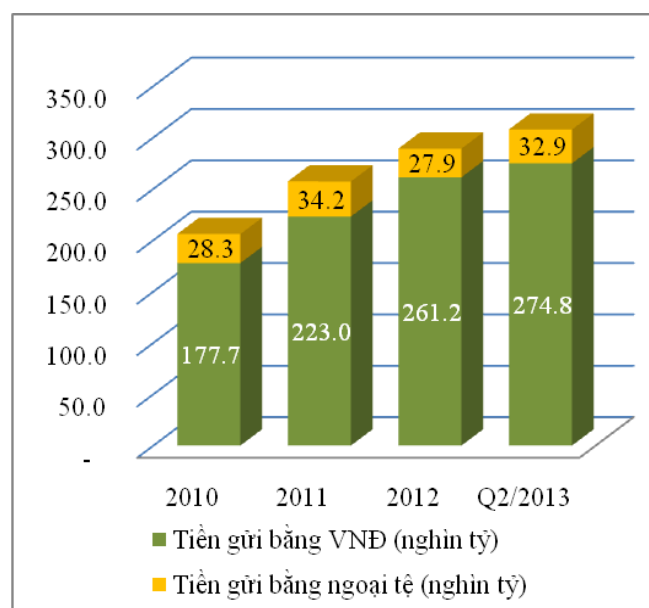
Dựa trên nền tảng triết lý kinh doanh “**Sự thịnh vượng của Khách hàng là sự thành công của VietinBank**”, với phương châm “VietinBank mang lại giá trị tốt nhất đối với khách hàng”, để phục vụ khách hàng tốt hơn, VietinBank đã và đang thực hiện đa dạng hoá các sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn, linh hoạt theo nhu cầu của khách hàng, đảm bảo tính hấp dẫn, cạnh tranh, do đó tỷ lệ tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng nội tệ tại VietinBank ngày càng tăng lên (chiếm từ 67% năm 2010 lên đến 75% vào Quý II/2013 trên tổng tiền gửi của khách hàng). VietinBank luôn nằm trong số các ngân hàng dẫn đầu về nguồn tiền gửi nội tệ.

VietinBank luôn tuân thủ các quy định của NHNN về cơ chế dự trữ bắt buộc tại NHNN để đảm bảo an toàn trong hoạt động.

**Hình 8: Cơ cấu tiền gửi năm 2012**



**Cơ cấu tiền gửi theo đồng tiền năm 2010-Quý II/2013**



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2010, 2011, 2012 và BCHN Quý II/2013 của VietinBank

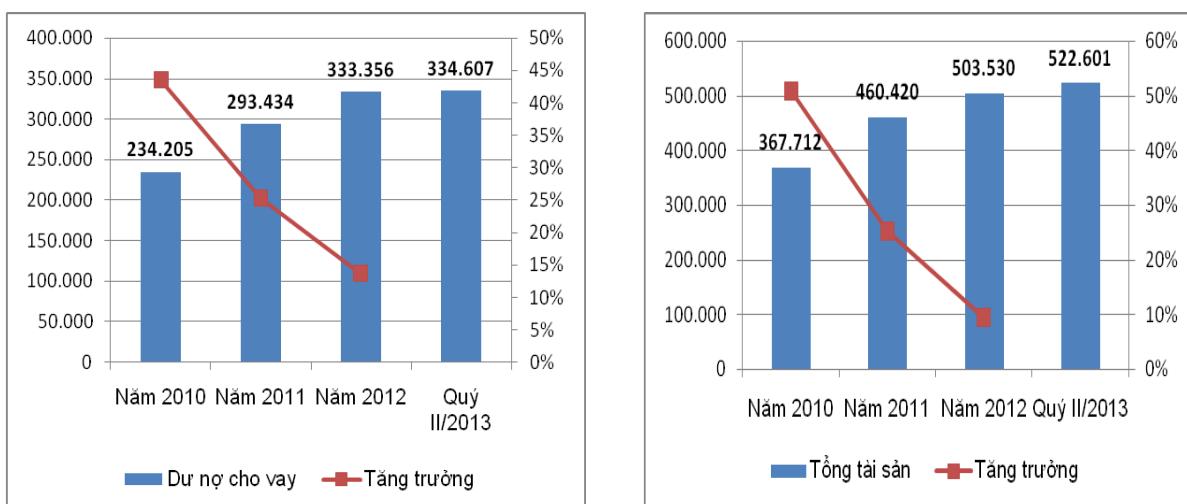
## 7.1.2. Hoạt động tín dụng

### a. Quy mô hoạt động tín dụng

Hoạt động cho vay luôn được xác định là hoạt động mang tính chủ lực của VietinBank. Từ năm 2008 đến cuối năm 2012, tổng tài sản của VietinBank đã tăng gần 3 lần, từ 193.590 tỷ

đồng lên 503.530 tỷ đồng. Sự tăng trưởng này chủ yếu là do tăng dư nợ cho vay từ 120.752 tỷ đồng năm 2008 lên 333.356 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 31/12/2012.

**Hình 9: Tốc độ tăng trưởng tài sản và dư nợ cho vay**



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2010, 2011, 2012 & Báo cáo hợp nhất Quý II/2013 của VietinBank

Kể từ khi thành lập, hoạt động cho vay là phần trọng tâm trong chiến lược kinh doanh của VietinBank. Tuy nhiên, kể từ năm 2005 tỷ trọng dư nợ cho vay trên tổng tài sản giảm, từ mức trên 75% vào cuối năm 2005 xuống còn 63.5% vào cuối năm 2010 và duy trì tỷ trọng này đến năm 2012. Tỷ trọng dư nợ cho vay trên tổng tài sản của VietinBank giảm do nhiều nguyên nhân, mà chủ yếu là do VietinBank có chiến lược chuyển dịch cơ cấu hoạt động trực tiếp sang kinh doanh dịch vụ - phù hợp với thông lệ quốc tế và hoạt động của ngân hàng hiện đại.

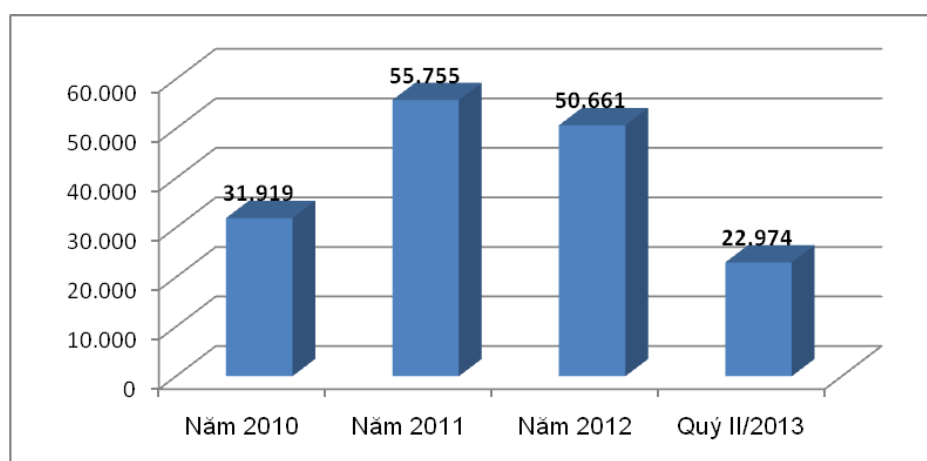
Mặt khác, VietinBank đã nhận thức rõ việc quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay và điều hành hoạt động tín dụng sát hơn với các quy định quốc tế cũng như các quy định của NHNN về quản trị rủi ro, về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, đảm bảo tỷ lệ an toàn trong hoạt động. VietinBank đã nỗ lực xây dựng các hệ thống chính sách, quản lý và theo dõi, đảm bảo cho các khoản vay được kiểm soát chặt chẽ, an toàn và hiệu quả với chiến lược là củng cố và nâng cao chất lượng tín dụng.

Những năm gần đây, tỷ trọng dư nợ cho vay trên tổng tài sản có sinh lời giảm, trong khi các hoạt động dịch vụ của ngân hàng như: hoạt động kinh doanh nguồn vốn, chuyển tiền kiều hối, bảo lãnh và tái bảo lãnh, tài trợ thương mại v.v. tăng mạnh. Trong tương lai, các hoạt động tài chính ngoài cho vay như tiền gửi và đầu tư dự kiến sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đa dạng hoá danh mục đầu tư, giảm thiểu rủi ro cũng như đảm bảo tính thanh khoản của VietinBank.

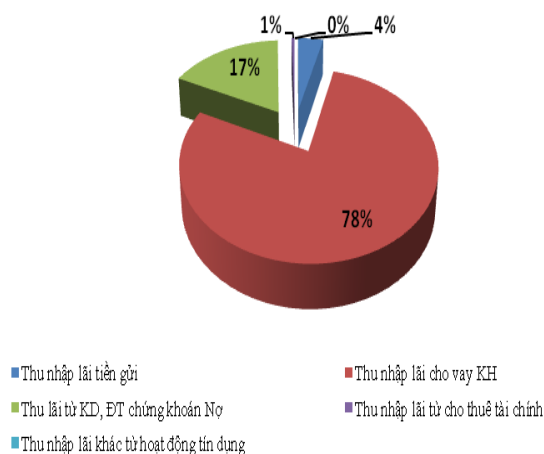
## b. Hiệu quả của hoạt động tín dụng

Thu nhập lãi từ hoạt động cho vay khách hàng và các khoản thu nhập tương tự tăng trưởng mạnh qua các năm:

**Hình 10: Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng và các khoản thu nhập tương tự (tỷ đồng)**



**Hình 11: Cơ cấu thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự năm 2012**

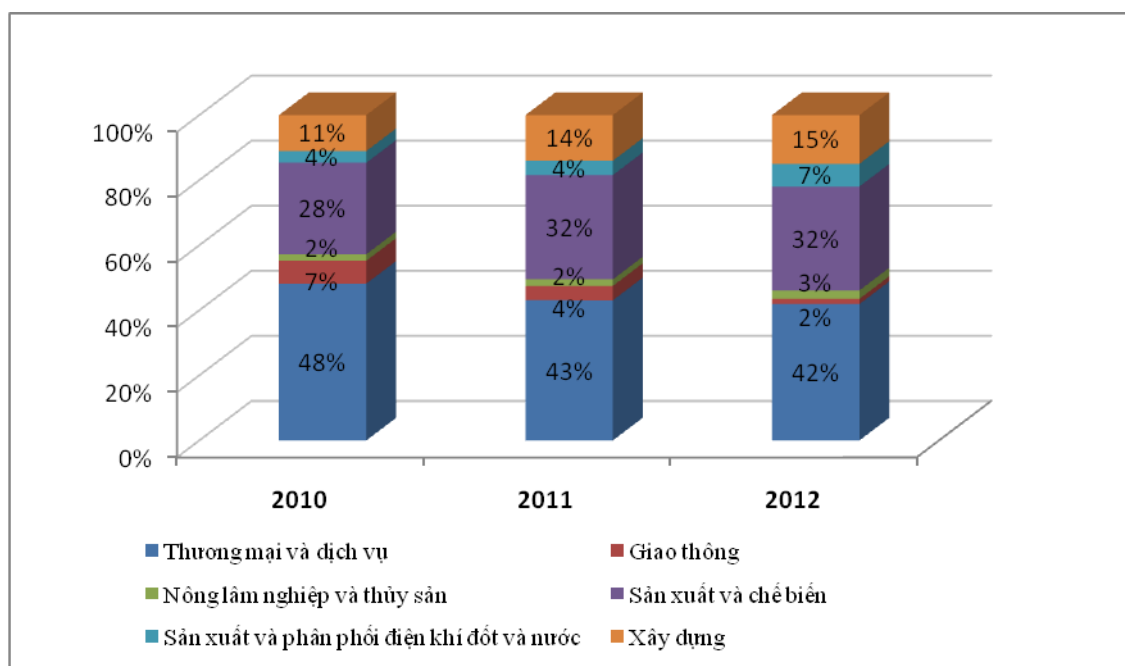


Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2010, 2011, 2012 & Báo cáo hợp nhất Quý II/2013 của VietinBank

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ hoạt động cho vay trong năm 2012 đạt mức 50.661 tỷ đồng, tăng 59% so với năm 2010 và tăng 141% so với năm 2008

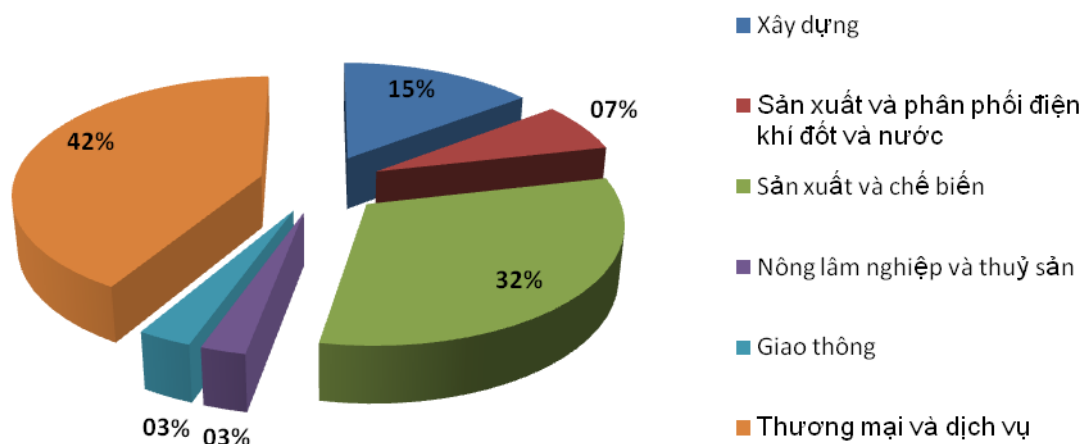
## c. Cơ cấu dư nợ

**Hình 12: Cơ cấu dư nợ theo ngành kinh tế giai đoạn 2010 - 2012**



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2010, 2011, 2012 của VietinBank

**Hình 13: Cơ cấu dự nợ theo ngành kinh tế năm 2012**



Nguồn: VietinBank

Sự phát triển của danh mục tín dụng theo ngành hàng phản ánh tình hình phát triển kinh tế chung của đất nước. Trong năm 2012, dư nợ tín dụng của ngành thương mại và dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất với 41,5%, tiếp đến là ngành công nghiệp chế biến và sản xuất chiếm tỷ trọng 31,5% do tập trung ưu thế là hầu hết các chi nhánh của VietinBank đều được đặt tại trung tâm các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu đô thị lớn. Hơn thế nữa xu thế này cũng phù hợp với chiến lược tín dụng của VietinBank giai đoạn sắp tới - tập trung vào các ngành đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam đó là: Thương mại, Sản xuất và Chế biến, Xây dựng, Điện, Năng lượng và Dầu khí, Viễn thông.

Trong khi đó, dư nợ tín dụng của VietinBank đối với các ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 7% tổng dư nợ tín dụng năm 2004 và giảm xuống còn 2,19% năm 2010 và duy trì ở mức 2,4% trong các năm 2011, 2012.

Chiến lược của VietinBank tới năm 2013 là hạn chế cho vay đối với các ngành đã phát triển đến giai đoạn bão hoà và kém cạnh tranh trong nền kinh tế hội nhập của Việt Nam.

#### Cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn

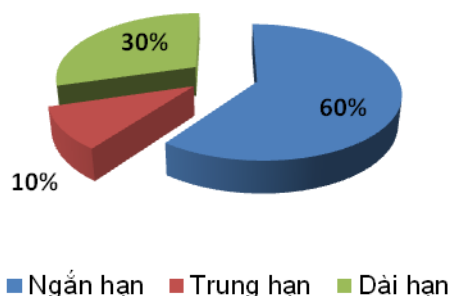
Trong năm 2012, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu nợ của Vietinbank với 60%, tương đương với tỷ trọng này năm 2010.

#### Cơ cấu dư nợ theo thành phần kinh tế

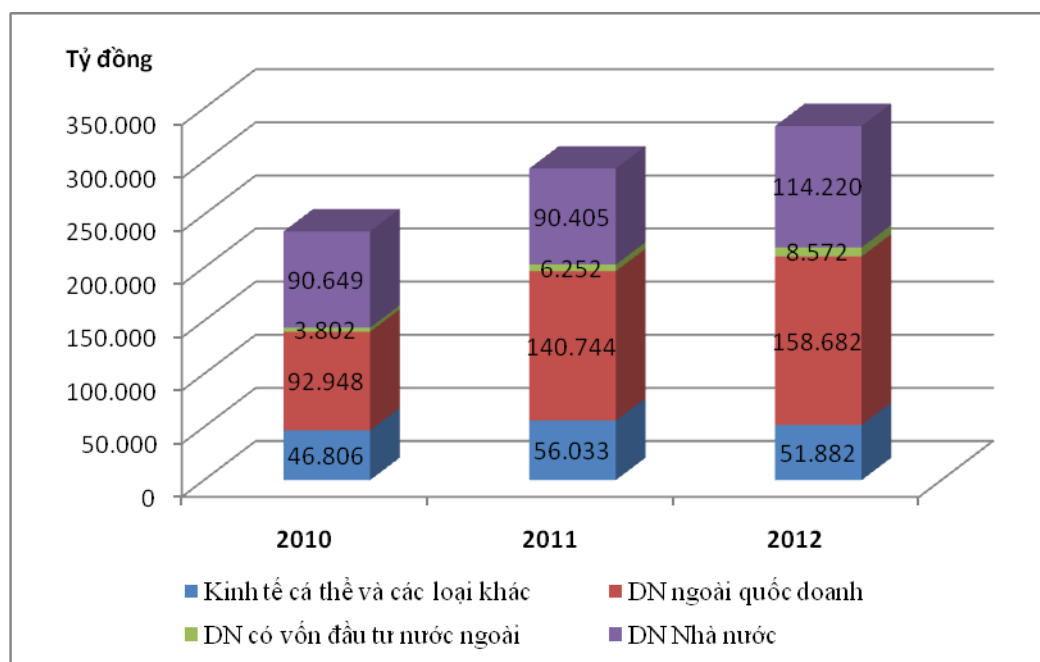
Đa dạng hoá danh mục tín dụng theo thành phần kinh tế cũng đã được chú trọng. Năm 2004, khách hàng truyền thống của VietinBank chủ yếu là các DNNN (chiếm khoảng 45% dư nợ tín dụng) gồm nhiều doanh nghiệp Nhà nước địa phương. Tuy nhiên, năm 2005, các khoản tín dụng DNNN giảm còn 38%, tín dụng đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty tư nhân tăng lên 46%. Xu thế này tiếp tục phát triển trong năm 2012, trong đó cho vay DNNN (trong đó bao gồm cả các công ty cổ phần Nhà nước và công ty TNHH Nhà nước) chỉ chiếm 34% tổng dư nợ, cá nhân & các loại khác chiếm 16%. Chiếm khoảng 48%, phần còn lại là doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và tổ chức kinh tế tập thể.

Yếu tố chính dẫn đến sự thay đổi này là do chiến lược tín dụng của VietinBank có sự thay đổi cho phù hợp với diễn biến chung của nền kinh tế, nhằm tăng hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro.

**Hình 14: Cơ cấu dư nợ 2012 theo kỳ hạn**



Nguồn: VietinBank



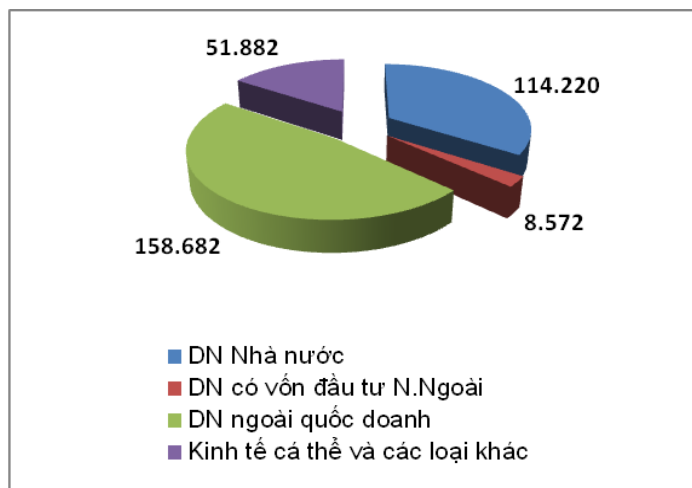
Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2010, 2011, 2012 của VietinBank

## Tín dụng doanh nghiệp

Hoạt động kinh doanh chính của VietinBank là cung cấp tín dụng cho khách hàng là doanh nghiệp. Từ hoạt động tín dụng truyền thống là cho vay công nghiệp, thương nghiệp, VietinBank đã mở rộng sản phẩm tín dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ và đầu tư phát triển. VietinBank không chỉ chú trọng đến các doanh nghiệp lớn có các dự án trọng điểm, an toàn, có hiệu quả và có khả năng trả nợ tốt, mặt khác để phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, VietinBank cũng rất chú trọng phát triển sản phẩm tín dụng đối với khối các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Các khách hàng lớn của VietinBank bao gồm các Tập đoàn và Tổng Công ty như: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia (Petro Việt Nam), Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam, Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, Tổng công ty Thép, Tổng công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Vinaconex, Tổng công ty Xăng dầu (Petrolimex), Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam v.v.

**Hình 16: Cơ cấu khách hàng lớn**



*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2012 của VietinBank*

Các dự án tín dụng lớn VietinBank đã ký kết và giải ngân trong năm 2012 : Dự án đầu tư mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Nhà máy Gang thép Thái Nguyên (1.863 tỷ), Dự án sản xuất diamon phát phát số 2 (1.215 tỷ), Dự án Nhà máy cán thép 2 Kinh Môn-Hải Dương (600 tỷ), Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (800 tỷ đồng), Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí mở rộng giai đoạn 1 và 2 (450 tỷ đồng), Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 (700 tỷ), Dự án đầu tư lưới điện nông thôn của TCT Điện lực Miền Bắc (930 tỷ), Dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện của CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh (700 tỷ), Dự án đầu tư khai thác dưới mức -75 mỏ Bình Minh (1.165 tỷ), ....

Sau khi chuyển đổi thành công mô hình tín dụng theo chuẩn Basel II thì cuối tháng 6/2013 VietinBank tiếp tục chuyển đổi mô hình tổ chức khối khách hàng doanh nghiệp nhằm định hướng hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống theo mô hình ngân hàng hiện đại. Việc chuyển đổi này đã thay đổi tư duy và văn hóa bán hàng, quản trị và quản lý hoạt động theo hướng chuyên sâu, phù hợp với thông lệ quốc tế, xu thế hội nhập và quốc tế hóa hoạt động kinh doanh ngân hàng. Theo đó, VietinBank đã thành lập Khối khách hàng doanh nghiệp trên cơ sở sắp xếp lại hoạt động của Phòng Khách hàng doanh nghiệp lớn và Phòng Khách hàng doanh nghiệp vừa & nhỏ (DNVVN). Khối Khách hàng doanh nghiệp bao gồm các phòng: Marketing và Phát triển sản phẩm, Quản lý hoạt động kinh doanh, Quản lý chất lượng và hỗ trợ, Nguồn vốn và tín dụng quốc tế.

Song song với việc duy trì, mở rộng quan hệ với các tập đoàn, tổng công ty, khách hàng doanh nghiệp lớn thì VietinBank cũng rất chú trọng việc phát triển sản phẩm dịch vụ phù hợp với các DNVVN. Ngoài các sản phẩm dịch vụ áp dụng với mọi đối tượng khách hàng, bằng nguồn vốn tự huy động hoặc kết hợp với các nguồn vay quốc tế.

VietinBank thực hiện chính sách không phân biệt đối với mọi qui mô doanh nghiệp, loại hình, thành phần kinh tế. Bên cạnh đó, để thu hút và giữ vững các khách hàng tốt, VietinBank đã thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ triển khai nhiều sản phẩm dịch vụ phi tài chính như cung cấp thông tin, tư vấn, đào tạo, tổ chức hội nghị, hội thảo, hỗ trợ khách hàng tham gia các sự kiện v.v. miễn phí cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngân hàng cũng đã khai thác nhiều nguồn vốn ưu đãi của các tổ chức trong và ngoài nước như ADB, WB, JICA, SMEDF, JBIC, KFW..., phối kết hợp với nguồn vốn thương mại của VietinBank thiết kế nhiều sản phẩm tín dụng dành riêng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. VietinBank là ngân hàng thương mại duy nhất được lựa chọn quản lý 2 quỹ bảo lãnh tín dụng dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Với nỗ lực phát triển khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, VietinBank được Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước, Cục Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ - Bộ KHĐT, các đối tác các Tổ chức trong và ngoài nước như Bộ Tài chính, NHNN, Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ, các đối tác v.v. ghi nhận là tổ chức luôn đi tiên phong trong phục vụ các doanh nghiệp vừa và nhỏ. VietinBank hiện là đại diện Việt Nam duy nhất ký kết thỏa thuận với các tổ chức tài chính APEC vì sự phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời tham gia Ban chấp hành và ký Thỏa thuận hợp tác với các Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam, Hiệp hội các doanh nghiệp vừa và nhỏ Công thương để tạo tiền đề phát triển nhóm khách hàng này.

VietinBank hiện có danh mục các sản phẩm tín dụng rất đa dạng và phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, cụ thể:

- **Cho vay từng lần:** VietinBank áp dụng phương thức cho vay từng lần cho mọi khách hàng có nhu cầu vay vốn khi khách hàng đáp ứng được các điều kiện vay vốn theo quy định của Pháp luật và quy chế nội bộ của Ngân hàng. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, nhu cầu vay vốn của khách hàng v.v. khách hàng sẽ được cấp cho một khoản tín dụng cụ thể, trong một khoảng thời gian nhất định.
- **Cho vay theo hạn mức tín dụng:** phương thức này được áp dụng đối với khách hàng vay có nhu cầu vay vốn thường xuyên, có uy tín trong quan hệ thanh toán, tín dụng với Ngân hàng, sản xuất kinh doanh ổn định, mặt hàng đa dạng. Căn cứ vào phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, nhu cầu vay vốn của khách hàng, tài sản bảo đảm tiền vay, VietinBank và khách hàng xác định và thỏa thuận một hạn mức tín dụng duy trì trong thời hạn nhất định hoặc theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh.
- **Cho vay theo dự án đầu tư:** VietinBank cho khách hàng vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.
- **Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng:** Phương thức cho vay này áp dụng đối với khách hàng có nhu cầu dự phòng nguồn vốn tín dụng trong một khoảng thời gian nhất

định nhằm đảm bảo khả năng chủ động về tài chính khi thực hiện sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đời sống. Trong thời hạn hiệu lực rút vốn của hợp đồng khách hàng phải trả phí cam kết theo mức quy định của VietinBank.

- **Cho vay hợp vốn (đồng tài trợ):** VietinBank cùng một hoặc một số tổ chức tín dụng khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của khách hàng; trong đó, VietinBank hoặc một tổ chức tín dụng khác làm đầu mối dàn xếp. Cho vay hợp vốn được thực hiện theo quy chế đồng tài trợ của NHNN và hướng dẫn của VietinBank.
- **Cho vay thấu chi:** VietinBank cho phép khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản tiền gửi thanh toán với mức thấu chi tối đa lên đến 100% giá trị tài sản bảo đảm. Với những khách hàng doanh nghiệp có tiềm lực tài chính tốt, VietinBank có thể cấp thấu chi mà không cần thế chấp tài sản.
- **Các gói sản phẩm ưu đãi lãi suất :** Thực hiện theo chỉ đạo của Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước và chia sẻ khó khăn đối với các doanh nghiệp, tạo cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn ngân hàng, VietinBank đã cung cấp nhiều gói sản phẩm cho vay với lãi suất ưu đãi như : Tri ân khách hàng VIP, Tri ân khách hàng tháng 5, Cho vay mua tạm trữ thóc gạo vụ Đông xuân 2012 – 2013, Cho vay mua tạm trữ thóc gạo vụ Hè Thu 2012 – 2013, Gói ưu đãi lãi suất USD, Cho vay ưu đãi Xuất khẩu,...

Ngoài ra, tùy theo nhu cầu của khách hàng và thực tế phát sinh, VietinBank sẽ xem xét cho vay theo các phương thức khác phù hợp với đặc điểm hoạt động trong từng thời kỳ và không trái với quy định của pháp luật như cho vay trả góp, cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, vay VND lãi suất USD, vay bảo đảm bằng bộ chứng từ xuất khẩu, nhận ủy thác cho vay, các sản phẩm bảo lãnh, chiết khấu, đồng tài trợ v.v.

## Tín dụng cá nhân

VietinBank cấp cho khách hàng cá nhân nhiều loại sản phẩm tín dụng, bao gồm chủ yếu hai nhóm sản phẩm:

- **Cho vay sản xuất kinh doanh, dịch vụ và đầu tư phát triển:** bao gồm cho vay cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh, xây dựng thương mại, đầu tư, dài hạn, cho vay nông nghiệp và phát triển nông thôn ...
- **Cho vay tiêu dùng:** mua nhà, xây dựng và sửa chữa nhà, mua ô tô, du học, chữa bệnh...

Các phương thức cho vay cũng rất linh hoạt, bao gồm cho vay từng lần, cho vay theo dự án đầu tư, cho vay trả góp v.v. Khách hàng chủ yếu là những người tiêu dùng có mức sống khá và cán bộ công nhân viên có mức thu nhập cao.

## Chính sách tín dụng

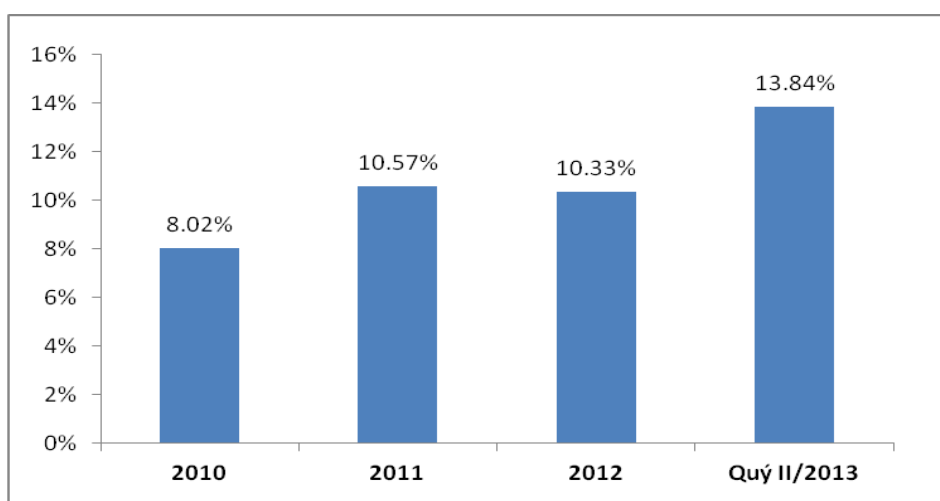
Chính sách tín dụng của VietinBank thực hiện theo cơ chế thị trường, tín dụng trên cơ sở an toàn, hiệu quả, xếp hạng khách hàng, không phân biệt thành phần kinh tế. Chính sách tín dụng của VietinBank phù hợp với các quy định của pháp luật và từng bước hướng tới chuẩn mực quốc tế, dẫn dắt hoạt động tín dụng theo mục tiêu, định hướng đặt ra của VietinBank và dành ưu đãi về giới hạn tín dụng, lãi suất cho các khách hàng chiến lược.

VietinBank đã hoàn thiện, ban hành lại và ban hành mới đầy đủ hệ thống các văn bản, cơ chế nghiệp vụ tín dụng, qui định cụ thể hóa các điều kiện lựa chọn khách hàng, cấp tín dụng, quy trình cho vay bảo lãnh, quy trình nhận và xử lý tài sản đảm bảo, triển khai thực hiện theo tiêu chuẩn ISO 9001. Hiện nay VietinBank đã có bộ phận chuyên trách soạn thảo và ban hành các cơ chế, quy trình, quy định tín dụng và thường xuyên bổ sung chỉnh sửa để đảm bảo ngày càng phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường.

### d. *Mức độ an toàn vốn*

Hiện nay, VietinBank nhận định khả năng của ngân hàng trong việc thanh toán các khoản nợ có thời hạn và đối mặt với các rủi ro khác như rủi ro tín dụng, rủi ro vận hành.

**Hình 17: Tỷ lệ an toàn vốn – CAR**



$$CAR = [(Vốn cấp I + Vốn cấp II) / (Tài sản đã điều chỉnh rủi ro)] * 100\%$$

Đây cũng là một trong 5 tiêu chuẩn quan trọng nhất mà các ngân hàng thương mại phải đáp ứng để đảm bảo an toàn hoạt động, theo định hướng quản lý rủi ro của Ngân hàng Nhà nước theo từng thời kỳ (4 tiêu chuẩn còn lại bao gồm yêu cầu vốn tự có, tỷ lệ khả năng chi trả

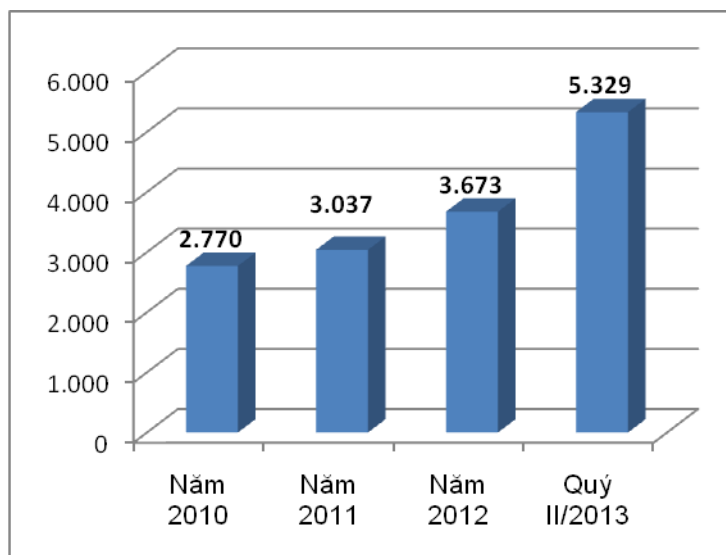
(thanh khoản), giới hạn cho vay và bảo lãnh thương mại, giới hạn sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn).

Theo Quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ban hành ngày 20/05/2010 về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng, trừ chi nhánh ngân hàng nước ngoài, phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% trên cơ sở hợp nhất vốn, tài sản của tổ chức tín dụng và công ty trực thuộc. Tuy nhiên, trên thế giới, việc áp dụng hệ số an toàn vốn tối thiểu hiện phổ biến theo tiêu chuẩn của Basel II với mức 12%.

*e. Phân loại nợ và rủi ro tín dụng*

Việc phân loại các khoản nợ ở VietinBank tuân theo quy định của NHNN, theo đó các khoản nợ được xếp vào 5 nhóm: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ, và Nợ có khả năng mất vốn. Việc phân loại nợ theo khách hàng, mỗi khách hàng chỉ thuộc duy nhất một nhóm nợ (bao gồm cả các cam kết ngoại bảng) và tất cả các khoản nợ đều phải phân loại vào nhóm của khoản nợ có trạng thái nợ xấu nhất. Việc trích dự phòng rủi ro có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

**Hình 18: Quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng 2010 – Quý II/2013**



*Nguồn: Báo cáo tài chính 2010 – Quý II/2013*

Tất cả các khoản nợ đều được theo dõi chặt chẽ, đồng thời trên hồ sơ giấy và hồ sơ máy. Hàng ngày, hệ thống phần mềm (BDS) sẽ tự động thông báo cho các cán bộ tín dụng về các khoản nợ đến hạn các khoản nợ sắp đến hạn và các khoản nợ quá hạn. Cán bộ tín dụng sẽ liên hệ yêu cầu khách hàng thanh toán phần gốc và lãi đến hạn cũng như đôn đốc khách

hàng trả các khoản nợ quá hạn. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ, hệ thống sẽ tự động chuyển khoản nợ sang nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn theo quy định.

Các khoản nợ thuộc nhóm Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là các khoản nợ xấu (NPL), Phòng Quản lý nợ có vấn đề quản lý, theo dõi hàng ngày tình hình các khoản nợ cần chú ý, các khoản nợ xấu, đề xuất trình Ban lãnh đạo các biện pháp xử lý thu hồi nợ.

Theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, VietinBank thực hiện trích lập dự phòng cụ thể và dự phòng chung cho từng nhóm nợ như sau: dự phòng cụ thể được tính bằng dư nợ đã loại trừ giá trị tài sản bảo đảm khấu trừ nhân với tỷ lệ rủi ro tương ứng của từng nhóm nợ, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể, và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm.

Đơn vị tính: %

**Bảng 7: Tỷ lệ trích dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của NHNN Việt Nam**

| Nhóm nợ                   | Tỷ lệ trích dự phòng cụ thể | Tỷ lệ trích dự phòng chung |
|---------------------------|-----------------------------|----------------------------|
| 1. Nợ đủ tiêu chuẩn       | 0%                          | 0,75%                      |
| 2. Nợ cần chú ý           | 5%                          | 0,75%                      |
| 3. Nợ dưới tiêu chuẩn     | 20%                         | 0,75%                      |
| 4. Nợ nghi ngờ            | 50%                         | 0,75%                      |
| 5. Nợ có khả năng mất vốn | 100%                        | 0,00%                      |

*Nguồn: theo quy định của NHNN về trích lập dự phòng*

Theo Đề án tái cơ cấu của VietinBank (VietinBank bắt đầu tái cơ cấu về tài chính vào 31/12/2000) tổng nợ tồn đọng cần xử lý là 9.485 tỷ đồng, chiếm 27% giá trị các khoản vay. Số nợ tồn đọng phát sinh sau đó là 529 tỷ đồng. Sau 5 năm thực hiện tái cơ cấu, VietinBank đã xử lý được 9.762 tỷ đồng nợ tồn đọng, đạt 102,9% kế hoạch của Đề án xử lý nợ tồn đọng. VietinBank đã hoàn thành đề án xử lý nợ tồn đọng được Thủ tướng Chính phủ và Thống đốc NHNN phê duyệt.

Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank tại 31/12/2010 là 0,7%, 0,8% và 1,5% vào thời điểm cuối năm 2011 và 2012 cho thấy tình hình quản lý nợ xấu của VietinBank đã được kiểm soát. Đặc biệt, trong năm 2012, tỷ lệ nợ xấu của VietinBank thấp nhất trong hệ thống ngân hàng

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



TMNN Việt Nam, đứng thứ hai trong toàn ngành (EximBank có tỷ lệ nợ xấu năm 2012 thấp nhất đạt 1,2%).

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Bảng 8: Phân loại nợ năm 2010 và Quý II/2013 |                    |                    |                    |                    |
|----------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| Chỉ tiêu                                     | Năm 2010           | Năm 2011           | Năm 2012           | Quý II/2013        |
| Nợ đủ tiêu chuẩn                             | 230.266.753        | 285.213.117        | 327.054.358        | 324.904.050        |
| Nợ cần chú ý                                 | 2.399.518          | 6.017.024          | 1.411.738          | 2.676.086          |
| Nợ dưới tiêu chuẩn                           | 924.605            | 1.071.421          | 994.983            | 1.918.183          |
| Nợ nghi ngờ                                  | 410.692            | 220.213            | 1.789.074          | 1.606.969          |
| Nợ có khả năng mất vốn                       | 203.241            | 912.537            | 2.105.939          | 3.501.976          |
| <b>Tổng</b>                                  | <b>234.204.809</b> | <b>293.434.312</b> | <b>333.356.092</b> | <b>334.607.264</b> |

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2010, 2011, 2012 và Báo cáo hợp nhất Quý II/2013 của VietinBank*

## 7.1.3. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ (KDNT) của VietinBank là một trong những bộ phận nghiệp vụ quan trọng, đóng góp quan trọng cho đà tăng trưởng của hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ giữa Việt Nam và các nước trên thế giới nói chung, tài trợ thương mại và thanh toán XNK của VietinBank nói riêng và góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước thời kỳ đổi mới để sớm đưa đất nước thành nước Công nghiệp theo hướng hiện đại đến năm 2020.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong năm 2012, tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam là 228,37 tỷ USD, tăng 12,1%. Trong đó xuất khẩu đạt 114,57 tỷ USD, tăng 18,2%; nhập khẩu 113,79 tỷ, tăng 6,6%. Theo Báo cáo của Cục Đầu tư Nước ngoài, Tính chung cả cấp mới và tăng vốn, trong năm 2012, các nhà đầu tư nước ngoài đã đăng ký đầu tư vào Việt Nam 16,3 tỷ USD, tăng 4,7% so với năm 2011. Đó là những điều kiện thuận lợi cho kinh doanh ngoại tệ.

- Doanh số giao dịch trên thị trường liên ngân hàng năm 2012 của VietinBank đạt xấp xỉ 19 tỷ USD, vươn lên dẫn đầu thị trường với thị phần doanh số mua bán ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng đạt gần 20% và đứng thứ 2 về thị phần giao dịch trên thị trường 1 với doanh số hơn 11 tỷ USD.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

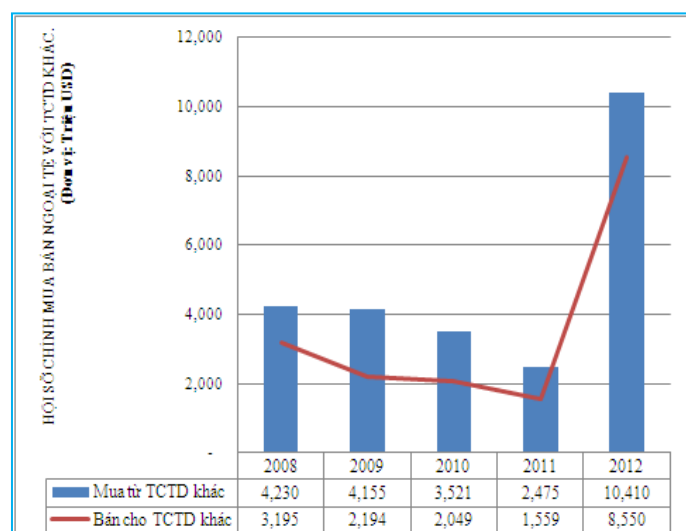
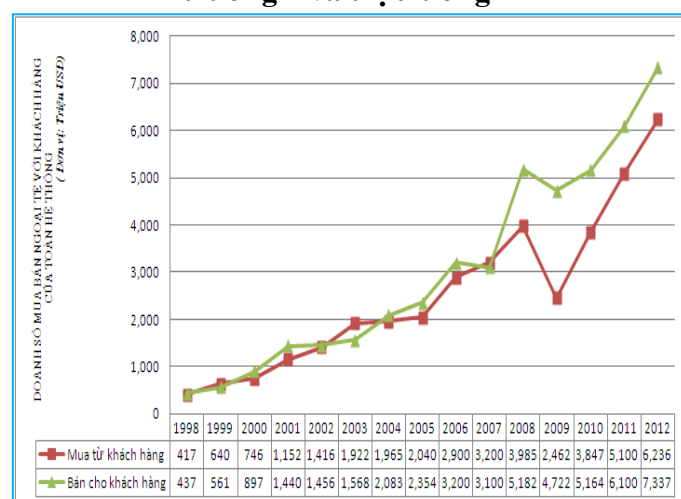


- Quy mô giao dịch tăng gấp 3 lần so với năm 2011 nhờ cải tổ phương pháp quản trị hệ thống và tăng cường công tác bán hàng trực tiếp.

Với thị trường trọng điểm là thị trường nội địa, các khách hàng chính của VietinBank ngoài đối tượng khách hàng chung là các thành phần từ kinh tế tư nhân đến kinh tế Nhà nước theo định hướng của Đảng, Nhà nước, KDNT tập trung vào các khách hàng doanh nghiệp tiềm năng, hoạt động trong các lĩnh vực: dầu khí, thủy hải sản, than và khoáng sản, cao su, cà phê, lương thực, may mặc, hàng thủ công XK, xăng dầu, xây dựng, thương mại và công nghiệp, khách hàng có nhu cầu ngoại tệ lớn như nhóm khách hàng FDI... Các sản phẩm ngoại hối được thiết kế theo phân khúc và theo từng nhóm khách hàng tương ứng trong hệ thống VietinBank.

Nhìn vào biểu đồ và số liệu doanh số mua bán ngoại tệ của các chi nhánh trong toàn hệ thống với khách hàng là các các doanh nghiệp, cá nhân tăng trưởng khá nhanh qua từng năm, trung bình từ 10-20% năm...và chiếm thị phần lớn trong hệ thống ngân hàng Việt Nam, đứng thứ 2 thị phần trong năm 2012 ở thị trường bán lẻ. Bên cạnh đó hoạt động mua bán trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng với các đối tác là Ngân hàng trong nước và quốc tế của phòng KDNT, kể từ sau khi cổ phần hóa năm 2008 vẫn duy trì tốt và chiếm thị phần lớn trên thị trường liên ngân hàng, góp phần tích cực khai thác thêm nguồn ngoại tệ để cân đối ngoại tệ cho toàn hệ thống và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả. Điểm nhấn năm 2012 với phương châm định vị lại thương hiệu VietinBank trên thị trường liên ngân hàng, doanh số giao dịch trên thị trường đã tăng lên 3-5 lần so với các năm sau khi cổ phần hóa, vươn lên đứng trong hàng ngũ các ngân hàng dẫn đầu thị phần giao dịch trên thị

**Hình 19: Doanh số mua bán ngoại tệ trên thị trường 1 và thị trường 2**



Nguồn: VietinBank

trường ngoại hối Việt Nam.

Song song với việc đẩy mạnh doanh số, KDNT cũng đặc biệt coi trọng hoạt động kinh doanh an toàn hiệu quả...và đảm bảo giảm thiểu rủi ro một cách hợp lý, VietinBank đã đưa ra các hạn mức khác nhau, được áp dụng tại Trụ sở chính, bao gồm:

- Hạn mức dành cho đối tác
- Hạn mức để chặn thua lỗ
- Hạn mức giao dịch
- Hạn mức dành cho mỗi nhân viên giao dịch tự doanh trên thị trường ngoại hối.

Các hoạt động kinh doanh ngoại tệ của VietinBank do Khối Kinh doanh vốn và Thị trường thực hiện, và được hỗ trợ bởi các phòng ban thuộc Khối nghiệp vụ khác. Tất cả các chi nhánh tuy không có phòng kinh doanh ngoại tệ riêng, nhưng đều được phép thực hiện các giao dịch mua bán ngoại tệ với các tổ chức và cá nhân, theo quy định của NHNN và VietinBank.

NHNN đã cấp phép cho các định chế tài chính cung cấp 4 hình thức kinh doanh ngoại hối, bao gồm: giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi và giao dịch quyền chọn. VietinBank đang thực hiện các hoạt động này đúng theo quy định của NHNN, đáp ứng được đầy đủ các nhu cầu về mua bán ngoại tệ của thị trường.

#### **7.1.4. Hoạt động kinh doanh thẻ**

VietinBank đã trở thành ngân hàng hàng đầu trong phát triển dịch vụ thẻ với sản phẩm đa dạng, giá trị gia tăng vượt trội, chất lượng dịch vụ tốt, sức cạnh tranh cao với thương hiệu mang bản sắc riêng có của VietinBank, nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu thanh toán nhanh, hiện đại, chính xác cho các đối tượng khách hàng. Vietinbank tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả của hệ thống mạng lưới ATM, POS thông qua việc xây dựng hệ thống Autobank, phát triển POS tại các trung tâm thanh toán, tiêu dùng lớn như siêu thị, khách sạn, nhà hàng, các điểm vui chơi công cộng...nhằm mang lại sự thuận tiện cho khách hàng, giúp việc thanh toán không dùng tiền mặt được thực hiện một cách dễ dàng hơn. Bên cạnh đó là không ngừng chú trọng công tác chăm sóc khách hàng thông qua việc củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, xây dựng và triển khai các chương trình chăm sóc khách hàng, tiếp tục triển khai các chương trình marketing, khuyến mãi lớn, mang lại giá trị thiết thực cho khách hàng. Mục tiêu của VietinBank là duy trì thị phần dẫn đầu các sản phẩm và dịch vụ thẻ trên thị trường và mạng lưới thanh toán.

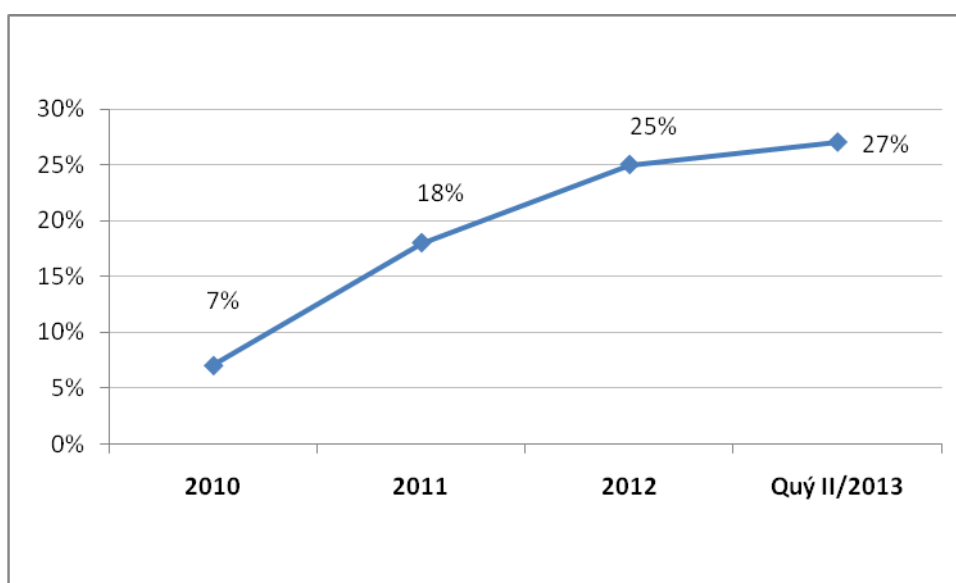
Thị phần thẻ tăng trưởng đều các năm, thể hiện sự phát triển cả về chất và lượng dịch vụ thẻ VietinBank:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



| Năm          | 2010 | 2011 | 2012 | Quý II-2013 |
|--------------|------|------|------|-------------|
| Thị phần thẻ | 7%   | 18%  | 25%  | 27%         |

**Hình 20: Biểu đồ thị phần thẻ các năm 2010 - Quý II/2013**



Nguồn: VietinBank

Tốc độ tăng trưởng thị phần thẻ qua các năm:

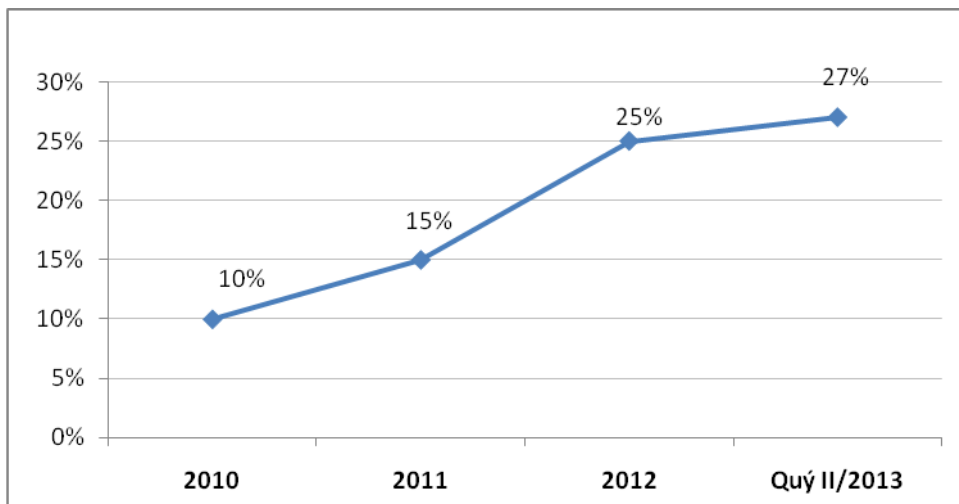
- 2010-2011: 157%
- 2011-2012: 39%

Hoạt động kinh doanh thẻ thu hút tiền tài trợ hàng triệu USD/mỗi năm từ các Tổ chức thẻ quốc tế (Visa/Master/JCB/Diner...), thể hiện sự tin tưởng của các Tổ chức thẻ quốc tế về chiến lược và hiệu quả kinh doanh thẻ VietinBank.

Tỷ trọng Phí dịch vụ thẻ ngày càng gia tăng và chiếm tỷ trọng cao trong tổng Phí dịch vụ ngân hàng:

| Năm                                          | 2010 | 2011 | 2012 | Quý II-2013 |
|----------------------------------------------|------|------|------|-------------|
| Tỷ trọng Phí dịch vụ Thẻ/ tổng phí ngân hàng | 10%  | 15%  | 25%  | 27%         |

**Hình 21: Biểu đồ tỷ trọng Phí dịch vụ thẻ so với tổng phí dịch vụ ngân hàng**



*Nguồn: VietinBank*

Tốc độ tăng trưởng tỷ trọng phí dịch vụ qua các năm:

- 2010-2011: 50%
- 2011-2012: 67%

Sản phẩm dịch vụ thẻ VietinBank đã được khách hàng, các tổ chức trong và ngoài nước ghi nhận bằng các giải thưởng tiêu biểu các năm gần đây:

**- Năm 2008:**

- Ngân hàng có dịch vụ bán lẻ được hài lòng nhất, do Báo Sài Gòn Tiếp Thị trao tặng.
- Giải thưởng Sao vàng Thủ đô do Hội Doanh nghiệp Hà Nội trao tặng.

**- Năm 2010:** Ngân hàng có sản phẩm thẻ ATM tốt nhất, do Báo Sài Gòn Tiếp Thị trao tặng.

**- Năm 2011:**

- Ngân hàng đi đầu trong việc phát triển đơn vị chấp nhận thẻ và ngân hàng dẫn đầu về doanh số thanh toán thẻ do Tổ chức thẻ quốc tế Visa trao tặng.
- 100 thương hiệu nổi tiếng Việt Nam do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam (VIPA) trao tặng.
- Top 20 sản phẩm dịch vụ vàng thời hội nhập do Viện sở hữu trí tuệ - Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng.
- Ngân hàng xuất sắc trong hoạt động kinh doanh thẻ do Hiệp hội Thẻ trao tặng.

## - Năm 2012:

- Ngân hàng Bán lẻ tiêu biểu 2012 do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam và Tập đoàn Dữ liệu quốc tế IDG trao tặng.
- Giải thưởng Top 100 Sản phẩm Dịch vụ Tín & Dùng Việt Nam năm 2012 do Thời báo Kinh tế Việt Nam – Tạp chí Tư vấn Tiêu & Dùng trao tặng.
- Top 50 nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam do Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam (VIPA) trao tặng.
- Ngân hàng dẫn đầu phát triển dịch vụ thanh toán thẻ do Tổ chức thẻ quốc tế Visa trao tặng.

## - Năm 2013:

- Top 100 nhãn hiệu nổi tiếng 2013 do Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam (VIPA) trao tặng.

### ***Thẻ nội địa***

Thống kê đến hết 30/06/2013, tổng thẻ ghi nợ nội địa của VietinBank đạt hơn 12 triệu thẻ, chiếm 23% thị phần thẻ ghi nợ trong nước, dẫn đầu thị trường. Hoạt động kinh doanh thẻ ghi nợ nội địa thực sự trở thành một dịch vụ ngân hàng hiện đại mang tính nền tảng, là mũi nhọn cho chiến lược phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ, mở ra một hướng mới cho việc huy động vốn, tăng trưởng khách hàng mới, giúp giảm lãi suất đầu vào cho VietinBank.

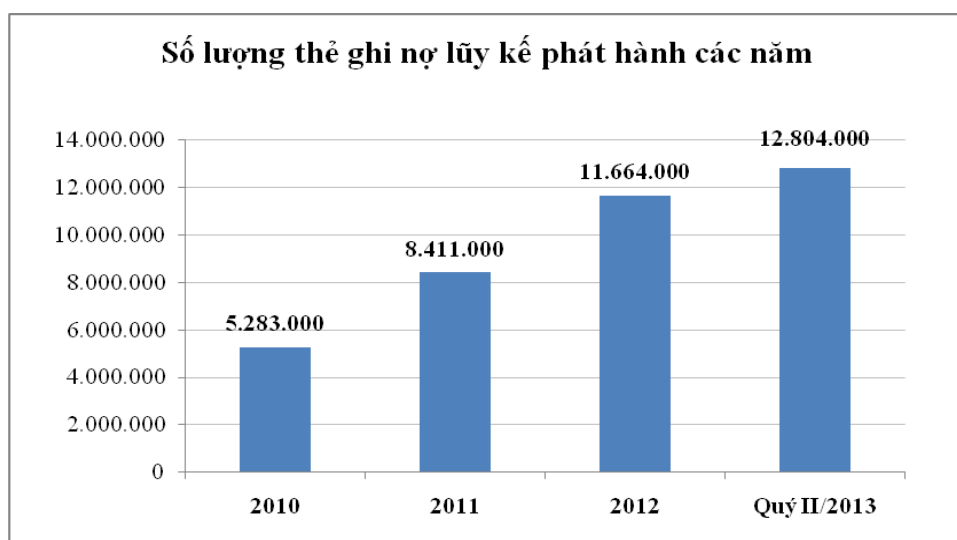
Thẻ ghi nợ E-Partner được cải tiến nhiều chức năng và tiện ích, đáp ứng các nhu cầu thanh toán không dùng tiền mặt như dịch vụ thu phí cầu đường tự động thanh toán qua ngân hàng; dịch vụ thu ngân sách nhà nước tại ATM; dịch vụ thu hộ quỹ bảo trì đường bộ; dịch vụ thanh toán học phí trực tuyến; dịch vụ tự động trích nợ tài khoản thẻ E-Partner thanh toán tiền vay trên INCAS; dịch vụ nhận lãi tiết kiệm qua tài khoản thẻ E-Partner; dịch vụ tiết kiệm tự động và chuyển khoản tự động qua tài khoản thẻ E-Partner; dịch vụ gửi tiền tại ATM; dịch vụ nhận tiền kiều hối qua thẻ E-Partner; dịch vụ gửi tiết kiệm; dịch vụ thanh toán vé tàu, tiền điện, hoá đơn; dịch vụ thanh toán viện phí qua Kiosk Banking; dịch vụ thanh toán trực tuyến; dịch vụ nạp tiền viễn thông Vntopup; ví điện tử; dịch vụ thu hộ và các dịch vụ SMS/Internet/Mobile/Kiosk Banking .v.v.

Thẻ ghi nợ E-Partner thực hiện được các giao dịch tại hơn 14.400 máy ATM, 107.000 máy POS của các ngân hàng trong liên minh Banknetvn và Smartlink. Ngoài ra thẻ ghi nợ E-Partner còn thực hiện được các giao dịch tại một số tổ chức thẻ trong mạng thanh toán Châu Á – Asia Payment Network (APN) như Tổ chức chuyển mạch thẻ Hàn Quốc (KFTC), thẻ của Tổ chức chuyển mạch thẻ Malaysia (MEPS).

Ngoài thẻ ghi nợ nội địa, Vietinbank cũng đã phát hành thẻ trả trước nội địa E-Fast thanh toán xăng dầu, thẻ quà tặng, thanh toán khu vui chơi giải trí; phát hành thẻ tín dụng nội địa đảm bảo đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

| Năm                              | 2010      | 2011      | 2012       | Quý II/2013 |
|----------------------------------|-----------|-----------|------------|-------------|
| Số lượng thẻ ghi nợ lũy kế (thẻ) | 5,283,000 | 8,411,000 | 11,664,000 | 12,804,000  |

**Hình 22: Biểu đồ Lũy kế thẻ ghi nợ phát hành các năm 2010 – Quý II/2013**



*Nguồn: VietinBank*

Tốc độ tăng trưởng phát hành thẻ ghi nợ qua các năm:

- 2010-2011: 59%
- 2011-2012: 39%

### ***Thẻ quốc tế***

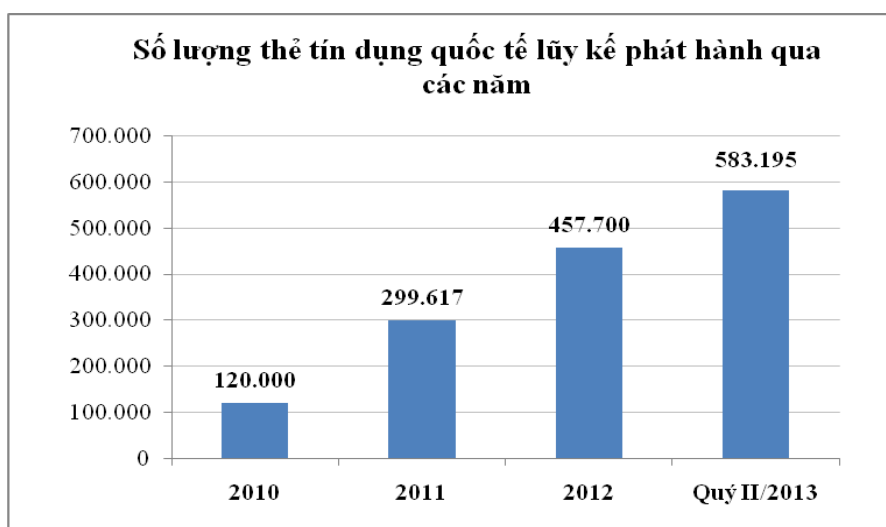
Tính đến hết 30/06/2013, tổng số thẻ quốc tế của VietinBank đạt hơn 500.000 thẻ, các loại thẻ phát hành bao gồm thẻ Cremium Visa/Master/JCB các hạng Chuẩn-Vàng-Platinum; chiếm 31% thị phần thẻ tín dụng quốc tế, dẫn đầu thị trường; công nghệ phát hành thẻ hiện đại và bảo mật theo chuẩn EMV. VietinBank là ngân hàng đầu tiên phát hành thẻ tín dụng quốc tế JCB tại thị trường Việt Nam. Các sản phẩm thẻ quốc tế VietinBank bao gồm thẻ tín dụng quốc tế, thẻ ghi nợ quốc tế và thẻ trả trước phí vật lý quốc tế.

Các sản phẩm dịch vụ thẻ quốc tế thường xuyên được cải tiến, bổ sung đáp ứng nhu cầu của khách hàng như chương trình chiết khấu thanh toán; dịch vụ trả góp, dịch vụ thông báo biến

động giao dịch, nhắc nợ; trích nợ tự động thanh toán sao kê; sao kê online .v.v. Một số sản phẩm, dịch vụ thẻ quốc tế mới được triển khai trong thời gian vừa qua như: thẻ tín dụng quốc tế đồng thương hiệu với siêu thị Metro; thẻ ghi nợ quốc tế Visa Debit đồng thương hiệu với câu lạc bộ bóng đá Chelsea, với siêu thị Citimart, với diễn đàn Otofun; phát hành thẻ Tín dụng quốc tế công ty Corporate Card; thẻ tín dụng quốc tế Visa/Master EMV; thẻ trả trước quốc tế phi vật lý thanh toán trực tuyến (virtual card); dịch vụ thanh toán thẻ Discover/DinersClub/thẻ CUP tại hệ thống POS VietinBank; dịch vụ merchant online thẻ tín dụng quốc tế Visa/Master/JCB.

| Năm                                           | 2010    | 2011    | 2012    | Quý II/2013 |
|-----------------------------------------------|---------|---------|---------|-------------|
| Số lượng thẻ tín dụng quốc tế<br>lũy kế (thẻ) | 120.000 | 299.617 | 457.700 | 583.195     |

**Hình 23: Biểu đồ Lũy kế thẻ tín dụng quốc tế phát hành các năm**



*Nguồn: VietinBank*

Tốc độ tăng trưởng phát hành thẻ tín dụng quốc tế qua các năm:

- 2010-2011: 150%
- 2011-2012: 53%

### ***Hoạt động thanh toán thẻ***

Thống kê đến hết 30/06/2013, VietinBank hiện đang sở hữu mạng lưới thanh toán với gần 2.000 máy ATM (chiếm 13% thị phần) và hơn 30.000 đơn vị chấp nhận thanh toán thẻ trên toàn quốc (chiếm 31% thị phần, dẫn đầu thị trường). Hệ thống thanh toán ATM/POS

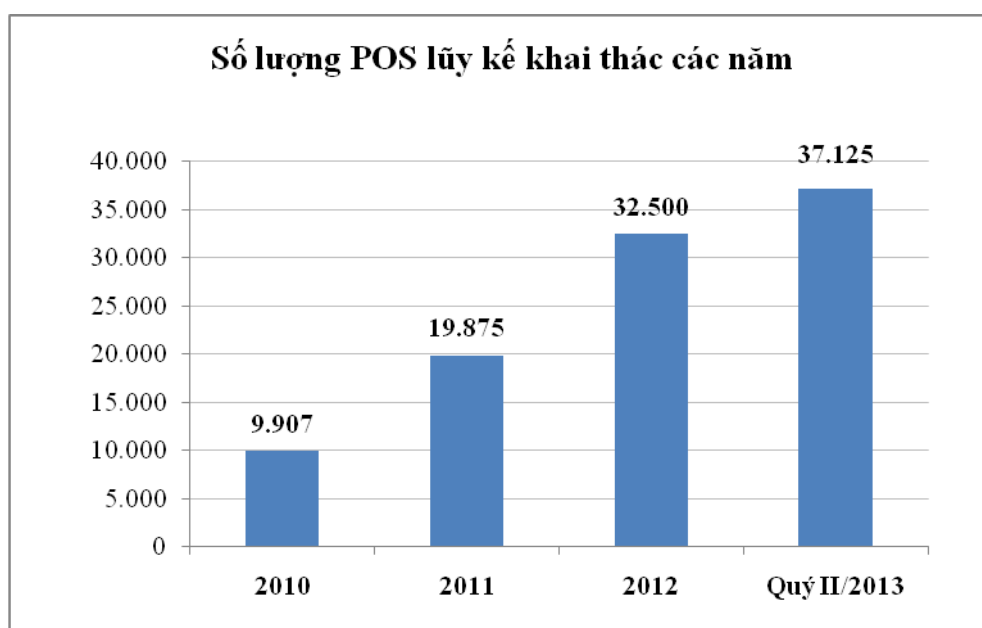
# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Vietinbank chấp nhận thanh toán các loại thẻ ghi nợ nội địa liên minh Banknetvn-Smartlink và thẻ quốc tế mang thương hiệu Visa/Master/JCB/DinerClub-Discover/CUP.

| Năm                 | 2010  | 2011   | 2012   | Quý II/2013 |
|---------------------|-------|--------|--------|-------------|
| Số lượng POS lũy kế | 9.907 | 19.875 | 32.500 | 37.125      |

Hình 24: Biểu đồ số lượng POS lũy kế các năm



Nguồn: VietinBank

Tốc độ tăng trưởng POS qua các năm:

- 2010-2011: 101%
- 2011-2012: 64%

Với lợi thế là ngân hàng tiên phong, dẫn đầu thị trường về mảng phát hành thẻ ghi nợ nội địa, thẻ tín dụng quốc tế và mạng lưới đơn vị chấp nhận thẻ, trong thời gian vừa qua, hoạt động thanh toán thẻ Vietinbank có sự tăng trưởng bền vững về doanh số, từng bước khai thác và chiếm lĩnh thị phần thanh toán tại các đơn vị chấp nhận thẻ VIP (khách sạn lớn, resort, siêu thị, trung tâm thương mại...) thông qua việc hợp tác thanh toán với nhiều đối tác, tập đoàn lớn trong và ngoài nước. Doanh số thanh toán thẻ không ngừng tăng trưởng qua các năm: năm 2012 doanh số thanh toán tăng gấp 03 lần doanh số năm 2011 và gấp 06 lần doanh số năm 2010; chiếm 17% thị phần thanh toán thẻ trên thị trường. Chỉ trong 06 tháng đầu năm 2013, doanh số thanh toán thẻ đã đạt gần 80% doanh số của cả năm 2012. Tốc độ tăng trưởng doanh số thanh toán qua các năm:

- 2010-2011: 122%
- 2011-2012: 177%

Để đáp ứng các nhu cầu của khách hàng cũng như đơn vị chấp nhận thẻ, VietinBank đã triển khai một số tiện ích, giá trị gia tăng như giải pháp thanh toán tiền điện gạch nợ tự động qua POS; hệ thống sao kê online cho đơn vị chấp nhận thẻ, giải pháp chữ ký điện tử trên POS.v.v.

VietinBank là ngân hàng đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam triển khai thành công công nghệ thu phí cầu đường tự động, đưa công nghệ thanh toán của VietinBank tiệm cận công nghệ thanh toán tiên tiến quốc tế; tiếp tục mở rộng triển khai dịch vụ thu phí cầu đường tự động tại các trạm thu phí quốc lộ cũng như các trạm thu phí đường cao tốc trên toàn quốc.

## 7.1.5. Hoạt động góp vốn và đầu tư

### Hoạt động góp vốn

Các hoạt động đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết ngày càng được mở rộng và tăng trưởng. VietinBank hiện đang góp vốn vào 07 công ty con (trong đó VietinBank nắm giữ 100% vốn của 06 công ty con và 75,6% của 01 công ty con) và 02 công ty liên doanh. Giá trị sổ sách của các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn tính đến 30/06/2013 theo Báo cáo riêng lẻ kiểm toán của VietinBank là 5.339 tỷ đồng, trong đó đầu tư vào công ty con là 3.227 tỷ đồng, vốn góp vào công ty liên doanh là 1.792 tỷ đồng. Bên cạnh đó, VietinBank còn đầu tư vào một số tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế khác như NHTMCP Sài Gòn Công thương, Công ty CP Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam, Công ty CP Thông tin tín dụng Việt Nam. Tại thời điểm 30/06/2013, tổng mức đầu tư vào các tổ chức này trị giá 329 tỷ đồng theo mệnh giá.

Thông qua các hoạt động đầu tư, VietinBank đang nỗ lực mở rộng và phát triển các hoạt động kinh doanh cũng như tăng cường năng lực cạnh tranh của mình với định hướng chiến lược sau:

- Tập trung và ưu tiên hàng đầu cho những hoạt động đầu tư vào những lĩnh vực mà VietinBank có khả năng riêng biệt, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính.
- Thiết lập các mối quan hệ chiến lược với các đối tác, hợp tác lâu dài với các công ty và doanh nghiệp lớn, cụ thể là với các tổ chức trong nước và quốc tế có thế mạnh và tiềm năng chiến lược.
- Phát triển các hoạt động của các công ty mà VietinBank đầu tư.
- Phát triển cơ cấu và quản lý danh mục đầu tư một cách chủ động và hiệu quả.

- VietinBank kiểm soát và gây ảnh hưởng đối với phần vốn đầu tư thông qua việc quản lý các công ty mà VietinBank đầu tư dưới các hình thức:
  - ✓ Với công ty mà VietinBank nắm giữ 100% vốn: VietinBank bổ nhiệm Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát, xây dựng điều lệ công ty và cơ cấu tổ chức, chiến lược kinh doanh và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động chủ yếu của công ty;
  - ✓ Với các công ty mà VietinBank nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Ngân hàng có thể đề xuất đại diện của mình là các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, những người tham gia xây dựng điều lệ công ty và đồng thời là cổ đông của công ty;
  - ✓ Với các công ty VietinBank nắm giữ cổ phần không chi phối: tham gia với tư cách là cổ đông của công ty.

## **Hoạt động đầu tư chứng khoán**

### ***Chứng khoán đầu tư***

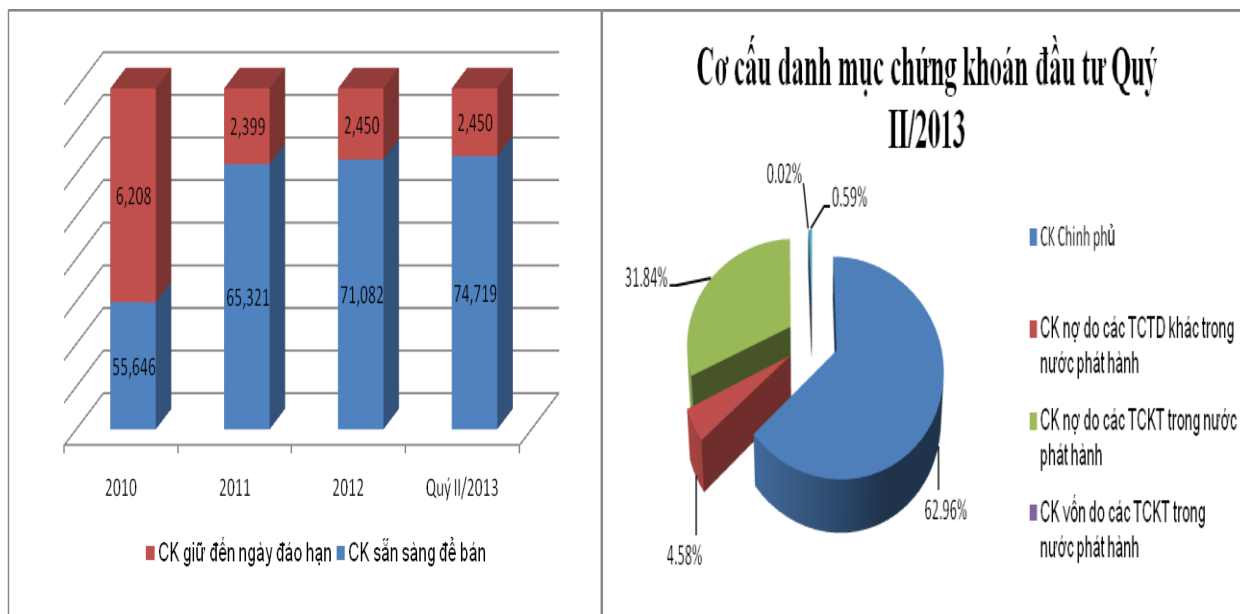
Ngoài các chứng khoán vốn VietinBank cũng mở rộng danh mục đầu tư vào các công cụ nợ như Trái phiếu Chính phủ, Tín phiếu Kho bạc, Tín phiếu NHNN, Trái phiếu Chính quyền địa phương, Trái phiếu NHTM, Trái phiếu doanh nghiệp v.v. với số dư hàng chục nghìn tỷ đồng và trở thành nhà tạo lập thị trường, thúc đẩy thị trường trái phiếu Việt Nam phát triển. Danh mục trái phiếu do VietinBank nắm giữ có mức sinh lời tốt, tính thanh khoản cao, góp phần rất lớn vào việc bảo đảm thanh khoản cho ngân hàng và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Tính đến 30/06/2013, số dư chứng khoán đầu tư đã bao gồm dự phòng giảm giá của VietinBank là 77.027 tỷ đồng. Danh mục chứng khoán được đa dạng hóa bao gồm chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn 2.450 tỷ đồng và chứng khoán sẵn sàng để bán là 74.719 tỷ đồng, trong đó chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đạt 471 tỷ đồng, còn lại là chứng khoán nợ.

### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng mua và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Đến thời điểm 30/06/2013, số dư chứng khoán kinh doanh đã bao gồm dự phòng giảm giá là 449,74 tỷ đồng trong đó chứng khoán nợ là 265 tỷ đồng, chiếm 58,92% giá trị chứng khoán kinh doanh; chứng khoán vốn 187,35 tỷ đồng chiếm 41,66% giá trị chứng khoán kinh doanh. Đến thời điểm 30/06/2013, số dư dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là 2,6 tỷ đồng.

**Hình 25: Cơ cấu danh mục chứng khoán đầu tư**



*Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán 2010 - 2012  
và Báo cáo hợp nhất Quý II/2013 của VietinBank*

Đầu tư vào giấy tờ có giá là biện pháp quan trọng để VietinBank chuyển dịch cơ cấu tài sản có, nâng cao khả năng sinh lợi, giảm thiểu rủi ro, và tạo nguồn thanh khoản khi cần thiết, đồng thời góp phần không nhỏ vào các công trình xây dựng trọng điểm của Nhà nước và đầu tư phát triển trong các ngành kinh tế xã hội.

## 7.1.6. Dịch vụ ngân hàng điện tử

Ngay từ tháng 03/2005, VietinBank đã bắt đầu cung cấp một số dịch vụ Internet Banking cơ bản cho những khách hàng đầu tiên sau khi VietinBank hoàn thành triển khai Dự án hiện đại hóa ngân hàng và Hệ thống thanh toán giai đoạn 1 bằng nguồn vốn vay từ World Bank (năm 2002), thể hiện tầm nhìn chiến lược của Ban lãnh đạo VietinBank đối với dịch vụ có rất nhiều tiềm năng phát triển này.

Từ đó đến nay, VietinBank liên tục nghiên cứu phát triển và cung cấp thêm nhiều dịch vụ và tiện ích mới qua Internet Banking, SMS/Mobile Banking dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại hướng dịch vụ SOA/BPM và Web2.0, đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của cả khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân, cạnh tranh được với các NHTMCP khác.

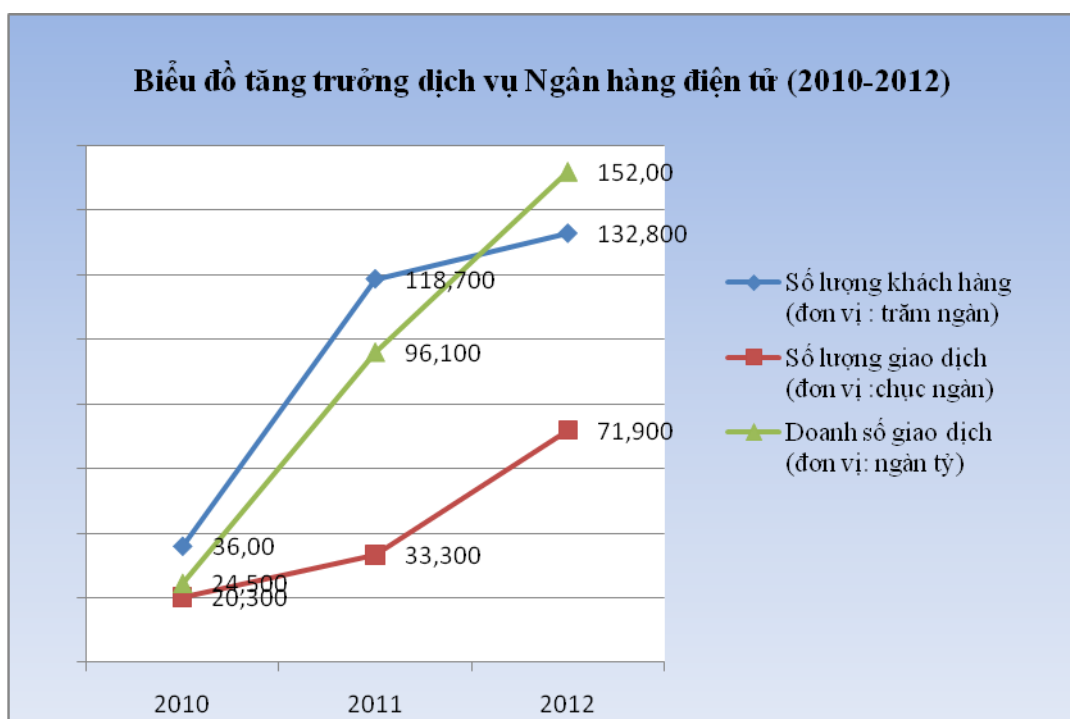
Ngoài các dịch vụ vắn tin tài khoản, vắn tin lịch sử giao dịch, thông báo biến động số dư, chuyển khoản trong/ngoài hệ thống, thanh toán hóa đơn, chuyển/nhận tiền kiều hối, tiết kiệm online, nhắc nợ và trả nợ vay, mua bảo hiểm... VietinBank còn cung cấp một số dịch vụ khác

biệt như Quản lý dòng tiền bao gồm Thu Ngân sách nhà nước, Thu hộ/Chi hộ, Thanh toán lương qua Internet được nhiều khách hàng doanh nghiệp lớn sử dụng đánh giá cao về tiện ích và hiệu quả.

VietinBank đã thực hiện nhiều chính sách nhằm hướng khách hàng chuyển sang sử dụng các dịch vụ ngân hàng đầu tư như quảng cáo, truyền thông, khuyến mại, miễn giảm phí dịch vụ cũng như tăng cường công tác đào tạo về sản phẩm dịch vụ, kỹ năng bán hàng, kỹ năng sử dụng dịch vụ cho cán bộ bán hàng tại các Chi nhánh và trực tiếp cho khách hàng, qua đó hoạt động kinh doanh dịch vụ ngân hàng đầu tư đã có chuyển động hết sức tích cực, tăng trưởng liên tục với tốc độ cao trên cả ba chỉ tiêu quan trọng là số người sử dụng, số lượng giao dịch và giá trị giao dịch, giúp Chi nhánh tăng doanh thu, giảm tải và gián tiếp giảm chi phí hoạt động cho Chi nhánh. Ngân hàng đầu tư đã bước đầu khẳng định tầm quan trọng không thể thiếu của dịch vụ đối với việc thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

Sáu tháng đầu năm 2013, có 926.536 khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ, doanh số giao dịch đạt 94 nghìn tỷ, số lượng giao dịch là 1.036.986, tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2012 lần lượt là 149,02%, 47,6% và 205,17%.

**Hình 26: Biểu đồ tăng trưởng dịch vụ ngân hàng điện tử 2010 - 2012**



Hướng tới tầm nhìn trở thành một ngân hàng đầu tư hiện đại, sáng tạo, hiệu quả hàng đầu Việt nam, VietinBank tiếp tục triển khai Chiến lược phát triển ngân hàng đầu tư giai đoạn

2010-2015 và định hướng phát triển giai đoạn 2016-2020 dựa trên Chiến lược kinh doanh của toàn hàng, đầu tư xây dựng nền tảng Công nghệ ngân hàng điện tử hiện đại, an toàn, bảo mật, xây dựng môi trường, chính sách đúng đắn, chuẩn hóa, đơn giản hóa các quy trình, thủ tục, nâng cao nhận thức và hiểu biết của cán bộ bán hàng, thực thi chính sách bán chéo, bán thêm dịch vụ, kiểm soát rủi ro, kết nối với các nhà cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán, các nhà cung cấp dịch vụ hàng hóa trực tuyến đồng thời đa dạng hóa dịch vụ hướng đến từng trải nghiệm khách hàng, tích cực quảng bá dịch vụ đến khách hàng qua các công cụ phương tiện truyền thông, đặc biệt là qua mạng xã hội.

## **7.1.7. Tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế**

VietinBank là ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam có trung tâm xử lý tập trung nghiệp vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại (TTQT&TTTM) theo chuẩn mực quốc tế, được trang bị công nghệ hiện đại có khả năng xử lý từ xa các giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại. Với mạng lưới trải rộng toàn quốc và 2 chi nhánh tại Đức, 1 chi nhánh tại Lào cùng quan hệ đại lý với trên 1.000 ngân hàng trên toàn cầu, VietinBank đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp cho khách hàng những dịch vụ thanh toán quốc tế, những giải pháp tài trợ thương mại tối ưu.

Sở giao dịch – Trung tâm xử lý tập trung nghiệp vụ TTQT&TTTM Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã được thành lập vào tháng 04/2008 theo định hướng phát triển ngân hàng hiện đại với các chức năng: trực tiếp xử lý tập trung toàn bộ các dịch vụ TTQT&TTTM của hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; khai thác các nguồn vốn ngân hàng trung và dài hạn từ các định chế tài chính để hỗ trợ cho hoạt động tài trợ thương mại của hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; cung cấp dịch vụ tư vấn giải pháp TTQT&TTTM; cung cấp dịch vụ INSOURCING cho các ngân hàng khác trong hoạt động TTQT&TTTM.

Năm 2012, việc áp dụng chính sách lãi suất, phí dịch vụ hợp lý, cùng với sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Ban lãnh đạo VietinBank, phát huy thế mạnh của mô hình xử lý tập trung, hoạt động TTQT&TTTM của VietinBank đã đạt những bước phát triển khả quan: doanh số thanh toán xuất nhập khẩu (XNK) năm 2012 là 32.29 tỷ USD, gấp gần ba lần so với doanh số năm 2008 (11.27 tỷ USD), tỷ lệ tăng trưởng trung bình từ năm 2008 – 2012 là 30%/năm. Đây là mức tăng trưởng cao nhất chưa từng có trong vòng hơn 20 năm hoạt động TTQT&TTTM của NHCTVN. Thị phần thanh toán xuất nhập khẩu của VietinBank tăng từ 7.86% kim ngạch XNK cả nước năm 2008 lên 14.14% vào năm 2012. Năm 2013, riêng trong 6 tháng đầu năm, doanh số thanh toán XNK của cả hệ thống đạt 16.34 tỷ USD, trong đó thanh toán nhập khẩu là 8.82 tỷ USD, thanh toán xuất khẩu là 7.52 tỷ USD, tăng lần lượt là 11.45% và 16.96% so với cùng kỳ năm ngoái.

Về nghiệp vụ khai thác vốn ngoại tệ từ các kênh tái tài trợ thương mại, phát huy ưu thế là đầu mối liên hệ hợp tác với các định chế tài chính nước ngoài liên quan đến TTQT&TTTM, với độ nhạy bén thị trường, tính chuyên nghiệp cao, trong 4 năm qua, kể cả trong những thời điểm điều kiện huy động vốn hết sức khó khăn do khủng hoảng toàn cầu, những bất ổn kinh tế vĩ mô và tình hình tụt hạng tín nhiệm của Việt Nam, Sở giao dịch vẫn hết sức nỗ lực làm việc với các ngân hàng nước ngoài để vay USD ngắn hạn và dài hạn, đạt doanh số huy động ngoại tệ cao, lãi suất trung bình thấp, góp phần tích cực vào việc đảm bảo an toàn thanh khoản về ngoại tệ cho VietinBank. Doanh số huy động ngoại tệ qua các năm như sau: 2008: 356 triệu USD, năm 2010: 601 triệu USD, năm 2011: 1,09 tỷ USD, năm 2012: 1.35 tỷ USD, chiếm khoảng 21% tổng huy động vốn ngoại tệ của toàn hệ thống NHCTVN.

Mặt khác, về chất lượng hoạt động, mọi giao dịch thanh toán với ngân hàng nước ngoài đều được xử lý trôi chảy, an toàn, các rủi ro phát sinh trong thanh toán xuất nhập khẩu đều được kiểm soát và ngăn chặn kịp thời, không để xảy ra bất cứ tổn thất nào cho ngân hàng.

Khách hàng sử dụng các dịch vụ tài trợ thương mại của VietinBank bao gồm các tập đoàn trong nước và quốc tế, và các doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong đó có nhiều tổng công ty và tập đoàn lớn như Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, Tổng Công ty Thép Việt Nam, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, Tổng Công ty Lương thực Miền Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam... và một số ngân hàng cổ phần trong nước như Ocean Bank, VPBank, Indovina Bank, Lienviet Post Bank ...

Các sản phẩm dịch vụ Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại mà VietinBank hiện đang cung cấp gồm có:

## Dịch vụ dành cho khách hàng xuất khẩu

- Tài trợ xuất khẩu
  - ✓ Sản phẩm tài trợ trước xuất khẩu
  - ✓ Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu theo LC, Nhờ thu, Chuyển tiền
  - ✓ Bao thanh toán xuất khẩu/ Bao thanh toán bên bán
  - ✓ Sản phẩm tài trợ cho bên xuất khẩu khi bán hàng theo phương thức Tradecard
- Các sản phẩm khác
  - ✓ Thông báo LC/ sửa đổi LC xuất khẩu
  - ✓ Xác nhận LC
  - ✓ Xử lý Bộ chứng từ xuất khẩu và gửi đi đòi tiền Ngân hàng nước ngoài
  - ✓ Chuyển nhượng LC xuất khẩu

- ✓ Chuyển tiền về qua Vietinbank
- ✚ Dịch vụ dành cho khách hàng nhập khẩu
  - Tài trợ nhập khẩu
    - ✓ Thư tín dụng nhập khẩu
    - ✓ Nhờ thu nhập khẩu
    - ✓ Bao thanh toán nhập khẩu/ Bao thanh toán bên mua
  - Các sản phẩm khác
    - ✓ Chuyển tiền đi qua VietinBank
- ✚ Dịch vụ bảo lãnh
  - ✓ Phát hành bảo lãnh
  - ✓ Thông báo và hỗ trợ đòi tiền theo bảo lãnh
  - ✓ Tái bảo lãnh
- ✚ Các sản phẩm khác
  - ✓ Bao thanh toán tuyệt đối (forfaiting)
  - ✓ Chia sẻ rủi ro (Risk Participation)
  - ✓ Tư vấn cho khách hàng các thủ tục và điều kiện tham gia các chương trình ưu đãi xuất nhập khẩu.
  - ✓ Tư vấn giải pháp thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại hiện đại;
  - ✓ Cung cấp dịch vụ INSOURCING (cung cấp dịch vụ tài trợ thương mại cho các định chế tài chính khác).
  - ✓ Bao thanh toán nội địa đơn phương

Với các lợi thế về khả năng quản lý tập trung các nguồn lực, Sở giao dịch đã triển khai được nhiều sản phẩm, dịch vụ vượt trội. Điển hình là khả năng xử lý các giao dịch có cấu trúc phức tạp, giá trị lớn như mua bán các nhà máy lớn ở nước ngoài thông qua trung tâm đấu giá, giải pháp thanh toán cho gói thầu EPC – xây dựng các nhà máy lớn ở Việt Nam; phát hành bảo lãnh chống phá giá cho hàng xuất khẩu thủy sản sang Mỹ; VietinBank là ngân hàng đầu tiên ở Việt Nam triển khai thành công giao dịch chia sẻ rủi ro TTTM với định chế tài chính nước ngoài, là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam thực hiện thành công các giao dịch tài trợ thương mại theo chương trình hỗ trợ xuất khẩu nông sản của Bộ Nông nghiệp Mỹ (GSM-102), là ngân hàng đầu tiên thực hiện thành công các giao dịch vay vốn tài trợ thương mại dài hạn theo bảo lãnh/bảo hiểm của các Tổ chức Tín dụng xuất khẩu như Euler Hermes,

Sinosure, SERV,... Định hướng trong thời gian tới, Sở giao dịch tiếp tục khẳng định vai trò là trung tâm hiện đại, xử lý an toàn, hiệu quả các giao dịch TTQT&TTTM cho hệ thống NHCTVN; tiếp tục nghiên cứu và phát triển các sản phẩm kinh doanh ngân hàng quốc tế mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm TTQT&TTTM; mở rộng quan hệ hợp tác kinh doanh ngân hàng quốc tế với các định chế tài chính trong và ngoài nước nhằm góp phần tích cực vào sự phát triển chung của toàn bộ hệ thống NHCTVN.

#### **7.1.8. Dịch vụ thu/chi hộ**

Dịch vụ thu/chi hộ được cung cấp cho các khách hàng chiến lược có cân đối tài khoản tiền gửi lớn tại VietinBank hoặc khách hàng hoặc có khối lượng thu chi tiền mặt, chuyển khoản lớn như Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. VietinBank hiện không thu phí đối với dịch vụ này. VietinBank cũng đã triển khai thành công dịch vụ thu hộ Ngân sách bao gồm thuế nội địa và thuế xuất nhập khẩu.

#### **7.1.9. Dịch vụ cho thuê kết sắt và cất giữ tài sản**

Dịch vụ này đã được VietinBank triển khai thí điểm tại Chi nhánh Tp. HCM và Chi nhánh Đà Nẵng từ đầu năm 2006. Đến cuối năm 2008 Vietinbank đã chính thức triển khai tại tất cả các Chi nhánh của VietinBank trên các tỉnh và thành phố lớn trong cả nước, dịch vụ đã góp phần tích cực trong việc đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng cũng như sự phát triển trong hoạt động kinh doanh dịch vụ của Vietinbank.

#### **7.1.10. Dịch vụ thu đổi Séc du lịch**

Được giới thiệu lần đầu vào năm 1994, dịch vụ Thu đổi séc du lịch được cung cấp tại các Phòng giao dịch, quầy giao dịch và quầy tiết kiệm. Hiện nay, 50% các chi nhánh đã cung cấp dịch vụ này tới khách hàng với doanh thu thu đổi hàng năm đạt từ 3 - 5 triệu USD. Dịch vụ Thu đổi séc du lịch bao gồm việc đổi séc du lịch Amex và các loại séc du lịch do các định chế có uy tín phát hành bằng USD và EUR. Điều này thể hiện nỗ lực của Ngân hàng trong việc tăng doanh thu từ phí dịch vụ. VietinBank cũng cung cấp dịch vụ thu séc của các tổ chức nước ngoài như là một cách giới thiệu các dịch vụ ngân hàng khác và nhằm nâng cao thương hiệu “Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam”.

#### **7.1.11. Hoạt động kinh doanh chứng khoán (Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam)**

Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (“VietinBankSc”) là đơn vị thành viên của VietinBank, được thành lập năm 2000 và là một trong bảy công ty chứng khoán đầu tiên trên thị trường, kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán. Với thế mạnh về

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



tiềm lực tài chính cùng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, cũng như những lợi thế mang lại từ VietinBank, VietinBankSc đã và đang được thị trường thừa nhận là tổ chức tài chính hàng đầu trong việc cung cấp các dịch vụ như: môi giới chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp...

Trải qua gần 13 năm hoạt động và phát triển, hoạt động kinh doanh của VietinBankSc đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao về quy mô cũng như hiệu quả. Tính đến 31/12/2012, tổng tài sản của VietinBankSc đạt 1.093 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 175,7 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 72,7 tỷ đồng, tăng 13,8% so với năm 2011.

Bước sang năm 2013, mặc dù kinh tế vĩ mô còn gặp nhiều khó khăn và bất ổn, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của VietinBankSc, tuy nhiên hoạt động kinh doanh của VietinBankSc vẫn được duy trì ổn định và hiệu quả. Đến hết 30/6/2013, doanh thu thuần của VietinBankSc đạt 80,1 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 34,1 tỷ đồng.

*Đơn vị tính: triệu đồng*

**Bảng 9: Kết quả hoạt động của Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam**

| Chỉ tiêu                          | 2011      | 2012      | Quý II/2013 |
|-----------------------------------|-----------|-----------|-------------|
| 1. Tổng tài sản                   | 1.484.854 | 1.093.410 | 1.184.529   |
| 2. Vốn chủ sở hữu                 | 871.907   | 890.502   | 915.354     |
| 3. Doanh thu thuần từ HĐKD        | 187.983   | 175.699   | 80.128      |
| 4. Chi phí HĐKD & Chi phí quản lý | 106.001   | 79.724    | 34.952      |
| 5. Lợi nhuận trước thuế           | 82.883    | 95.952    | 45.177      |
| 6. Lợi nhuận sau thuế (LNST)      | 63.893    | 72.740    | 34.118      |
| 7. LNST/Tổng tài sản (%)          | 4.30%     | 6.65%     | 2.90%       |
| 8. LNST/Vốn chủ sở hữu (%)        | 7.32%     | 8.16%     | 3.72%       |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2011 và 2012 và Báo cáo QII/2013 của Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam*

Với những thành tích đạt được trong hoạt động kinh doanh, có thể nói VietinBankSc là thành phần nòng cốt trong tầm nhìn chiến lược của VietinBank nhằm phát triển các hoạt động kinh doanh có thu phí, cụ thể là sự phát triển trong lĩnh vực chứng khoán và ngân hàng đầu tư.

## 7.1.12. Hoạt động cho thuê tài chính (Công ty TNHH một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam)

Công ty Cho thuê Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Công Thương Việt Nam (gọi tắt là VietinBank Leasing) là công ty con do Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam cấp 100% vốn điều lệ, tính đến 30/6/2013 là 800 tỷ đồng.

VietinBank Leasing là một trong những công ty cho thuê tài chính đầu tiên tại Việt Nam, hiện là công ty đứng đầu về quy mô Vốn điều lệ và hiệu quả hoạt động. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty tập trung vào hoạt động cho thuê tài chính, mua và cho thuê lại, huy động vốn và nhiều dịch vụ khác có liên quan đến lĩnh vực cho thuê tài chính.

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Bảng 10: Một số chỉ tiêu chủ yếu hoạt động cho thuê tài chính |           |           |           |             |
|---------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-------------|
| Chỉ tiêu                                                      | 2010      | 2011      | 2012      | Quý II/2013 |
| 1. Tổng tài sản                                               | 1.596.793 | 1.931.426 | 1.433.177 | 1.280.764   |
| 2. Vốn chủ sở hữu                                             | 564.042   | 887.313   | 898.907   | 936.067     |
| 3. Doanh thu                                                  | 180.095   | 290.677   | 242.663   | 91.080      |
| 4. Chi phí                                                    | 98.204    | 189.942   | 141.405   | 52.195      |
| 5. Lợi nhuận trước thuế                                       | 81.891    | 100.735   | 101.258   | 38.885      |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2010, 2011 và 2012 và Báo cáo Quý II/2013 của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam”*

## 7.1.13. Hoạt động mua bán nợ và khai thác tài sản (Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản VietinBank)

Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản VietinBank thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 09/2000 theo quyết định số 106/QĐ-HĐQT-NHCT1 ngày 10/07/2000 của Chủ tịch Hội đồng quản trị VietinBank, là công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào mảng quản lý các khoản nợ xấu và khai thác các tài sản xiết nợ, thế chấp do VietinBank chuyển sang. VietinBank đã đạt được kết quả đáng kể trong xử lý nợ tồn đọng, trong đó có phần đóng góp không nhỏ của Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản VietinBank.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Đơn vị tính: triệu đồng

**Bảng 11: Kết quả hoạt động Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản**

| Chỉ tiêu             | 2011   | 2012   | QII/2013 |
|----------------------|--------|--------|----------|
| Tổng tài sản         | 41.678 | 40.665 | 43.039   |
| Nguồn vốn chủ sở hữu | 30     | 30     | 30       |
| Thu nhập hoạt động   | 7.082  | 21.147 | 6.723    |
| Chi phí hoạt động    | 5.78   | 20.486 | 4.705    |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.302  | 661    | 2.018    |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011, 2012 và Báo cáo 30/06/2013 của Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

## 7.1.14. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm (Công ty TNHH Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Bảo Ngân)

Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam ra đời trên cơ sở chiến lược thành lập Tập đoàn tài chính mang thương hiệu VietinBank, tiền thân là Công ty TNHH Liên doanh Bảo hiểm Châu Á – Ngân hàng Công thương Việt Nam và trở thành Công ty 100% vốn VietinBank với tên gọi Bảo Ngân từ 17/12/2008.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào mảng dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ trực tiếp, tái bảo hiểm tất cả các loại hình nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

Đơn vị tính: triệu đồng

**Bảng 12: Kết quả hoạt động Công ty TNHH Bảo hiểm NHCT Việt Nam**

| Chỉ tiêu                                          | 2011    | 2012    | QII/2013 |
|---------------------------------------------------|---------|---------|----------|
| Tổng tài sản                                      | 699.693 | 753.255 | 726.622  |
| Nguồn vốn chủ sở hữu                              | 550.582 | 559.177 | 586.460  |
| Doanh thu từ thu phí bảo hiểm và phí tái bảo hiểm | 115.649 | 94.022  | 44.654   |
| Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm             | 71.617  | 45.944  | 28.018   |
| Lợi nhuận trước thuế                              | 60.033  | 63.028  | 29.162   |
| Lợi nhuận sau thuế                                | 45.424  | 46.977  | 27.283   |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011 và 2012 và Báo cáo Quy II/2013 của Công ty TNHH Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam

## 7.1.15. Hoạt động kinh doanh vàng bạc đá quý (Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý Ngân hàng Công thương Việt Nam)

Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý Ngân hàng Công thương Việt Nam được thành lập vào tháng 12/2010, số vốn điều lệ cấp đến 31/12/2010 là 50 tỷ đồng. Căn cứ vào nhu cầu vốn phục vụ cho việc triển khai hoạt động năm 2011, Công ty đã được cấp vốn điều lệ là 300 tỷ đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng bạc, đá quý.

Tính đến thời điểm 30/06/2013, tổng tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đạt 427 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 13,7 tỷ đồng.

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

**Bảng 13: Kết quả hoạt động Công ty TNHH Vàng Bạc Đá Quý NHCT Việt Nam**

| Chỉ tiêu                               | giai đoạn từ<br>25/11/2013 đến<br>31/12/2011 | 2012    | QII/2013  |
|----------------------------------------|----------------------------------------------|---------|-----------|
| Tổng tài sản                           | 344,665                                      | 334,706 | 426,659   |
| Nguồn vốn chủ sở hữu                   | 341,328                                      | 326,479 | 322,878   |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1,831,312                                    | 654,860 | 1,230,429 |
| Lợi nhuận trước thuế                   | 56,035                                       | 27,239  | 18,267    |
| Lợi nhuận sau thuế                     | 41,343                                       | 20,280  | 13,667    |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2011 và 2012 và Báo cáo Quý II/2013 của Công ty TNHH Vàng Bạc Đá Quý Ngân hàng Công thương Việt Nam*

## 7.1.16. Hoạt động quản lý tài sản (Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam)

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam được thành lập vào cuối năm 2010 với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng, đến thời điểm cuối Quý I/2011 tăng lên 500 tỷ đồng và đến Quý III/2012 tăng lên thành 950 tỷ đồng, do VietinBank cấp 100%. Công ty hoạt động trong lĩnh vực lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán. Ngay sau khi mới được thành lập, Công ty nhanh chóng kiện toàn tổ chức và triển khai hoạt động kinh doanh theo giấy phép.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Tính đến thời điểm 31/12/2011, tổng tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam đạt 917 tỷ đồng, tổng doanh thu hoạt động đạt 58,8 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận trước thuế đạt 56 tỷ đồng.

Tính đến thời điểm 31/12/2012, tổng tài sản của Công ty đạt 1.201 tỷ, tổng doanh thu hoạt động đạt 93 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận trước thuế đạt 63 tỷ đồng vượt 112,5% so với năm 2011.

Tính đến thời điểm 30/06/2013, tổng tài sản của Công ty là 1.036 tỷ đồng, doanh thu hoạt động đạt 69 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 33 tỷ đồng.

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| <b>Bảng 14: Kết quả hoạt động Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ NHCT Việt Nam</b> |             |             |                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-----------------|
| <b>Chỉ tiêu</b>                                                                         | <b>2011</b> | <b>2012</b> | <b>QII/2013</b> |
| Tổng tài sản                                                                            | 917.040     | 1.201.088   | 1.036.191       |
| Nguồn vốn chủ sở hữu                                                                    | 541.646     | 1.003.479   | 1.026.389       |
| Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ và doanh thu tài chính                                 | 58.865      | 93.140      | 69.093          |
| Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý                                         | 2.865       | 30.006      | 36.079          |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 56.000      | 63.134      | 33.014          |
| Lợi nhuận sau thuế                                                                      | 41.879      | 47.232      | 24.760          |

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2011 và 2012 và Báo cáo Quý II/2013 của Công ty Quản lý Quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam*

## **7.1.17. Công ty TNHH MTV Chuyển tiền toàn cầu - Ngân hàng Công Thương Việt Nam**

Công ty TNHH một thành viên Chuyển tiền toàn cầu Ngân hàng Công Thương Việt Nam là công ty con do Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam cấp 100% vốn điều lệ, tính đến 30/6/2013 là 50 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thực hiện các hoạt động trung gian tiền tệ khác như: chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam cho người nhận tiền là cá nhân; chuyển tiền cá nhân từ Việt Nam đi nước ngoài; chuyển tiền của cá nhân trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam; chuyển tiền của cá nhân ở các quốc gia khác nhau và trong phạm vi lãnh thổ quốc gia; dịch vụ thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ kiều hối khác theo quy định của pháp luật.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Đơn vị tính: triệu đồng

**Bảng 15: Kết quả hoạt động Công ty TNHH 1 thành viên Chuyển tiền Toàn Cầu**

| Chỉ tiêu                | 2012           | QII/ 2013      |
|-------------------------|----------------|----------------|
| 1. Tổng tài sản         | 80,911,107,385 | 87,014,400,682 |
| 2. Vốn chủ sở hữu       | 50,000,000,000 | 50,000,000,000 |
| 3. Doanh thu            | 32,216,073,003 | 18,576,361,702 |
| 4. Chi phí              | 15,242,599,031 | 11,456,214,791 |
| 5. Lợi nhuận trước thuế | 16,973,473,972 | 7,120,146,911  |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2012 và Báo cáo Quý II/2013 của Công ty TNHH MTV Chuyển tiền toàn cầu Ngân hàng Công Thương Việt Nam”

## 7.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

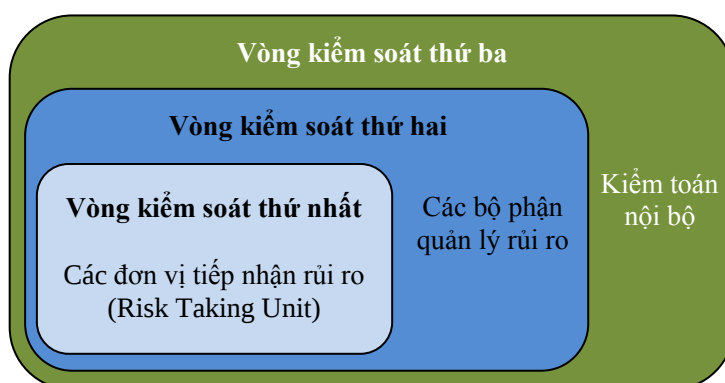
VietinBank thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO) để giám sát và quản lý toàn diện các loại rủi ro trong kinh doanh. Thành viên của ALCO bao gồm Chủ nhiệm ALCO (là một thành viên Hội đồng quản trị), Phó chủ nhiệm ALCO (là thành viên Ban điều hành phụ trách Treasury), trưởng các bộ phận quản lý rủi ro, trưởng các bộ phận khách hàng, trưởng các bộ phận kinh doanh và trưởng các bộ phận khác do Chủ nhiệm ALCO quyết định.

Nhằm góp phần triển khai thực hiện Đề án “Cấu trúc lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 – 2015”, đối với công tác quản lý rủi ro, VietinBank đã tiến hành tái cấu trúc toàn diện hoạt động quản lý rủi ro theo mô hình khối để củng cố và phát huy vai trò của 3 vòng kiểm soát độc lập theo thông lệ quốc tế. Cùng với đó, VietinBank đã xây dựng chiến lược quản trị rủi ro, trong đó Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét và thông qua các chiến lược và chính sách quản trị rủi ro của VietinBank, trong khi Ban Điều hành có trách nhiệm thực hiện và phát triển các chiến lược và chính sách đã được thông qua đó. Chức năng quản trị rủi ro của VietinBank hiện do Khối quản trị rủi ro (Risk Management Division) đảm nhiệm. Khối này được tách riêng khỏi các giao dịch trực tiếp và thực hiện báo cáo trực tiếp lên Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị. Việc thành lập một bộ máy quản trị rủi ro sẽ giúp ngân hàng đảm bảo rủi ro ở mức thấp nhất, góp phần tạo nên một mô hình hoạt động kinh doanh theo thông lệ quốc tế, hướng tới đáp ứng chuẩn mực theo yêu cầu Basel II.

Khối quản trị rủi ro bao gồm 07 phòng ban có trách nhiệm quản trị các loại rủi ro khác nhau, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, lãi suất và rủi ro hoạt động:

- Phòng Quản lý rủi ro tín dụng: có chức năng tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo trong công tác quản lý rủi ro tín dụng toàn hệ thống.

- Phòng Chế độ tín dụng, đầu tư: có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban lãnh đạo về công tác xây dựng chính sách, chiến lược quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các cơ chế, quy định, quy trình tín dụng, đầu tư của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước, pháp luật hiện hành, theo định hướng phù hợp với thông lệ quốc tế
- Phòng Quản lý rủi ro thị trường: có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban lãnh đạo về công tác quản lý rủi ro thị trường trên Sổ ngân hàng (Banking Book) và Sổ Kinh doanh (Trading Book).
- Phòng Quản lý rủi ro hoạt động: có chức năng tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo về công tác quản lý rủi ro hoạt động, phòng chống gian lận, phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.
- Phòng Quản lý nợ có vấn đề: tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo về công tác quản lý và xử lý nợ có vấn đề của Ngân hàng trong phạm vi và thẩm quyền theo quy định.
- Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ: tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo về công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật và hệ thống quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của VietinBank nhằm phát hiện, ngăn ngừa và kịp thời xử lý các tồn tại, sai phạm trong mọi hoạt động nghiệp vụ của các phòng/ban Trụ sở chính, đơn vị sự nghiệp, Sở giao dịch, chi nhánh và hoàn thiện hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ để đảm bảo Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- Phòng Pháp chế: tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo về các vấn đề pháp lý liên quan tới tổ chức, quản lý và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng

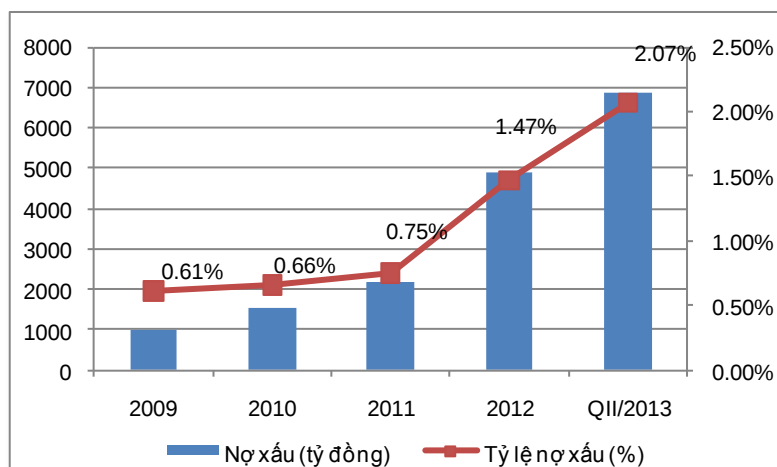


Khối quản lý rủi ro đóng vai trò là vòng kiểm soát thứ hai trong phương pháp tiếp cận QLRR theo mô hình ba vòng kiểm soát như sau:

## Quản trị rủi ro tín dụng

VietinBank đã ban hành Khung quản trị rủi ro tín dụng từ năm 2010 và ban hành văn bản thay thế trong năm 2013, trong đó nêu rõ những nguyên tắc, mục tiêu, quy trình và các chính sách quản lý rủi ro tín dụng cơ bản. Hàng năm, căn cứ vào chiến lược tín dụng tổng thể cũng như kết quả

hoạt động tín dụng trong quá khứ, dự báo kinh tế vĩ mô và nhu cầu vốn dự kiến, Hội đồng quản trị VietinBank ban hành định hướng hoạt động tín dụng trong năm thông qua các chỉ tiêu như mức tăng trưởng tín dụng toàn hàng, các giới hạn tín dụng theo sản phẩm, loại tiền, lĩnh vực/ngành hàng, thành phần kinh tế, khách hàng/nhóm khách hàng liên quan...



## Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro tín dụng

Tại VietinBank, các chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận liên quan đến quản lý rủi ro tín dụng được xác định rõ ràng, đảm bảo kiểm soát độc lập giữa các bộ phận bao gồm: i) Lớp bảo vệ thứ nhất: các đơn vị, cá nhân thuộc khối kinh doanh chịu trách nhiệm đề xuất cấp tín dụng đáp ứng tiêu chí cấp tín dụng và chịu trách nhiệm chính quản lý rủi ro tín dụng tại đơn vị của mình; ii) Lớp bảo vệ thứ hai: bộ phận quản lý rủi ro tín dụng và kiểm soát tuân thủ chịu trách nhiệm giám sát độc lập lớp bảo vệ thứ nhất và quản lý rủi ro tín dụng. Chức năng cơ bản của bộ phận quản lý rủi ro tín dụng bao gồm xây dựng chính sách tín dụng và quản lý rủi ro danh mục tín dụng; xây dựng các mô hình đo lường rủi ro tín dụng; iii) Lớp bảo vệ thứ ba: bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đánh giá độc lập về tính phù hợp và hiệu quả của các quy định, quy trình cấp tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng.

## Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng

Sau khi nhận và kiểm tra đơn đề nghị cấp tín dụng của khách hàng cùng với các hồ sơ tín dụng, chuyên viên quan hệ khách hàng tại các chi nhánh thẩm định khách hàng/khoản tín dụng: tư cách pháp lý của khách hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của khách hàng, tính khả thi và hiệu quả của phương án/dự án vay vốn, tình hình vay trả nợ của khách hàng, Tài sản đảm bảo ... và lập Tờ trình thẩm định tín dụng nêu rõ các đề xuất cấp tín dụng như phương thức cho vay, lãi suất, kỳ hạn... trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nhằm chuyên nghiệp hóa và tăng cường tính độc lập trong định giá tài sản đảm bảo, phần lớn tài sản bảo đảm được thuê định giá bởi công ty định giá độc lập – Công ty Quản lý nợ và

Khai thác tài sản VietinBank (VietinBank AMC. Trụ sở chính vẫn kiểm soát chặt chẽ việc nhận tài sản bảo đảm thông qua việc ban hành các chính sách về loại tài sản bảo đảm được chấp nhận, phương pháp định giá, tần suất định giá lại, tỷ lệ cấp tín dụng tối đa trên giá trị tài sản bảo đảm...

VietinBank thực hiện chủ trương tập trung hóa việc kiểm soát nội dung thẩm định tín dụng tại Trụ sở chính đối với các khoản tín dụng/giới hạn tín dụng có giá trị lớn. Do vậy, trường hợp khoản tín dụng/giới hạn tín dụng vượt mức ủy quyền phán quyết của chi nhánh, chi nhánh sẽ chuyển Tờ trình thẩm định tín dụng, hồ sơ và tài liệu liên quan tới Phòng đánh giá xếp hạng và phê duyệt giới hạn tín dụng tại Trụ sở chính và bộ phận kéo dài tại Thành phố Hồ Chí Minh để tái thẩm định và trình cấp có thẩm quyền tại Trụ sở chính phê duyệt thông qua.

Nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động, khoản tín dụng sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ được bộ phận kiểm soát và phê duyệt giải ngân thuộc Trụ sở chính (nếu là khoản tín dụng lớn) kiểm soát, bao gồm kiểm soát nội dung hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm, kiểm soát điều kiện giải ngân và phê duyệt hồ sơ trên hệ thống INCAS.

Hiện tại, VietinBank đã thiết lập quy trình nghiên cứu đánh giá khách hàng toàn diện và xây dựng các hướng dẫn “Hiểu biết về khách hàng” (KYC), “Chống rửa tiền” (AML) để ngăn ngừa việc người vay sử dụng ngân hàng như là công cụ để thực hiện các giao dịch bất hợp pháp.

## Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và dự án quản lý rủi ro

Nhằm lượng hóa rủi ro tín dụng, VietinBank sử dụng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ thiết lập riêng cho 3 nhóm khách hàng bao gồm khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và khách hàng định chế tài chính. Kết quả xếp hạng tín dụng là đầu vào quan trọng trong quyết định tín dụng, đồng thời cũng được sử dụng như một công cụ trong định giá tín dụng và các mục đích quản lý rủi ro khác.

VietinBank hiện đang triển khai dự án Quản lý rủi ro tín dụng giai đoạn II, theo đó, tiến tới quản lý rủi ro tín dụng theo Basel II và xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo phương pháp thống kê với tính chính xác cao hơn và ứng dụng nhiều hơn so với phương pháp quan điểm chuyên gia.

## Hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng (Early warning signal) và kiểm định sức ép (stress test)

VietinBank đã xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng ở cấp độ danh mục, nhằm phát hiện sớm các khả năng có thể gây rủi ro cho danh mục tín dụng toàn hàng. Ngoài ra, VietinBank cũng đã xây dựng các chỉ tiêu cảnh báo sớm đối với từng khoản vay riêng lẻ và

đang trong quá trình tích hợp các chỉ tiêu này vào hệ thống để tự động phát hiện rủi ro, từ đó có hành động phù hợp để ngăn ngừa rủi ro cho ngân hàng.

VietinBank đang xây dựng các kịch bản kiểm định sức ép (kịch bản chuẩn – standardized stress scenarios, kịch bản lịch sử - historical stress scenarios, và kịch bản giả định – hypothetical stress scenarios) để kiểm nghiệm sức khỏe của danh mục tín dụng cũng như những tác động có thể của những thay đổi môi trường kinh tế đến danh mục tín dụng.

## **Quản trị rủi ro hoạt động**

Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản lý rủi ro hoạt động, Phòng chống gian lận và rửa tiền; VietinBank đã triển khai các phương pháp luận và công cụ hỗ trợ thực hiện việc nhận diện, đo lường, giảm thiểu, giám sát và báo cáo quản lý rủi ro hoạt động, phòng chống gian lận và rửa tiền. Để đảm bảo công tác quản trị rủi ro hoạt động hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu về quản trị rủi ro và chuẩn hóa theo thông lệ Quốc tế, VietinBank thực hiện các nội dung chủ yếu như sau: (1) Thực hiện mô hình quản lý rủi ro hoạt động theo 3 vòng kiểm soát trong đó phòng quản lý rủi ro hoạt động đóng vai trò vòng kiểm soát thứ 2, chịu trách nhiệm xây dựng, triển khai và giám sát việc thực hiện công tác quản lý rủi ro hoạt động tại VietinBank; (2) Để cập nhật quy định theo chuẩn Basel, triển khai có hiệu quả các công cụ thực hiện nhận diện và đánh giá rủi ro hoạt động đi từ quá khứ đến tương lai bao gồm LDC (Thu thập dữ liệu tổn thất), RCSA (Tự đánh giá rủi ro hoạt động và biện pháp kiểm soát), KRI (Chỉ số rủi ro hoạt động chính), scenario analysis (phân tích tình huống) và sử dụng bản đồ rủi ro để đánh giá mức độ sự kiện rủi ro hoạt động, mức độ rủi ro hoạt động nội tại, đánh giá hiệu quả biện pháp kiểm soát để từ đó xác định mức độ rủi ro hoạt động còn lại; (3) Xây dựng các kế hoạch hành động nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động bao gồm chấp nhận rủi ro, chuyển/chia sẻ rủi ro, giảm thiểu rủi ro hay tránh rủi ro; (4) Xây dựng danh mục rủi ro hoạt động – một công cụ hữu hiệu đảm bảo giám sát RRHĐ liên tục và báo cáo thường xuyên từ đó xác định các rủi ro hoạt động trọng yếu để phân bổ nguồn lực xử lý rủi ro hiệu quả, đạt mục tiêu tăng trưởng an toàn, bền vững.

## **Quản trị rủi ro thị trường, thanh khoản và lãi suất**

Cùng với quá trình hội nhập quốc tế, bên cạnh các lĩnh vực quản lý rủi ro truyền thống trong hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, thanh khoản, lãi suất, các loại rủi ro mới như rủi ro thị trường được VietinBank ngày càng chú trọng. Tương tự quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động, rủi ro thị trường tại VietinBank được thực hiện theo nguyên tắc 03 vòng kiểm soát với Phòng Quản lý rủi ro thị trường đóng vai trò vòng kiểm soát thứ hai với các chức năng nhiệm vụ chính là xây dựng hệ thống quy định, quy trình, các chỉ số đo lường rủi ro và thiết lập hạn mức để kiểm soát rủi ro một cách độc lập; xây dựng các hệ thống phần mềm, công

cụ giám sát thực hiện chức năng làm chốt chặn vòng 2, hỗ trợ các đơn vị vòng 1 và Ban lãnh đạo nhận diện sớm và kiểm soát rủi ro một cách hiệu quả.

Hoạt động Quản trị rủi ro thị trường của VietinBank được tách biệt thành 02 mảng công việc chính là (i) Quản lý rủi ro thị trường trên sổ Ngân hàng (Banking) gồm các hoạt động chủ yếu là quản lý rủi ro thanh khoản, quản lý rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối cấu trúc và (ii) Quản lý rủi ro thị trường trên sổ Kinh doanh (trading), với các rủi ro đến từ việc biến động giá của các tài sản trên danh mục kinh doanh của ngân hàng. Cả hai mảng quản trị rủi ro này đều được VietinBank chú trọng, đặc biệt trước những biến động bất thường của nền kinh tế và thị trường tài chính trong và ngoài nước trong thời gian qua dẫn đến nhiều khoản lỗ rất lớn, thậm chí là sụp đổ của nhiều Định chế tài chính hàng đầu trên thế giới bắt nguồn từ các yếu tố rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác Quản lý rủi ro thị trường, VietinBank đã chủ động đầu tư nghiên cứu, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm từ các đơn vị tư vấn cũng như các đối tác là NHTM lớn, hiện đại trên thế giới tự phát triển và mua ngoài các hệ thống phần mềm quản lý rủi ro thị trường với các chức năng hiện đại đảm bảo đo lường chính xác và kiểm soát kịp thời mọi biến động rủi ro thị trường bất thường đối với hoạt động kinh doanh của VietinBank.

## **Quản trị rủi ro pháp lý**

Việc quản trị rủi ro pháp lý của VietinBank hiện được thực hiện chủ yếu thông qua công tác tư vấn, hỗ trợ pháp lý của Phòng Pháp chế tại Trụ sở chính và các đơn vị trong toàn hệ thống. Với chức năng chính là phòng nghiệp vụ tham mưu, giúp việc Ban lãnh đạo các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động kinh doanh của VietinBank, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của VietinBank, hiện hầu hết các vấn đề pháp lý, biện pháp phòng ngừa rủi ro pháp lý phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh cũng như trong quá trình tổ chức, quản lý của VietinBank nói chung và từng đơn vị, chi nhánh trong toàn hệ thống nói riêng đều được bộ phận Pháp chế trụ sở chính hoặc bộ phận quản lý rủi ro của đơn vị xem xét, kiểm soát tùy theo tính chất từng vụ việc. Đối với các hoạt động kinh doanh của VietinBank, hầu hết các sản phẩm mới triển khai của các đơn vị đều phải qua bộ phận Pháp chế tại trụ sở chính nhằm xem xét các khía cạnh pháp lý để đảm bảo sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành trước khi ban hành; đại diện bộ phận Pháp chế cũng tham gia vào hầu hết các hội đồng tín dụng, hội đồng đầu tư để tư vấn cho Hội đồng khi đưa ra các quyết định liên quan đến hoạt động của VietinBank. Đối với những trường hợp đặc biệt, tùy theo quy mô, tính chất giao dịch, ví dụ bảo lãnh phát hành trái phiếu, bảo lãnh phát hành ra nước ngoài, cấp tín dụng cho các dự án lớn, để đảm bảo an toàn tối đa về mặt pháp lý cho giao

dịch, VietinBank cho phép các đơn vị, Chi nhánh có thể lựa chọn đơn vị tư vấn luật có uy tín để tư vấn và chịu trách nhiệm về các vấn đề pháp lý của giao dịch.

Bên cạnh đó, để đảm bảo sự tuân thủ nội bộ của các Chi nhánh, đơn vị trong toàn hệ thống liên quan đến công tác quản trị rủi ro pháp lý, VietinBank cũng đã xây dựng và đang tiếp tục hoàn thiện một số quy định, quy trình nội bộ nhằm chuẩn hoá và hướng dẫn chi tiết cho các cá nhân, đơn vị trong toàn hệ thống việc tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình tác nghiệp. Một số hoạt động quan trọng và phát sinh thường xuyên trong quá trình hoạt động của đơn vị, chi nhánh như soạn thảo Hợp đồng, tham gia tố tụng, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, ... đều đã được chuẩn hoá và quy định chi tiết trong các quy trình, quy định nội bộ để hướng dẫn tới từng cá nhân trực tiếp tác nghiệp. Việc quản trị tuân thủ pháp lý tại các đơn vị, chi nhánh cũng được kiểm soát khá chặt chẽ, đặc biệt là đối với các vấn đề pháp lý phức tạp hoặc do sai phạm của nhân viên cần được báo cáo lên Phòng Pháp chế tại Trụ sở chính để giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền của VietinBank giải quyết.

## 7.3. Thị trường hoạt động

### Mạng lưới hoạt động

Tính đến 31/05/2013, mạng lưới hoạt động của VietinBank phân bố rộng trên 63 tỉnh, thành phố trong cả nước, bao gồm:

- 01 Hội sở chính;
- 01 Sở Giao dịch;
- 148 chi nhánh trong nước;
- 944 phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm;
- 03 Văn phòng đại diện;
- 07 Công ty con bao gồm: Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương Việt Nam, Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc), Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Công thương Việt Nam; Công ty TNHH Một thành viên Bảo hiểm Ngân hàng Công thương Việt Nam; Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng Công thương Việt Nam; Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý Ngân hàng Công thương Việt Nam; Công ty TNHH Một thành viên Chuyển tiền Toàn Cầu.
- 03 đơn vị sự nghiệp bao gồm: Trung tâm Thẻ, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực.

Không dừng lại ở thị trường trong nước, VietinBank không ngừng khai thác và phát triển hoạt động ở nước ngoài. Với lợi thế là một ngân hàng hàng đầu Việt Nam, có quan hệ đại lý với trên 1.000 ngân hàng tại hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, có 3 chi nhánh ở nước ngoài (1 tại Frankfurt, 1 tại Berlin, CHLB Đức và 1 tại Vientiane, CHDCND Lào), 1 văn phòng đại diện tại Yangon, CHLB Myanmar và là ngân hàng thương mại Việt Nam đầu tiên và duy nhất hiện nay có mặt tại Châu Âu, VietinBank có khả năng cung cấp đầy đủ các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, đáp ứng các nhu cầu đa dạng của mọi đối tượng khách hàng là tổ chức, đơn vị sản xuất kinh doanh thương mại và các sản phẩm dịch vụ dành cho cá nhân như: dịch vụ chuyển tiền trong nước và quốc tế an toàn, nhanh chóng; dịch vụ tài khoản và tiền gửi tiết kiệm; dịch vụ tài trợ thương mại và bảo lãnh; các sản phẩm cho vay đa dạng, lãi suất cạnh tranh; dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử nhiều tiện ích và thuận lợi. Ngoài ra, với ưu thế là Ngân hàng Việt Nam đầu tiên hoạt động tại Châu Âu, VietinBank có thể đưa ra những ý kiến tư vấn có lợi nhất cho các doanh nghiệp có ý định đầu tư về Việt Nam và mong muốn là cầu nối cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước có cơ hội gặp gỡ, trao đổi, giao lưu, hợp tác và phát triển kinh doanh.

Hiện tại, VietinBank đang tiếp tục nghiên cứu và hoàn tất các thủ tục để chuyển đổi các chi nhánh hiện có thành các ngân hàng con, mở Phòng giao dịch tại Pakse, CHDCND Lào, mở rộng mạng lưới sang các quốc gia khác như Cộng hòa Séc, Ba Lan, Anh, Pháp và các khu vực có tiềm năng phát triển quan hệ kinh tế thương mại với Việt Nam, nơi có đông đảo kiều bào sinh sống và làm việc, có công nghệ kinh doanh ngân hàng và quản trị rủi ro cao nhằm thúc đẩy giao lưu kinh tế, thương mại và đầu tư giữa Việt Nam với các quốc gia mục tiêu, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài – đáp ứng sự mong đợi của bà con xa xứ, tranh thủ học hỏi, nâng cao kinh nghiệm quản trị ngân hàng, năng lực thể chế từ chính các hoạt động thực tiễn tại các thị trường tiên tiến.

## **Mạng lưới khách hàng**

Khách hàng và đối tác của VietinBank gồm có:

- Các tổ chức tài chính ngân hàng: VietinBank có mối quan hệ chặt chẽ với hầu hết các tổ chức tài chính ngân hàng tại Việt Nam bao gồm các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước, Công ty tài chính, các công ty chứng khoán và các quỹ đầu tư
- Các tổ chức kinh tế: Với vai trò là 1 trong 4 ngân hàng thương mại nhà nước lớn nhất, VietinBank cung cấp dịch vụ cho phần lớn các tập đoàn và tổng công ty như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)..., Tổng Công ty Thép Việt Nam, Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Xi măng, Tổng Công ty Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn. Bên cạnh đó các khách hàng tổ chức của VietinBank còn

có các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các công ty cổ phần trong cả nước.

- Các cá nhân: hiện nay VietinBank đã triển khai rộng rãi các dịch vụ cho cá nhân như huy động tiền gửi có kỳ hạn, cho vay phát triển kinh tế gia đình, cho vay tiêu dùng, cho vay mua nhà trả góp ...

Thị trường hoạt động của VietinBank bao phủ khắp các ngành nghề trong đó có nông lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, công nghiệp khai mỏ, sản xuất và phân phối điện khí đốt, xây dựng, thương mại, xuất nhập khẩu, khách sạn nhà hàng....

## 7.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

**Bảng 9: Tổng hợp một số dự án đã cấp tín dụng và cho vay đồng tài trợ tính đến 31/12/2012**

|    | Tên dự án                                                                                                | Số tiền cam kết đã<br>thẩm định & ký kết<br>cấp tín dụng | Đơn vị<br>đồng tài trợ                                    |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1  | Dự án phát triển mỏ Đại Hùng - TCT<br>Thăm dò và KT Dầu khí                                              | 200 triệu USD                                            |                                                           |
| 2  | Dự án đầu tư cảng Gemalink - CTCP<br>Cảng Gemadept - Terminal Link                                       | 225,615 triệu USD                                        |                                                           |
| 3  | Nhà máy phân đạm Hà Bắc                                                                                  | 222 triệu USD (ĐTT),<br>NHCT cho vay 92<br>triệu USD     | Indovina, Cathay United<br>Bank, ACB                      |
| 4  | Dự án đầu tư tàu FPSO phục vụ mỏ Chim<br>Sáo                                                             | 68 triệu USD                                             | SeaBank, Indovina,<br>Shinhanvina, PVFC, Cathay<br>United |
| 5  | Cty CP gỗ MDF VRG Dongwha                                                                                | 55,4 triệu USD                                           |                                                           |
| 6  | Dự án xây dựng mạng 3G                                                                                   | 63,3 triệu USD                                           |                                                           |
| 7  | Dự án đầu tư mua (đóng mới) giàn khoan<br>tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD)                                | 40 triệu USD                                             | NH Quân đội                                               |
| 8  | Dự án Đầu tư mua tàu Petrolimex 10                                                                       | 33,1 triệu USD                                           |                                                           |
| 9  | Đầu tư nhà máy sản xuất tôn mạ kẽm, hợp<br>kim nhôm kẽm và tôn mạ màu tại KCN<br>Nhơn Trạch II, Đồng Nai | 835 triệu USD                                            |                                                           |
| 10 | Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy xi măng<br>Xuân Thành công suất 2.500 tấn<br>clinke/ngày.                  | 47,6 triệu USD                                           |                                                           |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|    |                                                                                                                                                     |               |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 11 | Dự án Nhà máy chế tạo ống thép CTCP Sản Xuất Ống Thép Dầu Khí Việt Nam                                                                              | 76 triệu USD  |
| 12 | Dự án Dây chuyền I nhà máy XM Hệ Dưỡng                                                                                                              | 60 triệu USD  |
| 13 | Xây dựng Trung tâm thương mại siêu thị Tafoco                                                                                                       | 400 tỷ đồng   |
| 14 | Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Công ty CP gang thép Thái Nguyên                                                                                 | 1.863 tỷ đồng |
| 15 | Dự án Nhà máy xi măng Bình Phước                                                                                                                    | 651 tỷ đồng   |
| 16 | Dự án KCN Phước Đông Bời Lời                                                                                                                        | 1.500 tỷ đồng |
| 17 | Dự án Cityland Gò Vấp                                                                                                                               | 900 tỷ đồng   |
| 18 | Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy sản xuất phân bón Diamon Phốt phát (DAP) số 2 công suất 330.000 tấn/năm tại KCN Tăng Loỏng – Tỉnh Lào Cai. | 1.215 tỷ đồng |
| 19 | Dự án nhà máy thủy điện Sông Tranh 2 (vay vốn bổ sung)                                                                                              | 575 tỷ đồng   |
| 20 | DA lớp Radial công suất 600.000 lớp/năm- CTCP Cao su Đà Nẵng                                                                                        | 1.849 tỷ đồng |
| 21 | DA ĐT TTTM và văn phòng cho thuê 168 Nguyễn Đình Chiểu                                                                                              | 600 tỷ đồng   |
| 22 | DA KDC Cát Lái                                                                                                                                      | 500 tỷ đồng   |
| 23 | Dự án Gang thép Lào Cai                                                                                                                             | 2.200 tỷ đồng |
| 24 | Dự án mở rộng Nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex                                                                                                   | 671 tỷ đồng   |
| 25 | Dự án Nhà máy cán thép 2 Kinh Môn-Hải Dương                                                                                                         | 600 tỷ đồng   |
| 26 | Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2                                                                                                         | 800 tỷ đồng   |
| 27 | Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2                                                                                                                      | 700 tỷ đồng   |

Sở Giao dịch II BIDV,  
BIDV CN Tây Ninh, BIDV  
CN Bình Phước,  
VietinBank CN TPHCM,  
VietinBank CN Bình  
Phước, Agribank CN HCM,  
Agribank CN Nhà Bè,  
Vietcombank CN Bình  
Dương

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|    |                                                                   |               |
|----|-------------------------------------------------------------------|---------------|
| 28 | Dự án đầu tư lưới điện nông thôn của TCT Điện lực Miền Bắc        | 930 tỷ đồng   |
| 29 | Dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện của CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh | 700 tỷ đồng   |
| 30 | Dự án xây dựng XD khu TTTM - Căn hộ chung cư Pavilion Square      | 1.400 tỷ đồng |
| 31 | Cao ốc văn phòng và khách sạn 5 sao tại 3 Tôn Đức Thắng           | 1.730 tỷ đồng |

Nguồn: VietinBank

## 8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2010 - 2012 và Quý II/2013

### 8.1. Kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2010 - 2012 và Quý II/2013

Đơn vị tính: triệu đồng

| Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2010-2012 và Quý II/2013 |             |             |             |             |
|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
|                                                                                | 2010        | 2011        | 2012        | Quý II/2013 |
| <b>Tài sản, nguồn vốn</b>                                                      |             |             |             |             |
| Tổng tài sản                                                                   | 367.730.655 | 460.420.078 | 503.530.202 | 522.601.489 |
| Tiền gửi&cho vay các TCTD khác                                                 | 50.970.157  | 65.295.229  | 57.890.220  | 62.471.502  |
| Cho vay & tạm ứng KH                                                           | 234.204.809 | 293.434.312 | 333.356.092 | 334.607.264 |
| Chứng khoán đầu tư                                                             | 61.854.524  | 67.720.966  | 73.576.582  | 77.618.516  |
| Tổng nợ phải trả                                                               | 349.328.196 | 431.720.686 | 469.689.886 | 474.394.348 |
| Tiền gửi & vay các TCTD khác                                                   | 35.096.726  | 74.407.913  | 96.814.801  | 80.742.178  |
| Tiền gửi của KH& các khoản phải trả KH                                         | 205.918.705 | 257.135.945 | 289.105.307 | 307.699.241 |
| Vốn chủ sở hữu                                                                 | 18.200.546  | 28.490.896  | 33.624.474  | 47.991.057  |
| <b>Kết quả kinh doanh</b>                                                      |             |             |             |             |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự                                    | 31.919.277  | 55.775.244  | 50.660.762  | 22.974.867  |
| Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự                                      | 19.830.153  | 35.727.190  | 32.240.738  | 13.644.217  |
| Thu nhập hoạt động                                                             | 14.858.696  | 22.374.181  | 21.961.527  | 10.676.659  |
| Chi phí hoạt động                                                              | (7.195.334) | (9.077.909) | (9.435.673) | (4.652.110) |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD                                                        | 7.663.362   | 13.296.272  | 12.525.854  | 6.024.549   |
| trước chi phí dự phòng RRTD                                                    |             |             |             |             |
| Dự phòng rủi ro                                                                | (3.025.080) | (4.904.251) | (4.357.954) | (1.828.933) |
| Lợi nhuận trước thuế                                                           | 4.638.282   | 8.392.021   | 8.167.900   | 4.195.616   |
| Thuế và các khoản phải nộp                                                     | 1,193,752   | 2,132,654   | 1,998,221   | 1,024,262   |
| Lợi nhuận sau thuế                                                             | 3.444.530   | 6.259.367   | 6.169.679   | 3.171.354   |

(Nguồn: VietinBank)

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Ghi chú: (\*) Các số liệu ghi trong khoản mục này là số liệu chưa trích lập dự phòng.

## Số liệu so sánh

**Thuyết minh 55- Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (trang 72)**

Báo cáo tài chính năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã phân loại lại một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

| Khoản mục                              | Ghi chú        | Theo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 | Thay đổi  | Theo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 |
|----------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------|
| Tiền, vàng gửi của khách hàng          | (i)            | 257.273.708                                                                | (137.763) | 257.135.945                                                                |
| Các khoản phải trả và công nợ khác     | (i)&(ii)&(iii) | 19.744.820                                                                 | (78.825)  | 19.665.995                                                                 |
| Dự phòng rủi ro khác                   | (ii)           | 435.811                                                                    | 32.741    | 468.552                                                                    |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác | (iii)          | 61.979.076                                                                 | (183.847) | 61.795.229                                                                 |

(i) Khoản phân loại phản ánh khoản tiền giữ hộ và chờ thanh toán đang ghi nhận vào khoản mục “Tiền, vàng gửi của khách hàng” trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 do NHNN ban hành, khoản này phải được phản ánh và khoản mục “Các khoản phải trả và công nợ khác”

(ii) Khoản phân loại lại phản ánh giá trị dự phòng bồi thường và dự phòng dao động lớn của Công ty TNHH MTV Bảo hiểm – Ngân hàng Công thương Việt Nam

(iii) Khoản phân loại lại theo báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ - Ngân hàng Công thương Việt Nam. Theo đó, đây là năm đầu tiên Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC. Số liệu của bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và một số thuyết minh liên quan được trình bày theo hướng dẫn mới.

**Thuyết minh 19 – Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30/6/2013 và cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013**

| Chỉ tiêu                                                        | 2012<br>Số đã báo cáo<br>Triệu đồng | Điều chỉnh<br>Triệu đồng | 2012<br>Số trình bày lại<br>Triệu đồng |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|
| Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần                                | 165.954                             | (57)                     | 165.897 <sup>(*)</sup>                 |
| Ảnh hưởng thuần đối với lợi nhuận thuần sau thuế của chủ sở hữu |                                     | (57)                     |                                        |

(\*) Trong kỳ Ngân hàng phân loại lại một số khoản đầu tư, góp vốn dài hạn sang chứng khoán đầu tư, và thực hiện trình bày lại số liệu đầu kỳ để đảm bảo tính so sánh của thông tin.

## 8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo

Giai đoạn năm 2010-2013 chịu ảnh hưởng nhiều từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và khủng hoảng nợ công Châu Âu, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc đạt tăng trưởng rất thấp. Hệ thống tài chính ngân hàng cũng bị đặt trước sự báo động với việc một loạt Ngân hàng hàng đầu trên thế giới bị các tổ chức xếp hạng hạ bậc tín nhiệm. Nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành ngân hàng nói riêng cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức.

Trong bối cảnh đó, VietinBank đã bám sát định hướng điều hành Chính phủ, NHNN, tăng cường quản trị hệ thống hướng tới chuẩn mực và thông lệ quốc tế, chủ động, linh hoạt ứng phó với diễn biến thị trường trong các mặt hoạt động kinh doanh. Đến hết quý II/2013 tổng tài sản của VietinBank đạt 522,6 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010-2012 đạt trên 28%, là ngân hàng có quy mô tài sản lớn thứ 2 trên thị trường Việt Nam. Nguồn vốn huy động tăng trưởng bình quân 2010-2012 đạt 29%, dư nợ cho vay khách hàng tăng bình quân 27%/năm. VietinBank là một trong số các NHTM đi đầu trong việc đẩy mạnh cho vay khu vực kinh tế nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, ứng dụng công nghệ cao và công nghiệp phụ trợ với lãi suất hợp lý nhằm thực hiện mục tiêu hỗ trợ vốn cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Chất lượng tài sản được duy trì ổn định, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức thấp hơn so với tỷ lệ trung bình toàn ngành. VietinBank luôn thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Lợi nhuận trước thuế và nộp ngân sách nhà nước luôn dẫn đầu toàn ngành.

### a. Nhân tố thuận lợi

#### ✓ *Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, cơ chế chính sách của NHNN và Chính phủ đã có định hướng và tạo điều kiện thuận lợi đối với HĐKD của các TCTD*

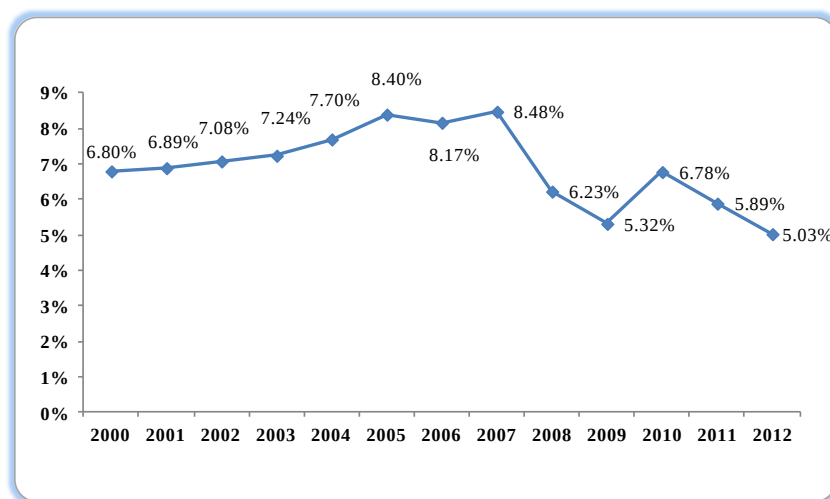
- Chính phủ và NHNN đã triển khai hàng loạt các giải pháp tích cực thể hiện bằng các Nghị quyết, Chỉ thị, thông tư... tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp khôi phục và mở rộng SXKD; tạo tiền đề cho NHTM tăng trưởng tín dụng, góp phần tăng trưởng kinh tế.
- Các cơ chế chính sách của NHNN đã dần phù hợp với thực tế; việc điều chỉnh giảm lãi suất trên thị trường nhằm tạo điều kiện để các Doanh nghiệp/cá nhân tiếp cận tới nguồn vốn ngân hàng và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng.
- NHNN đã ban hành chỉ thị 03/CT-NHNN về các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng trong những tháng cuối năm 2013. Trong đó yêu cầu các TCTD thực hiện các giải pháp mở rộng tín dụng có hiệu quả để đạt tốc độ tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống ở mức 12%, chú trọng cho vay đối với các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chủ trương của chính phủ; quyết liệt triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vốn vay, ưu tiên thu hồi nợ gốc trước thu lãi sau,... phần nào thúc đẩy tăng trưởng tín dụng trong 6 tháng cuối năm.
- Việc thành lập công ty quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) cũng là một yếu tố tích cực giúp xử lý và làm giảm gánh nặng nợ xấu tại các NHTM. VAMC sẽ đi vào hoạt động từ ngày 26/7/2013 để thúc đẩy quá trình cơ cấu các khoản nợ của hệ thống ngân hàng được nhanh hơn.

- Việc triển khai đồng bộ các giải pháp tín dụng theo chỉ đạo từ phía NHNN cùng sự nỗ lực của ngân hàng, tăng trưởng tín dụng 6 tháng cuối năm dự kiến sẽ đạt được kết quả khả quan hơn.
- **Thông tư 02/2013/TT-NHNN** được ban hành, quy định về Phân loại tài sản có, trích lập sử dụng dự phòng rủi ro đã chính thức gia hạn thời gian hiệu lực đến tháng 6 năm 2014 nhằm hỗ trợ các TCTD tăng trưởng tín dụng, giúp doanh nghiệp nhanh chóng khôi phục và mở rộng SXKD.
- ✓ **Về uy tín thương hiệu:** VietinBank là một ngân hàng thương mại lớn, giữ vị trí là NHTM trụ cột của nền kinh tế, luôn nâng cao năng lực tài chính, hoạt động an toàn, hiệu quả, đã khẳng định được uy tín và thương hiệu mạnh trên thị trường trong và ngoài nước.
- ✓ **Về mạng lưới hoạt động và đội ngũ cán bộ:** Mạng lưới bao phủ rộng khắp 63/63 tỉnh/thành trong cả nước với hơn 1.100 đơn vị, 07 Công ty con, 02 Công ty Liên doanh và 01 Công ty liên kết với đội ngũ hơn 19 nghìn cán bộ hầu hết là lực lượng trẻ, có năng lực, kinh nghiệm, trình độ, được đào tạo bài bản.
- ✓ **Chủ động hội nhập, mở rộng mạng lưới ra nước ngoài:** VietinBank là ngân hàng Việt Nam đầu tiên mở chi nhánh tại Châu Âu với 02 chi nhánh Frankfurt và Berlin tại Đức, 01 chi nhánh tại Lào và sẽ tiếp tục mở rộng chi nhánh tại Séc, Ba Lan trong Quý IV/2013.
- ✓ **Năng lực tài chính liên tục được nâng cao:** Sau khi BTMU góp vốn, VietinBank đã trở thành NHTM có vốn lớn nhất Việt Nam và cơ cấu cổ đông mạnh nhất, trong đó NHNN Việt Nam vẫn là cổ đông chiếm cổ phần chi phối, tiếp theo là hai cổ đông tổ chức nước ngoài: BTMU và IFC; Sự kiện một Ngân hàng hàng đầu Nhật Bản như BTMU và một Ngân hàng chủ đạo, chủ lực của Việt Nam có mối quan hệ hợp tác chiến lược sẽ là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp Nhật Bản tăng cường đầu tư vào Việt Nam, góp phần tăng cường sự gắn bó trong quan hệ hợp tác kinh tế-thương mại, đầu tư trực tiếp giữa Việt Nam và Nhật Bản, đồng thời khẳng định uy tín và thương hiệu của ngân hàng Việt Nam trên thị trường khu vực và thế giới. Thỏa thuận hợp tác với các cổ đông chiến lược nước ngoài lớn như BTMU và IFC góp phần mở ra nhiều cơ hội hợp tác đầu tư với các tổ chức toàn cầu cũng như nâng cao năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro, ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại, phát triển sản phẩm dịch vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của ngân hàng.
- ✓ **Về hiện đại hóa:** VietinBank đã và đang tiếp tục đầu tư mạnh vào hiện đại hóa, ứng dụng các phần mềm, công nghệ hiện đại trong quản trị ngân hàng, hướng tới mô hình ngân hàng hiện đại, hiệu quả theo chuẩn mực quốc tế.
- ✓ **Các quyết định đầu tư cho vay** luôn hướng đến chiến lược đầu tư thận trọng, an toàn và bền vững. Tận dụng được mối quan hệ lâu dài truyền thống với các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp Nhà nước lớn có quan hệ hợp tác với Ngân hàng từ trước đến nay.
- ✓ **Mô hình Tổ chức, cơ chế, qui trình nghiệp vụ** đã và đang dần hoàn thiện theo chuẩn mực quốc tế và phù hợp với thị trường Việt Nam.
- ✓ **Cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật** đã được đầu tư và không ngừng nâng cấp tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh theo hướng đa năng...

## b. Nhân tố khó khăn

**Diễn biến bất lợi của nền kinh tế Việt Nam và thế giới**

**Hình 27: Tăng trưởng GDP và tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2000-2012**



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Những diễn biến trái chiều của nền kinh tế Việt Nam và thế giới đã ảnh hưởng sâu sắc tới hoạt động kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trong đó có các ngân hàng. Cùng với sự biến động mạnh của thị trường tiền tệ là sự thay đổi lớn của cơ cấu nguồn vốn theo hướng kỳ hạn ngắn dần, luồng tiền vào ngân hàng bị tác động bởi nhiều yếu tố như lạm phát, suy giảm kinh tế, tỷ giá ngoại tệ, tâm lý... mang lại rủi ro thị trường cho các tổ chức tín dụng. Sự suy giảm liên tục của thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản trong nước, ảnh hưởng xấu của nền kinh tế thế giới tạo ra nhiều sức ép và khó khăn cho doanh nghiệp là khách hàng của ngân hàng.

### **Khó khăn do áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt**

Trên thị trường tài chính – ngân hàng hiện nay có 6 ngân hàng thương mại nhà nước, 34 ngân hàng thương mại cổ phần, 4 ngân hàng liên doanh, 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 50 chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, 49 văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, 12 công ty cho thuê tài chính và 18 công ty tài chính. (*nguồn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tính đến ngày 30/6/2013* <http://www.sbv.gov.vn/vn/home/htTCTD.jsp>.)

## **9. Vị thế của Ngân hàng so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành**

### **9.1. Vị thế của VietinBank trong ngành**

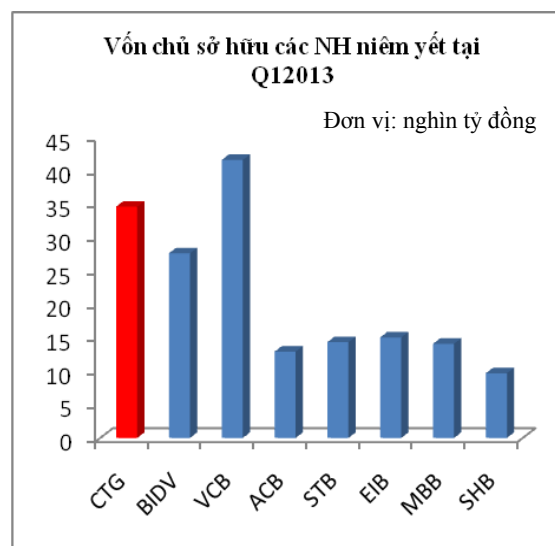
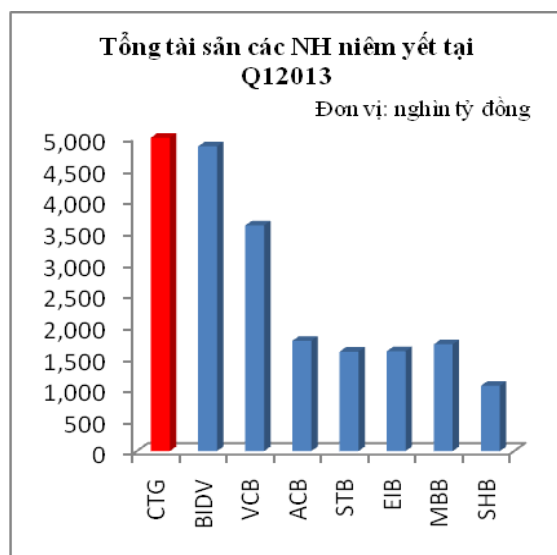
Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển, VietinBank đã khẳng định vững chắc vị thế của một trong các Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam, tạo dựng được niềm tin với khách hàng.

Trong năm 2012, VietinBank tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng an toàn, ổn định, hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, khẳng định vai trò là một trong những ngân hàng có tiềm lực tài chính lớn mạnh nhất hệ thống ngân hàng Việt Nam.

## Quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu

Tính đến hết quý 1/2013, tổng tài sản của Vietinbank đạt 500 nghìn tỷ đồng, đứng thứ hai sau Agribank, vốn điều lệ đạt hơn 26 nghìn tỷ đồng (sau Agribank), vốn chủ sở hữu đạt hơn 34,6 nghìn tỷ đồng (sau Agribank, Vietcombank). Sau khi hợp đồng bán 20% vốn cho Tokyo - Mitsubishi UFJ (BTMU) thành công, Vietinbank trở thành ngân hàng có vốn điều lệ lớn nhất hệ thống. Tính đến hết quý 2/2013, vốn điều lệ của Vietinbank đạt hơn 32,6 nghìn tỷ đồng.

**Hình 28: Tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của VietinBank so với các NH niêm yết**

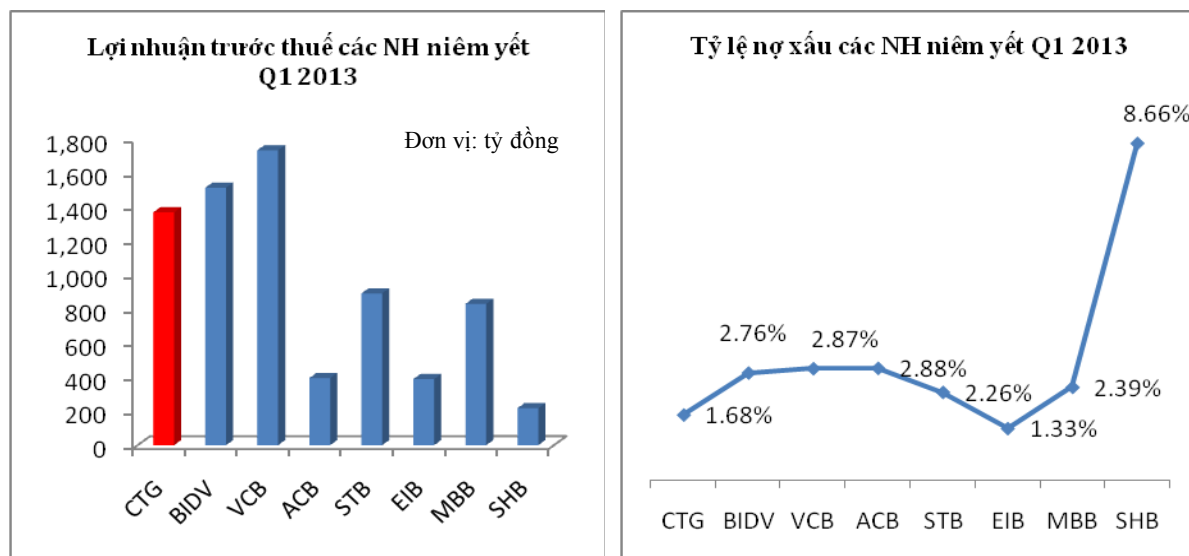


*Nguồn: Báo cáo tài chính các ngân hàng Quý 1 2013*

Kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank luôn nằm trong nhóm các ngân hàng có lợi nhuận cao nhất hệ thống. Lợi nhuận trước thuế cuối năm 2012 đạt khoảng 8.168 tỷ đồng, dẫn đầu trong số các ngân hàng niêm yết. Đến hết quý 1/2013, lợi nhuận trước thuế đạt 1.370 tỷ đồng. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu luôn được đảm bảo và có xu hướng tăng. Hiệu quả hoạt động của ngân hàng ngày càng cao. Chỉ tiêu ROE đạt 17,35%, ROA đạt 1,24%. Mặc dù

các chỉ tiêu sinh lời có giảm nhẹ so với các năm trước nhưng vẫn cao hơn các ngân hàng khác, khẳng định vị thế là ngân hàng hàng đầu Việt Nam. Tỷ lệ nợ xấu đạt 1,68% tổng dư nợ, thuộc loại thấp nhất trong nhóm ngành chỉ sau Eximbank.

**Hình 29: Lợi nhuận trước thuế và tỷ lệ nợ xấu của VietinBank so với các NH niêm yết**



## 9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Suy thoái kinh tế và sụt giảm nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam dẫn đến nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp không cao. Tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2011 giảm so với năm 2010 đồng nghĩa với việc các ngân hàng phải giảm bớt lợi nhuận từ hoạt động truyền thống vốn chiếm tới 60-70% thu nhập của toàn hệ thống. Bên cạnh đó, nguy cơ về nợ xấu của các ngân hàng vẫn còn tiềm ẩn.

Bước sang năm 2012, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, Việt Nam vẫn đạt được một số thành tựu nhất định về ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát và duy trì tăng trưởng. Tăng trưởng GDP năm 2012 đạt 5%, lạm phát giảm nhanh và được kiềm chế ở mức 1 con số, cán cân thanh toán thặng dư, tỷ giá hối đoái ổn định, lòng tin vào đồng Việt Nam được cải thiện, các vấn đề an sinh xã hội được quan tâm giải quyết tốt. Tuy nhiên Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức về quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng đã duy trì trong nhiều năm nay cũng như đang đối diện với những mất cân đối lớn của nền kinh tế.

Năm 2013 được đánh giá sẽ tiếp tục là năm khó khăn và nhiều thách thức đối với ngành ngân hàng. Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế như hiện nay, mục tiêu điều hành kinh tế năm 2013 đã được Quốc hội thông qua là tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát thấp hơn, tăng trưởng cao hơn năm 2012; đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược gắn với tái cơ

cầu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Theo đó, những định hướng cơ bản trong điều hành chính sách tiền tệ năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước là: Điều hành chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, linh hoạt; triển khai quyết liệt các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu; tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp về tái cơ cấu hệ thống ngân hàng. Định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 14 – 16%, tín dụng tăng trưởng 12%..

Với những định hướng điều hành của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, kết quả hoạt động kinh doanh toàn ngành ngân hàng 5 tháng đầu năm 2013 vẫn còn nhiều hạn chế: Tín dụng tăng trưởng ở mức còn thấp (tăng trưởng tín dụng 5 tháng đầu năm toàn hệ thống ước đạt 2,8% trong mục tiêu cả năm là 12%). Tăng trưởng tín dụng thấp có nguyên nhân khách quan từ thực trạng sức cầu nền kinh tế chưa thực sự phục hồi, cụ thể tăng trưởng GDP đạt thấp. Bên cạnh đó vấn đề chất lượng tín dụng cũng chưa được cải thiện, thậm chí đang trở thành nguy cơ cản trở tăng trưởng tín dụng, hạn chế khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp.

Mặc dù vậy, ngành Ngân hàng vẫn là ngành tiềm năng trong tương lai. Việt Nam đang được đánh giá là nước có viễn cảnh chính trị ổn định, viễn cảnh kinh tế bền vững. Thu nhập bình quân của người Việt Nam cũng cao hơn trước đây dẫn đến gia tăng nhu cầu có các sản phẩm tiết kiệm, sản phẩm thẻ và các dịch vụ tài chính cá nhân. Đây là một thị trường mở cho các ngân hàng vốn hiện tại vẫn chưa được đáp ứng nhu cầu một cách đầy đủ.

Theo thống kê, Việt Nam có hơn 54 triệu thẻ thanh toán, hơn 14.000 máy rút tiền tự động (ATM) và 104.000 điểm chấp nhận thanh toán bằng thẻ (POS). Công ty nghiên cứu thị trường Mỹ Research & Markets cũng đưa ra đánh giá, thị trường thẻ Việt Nam là một thị trường năng động hàng đầu thế giới với mức tăng trưởng khoảng 18,5% từ nay đến năm 2014.

Theo đánh giá của Vietinbank, triển vọng nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới có nhiều lạc quan mặc dù khó có sự hồi phục nhanh chóng của kinh tế Việt Nam. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhưng do Việt Nam có thị trường tiêu thụ nội địa rộng lớn và các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô đã dần phát huy tác dụng, nền kinh tế Việt Nam vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng khá so với các nước khác trên thế giới. Như vậy, triển vọng phát triển ngành ngân hàng trong thời gian tới là rất lớn. Đó không chỉ là cơ hội cho ngành ngân hàng mà còn là đòi hỏi cấp bách nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế của Việt Nam.

### 9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Ngân hàng với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Là Ngân hàng trong đó Nhà nước nắm phần vốn chi phối, VietinBank là một trong những doanh nghiệp hỗ trợ cho Ngân hàng Nhà nước để thực hiện các mục tiêu, chính sách tiền tệ đề ra, giúp kiểm soát và điều tiết thị trường tài chính.

Mục tiêu chiến lược của Ngân hàng Công thương Việt Nam là tập trung đổi mới, tái cấu trúc toàn diện ngân hàng theo hướng hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh; phấn đấu trở thành tập đoàn tài chính ngân hàng hiện đại, hiệu quả trong khu vực; giữ vai trò chủ lực, chủ đạo trong sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước.

Sự phát triển của ngành ngân hàng đã có vai trò tác động tích cực trở lại tạo động lực cho sự phát triển kinh tế. Vốn ngân hàng đã và sẽ tiếp tục đóng vai trò tích cực trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp, các dự án lớn của đất nước, góp phần định hướng sự phát triển kinh tế của nhiều địa phương trong cả nước.

Trong thời gian tới, VietinBank sẽ hợp tác cùng với đối tác chiến lược nước ngoài để nâng cao chất lượng và sản phẩm dịch vụ ngân hàng đạt tầm quốc tế. Định hướng phát triển của VietinBank là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành ngân hàng, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

## 10. Chính sách đối với người lao động

### Số lượng lao động và cơ cấu lao động

Tính đến thời điểm 31/05/2013, tổng số lao động của VietinBank là 19.671 người, được phân loại như sau:

**Bảng 18: Phân loại lao động tại thời điểm 31/12/2012 và đến 31/05/2013**

| STT      | Chỉ tiêu                                                | 31/12/2012    |             | 31/05/2013    |             |
|----------|---------------------------------------------------------|---------------|-------------|---------------|-------------|
|          |                                                         | Số lượng      | Tỷ lệ       | Số lượng      | Tỷ lệ       |
| <b>1</b> | <b><i>Phân theo trình độ:</i></b>                       | <b>19.840</b> | <b>100%</b> | <b>19.671</b> | <b>100%</b> |
| +        | Đại học và trên Đại học                                 | 15.939        | 80,34%      | 15.859        | 80,62%      |
| +        | Cao đẳng và cao cấp                                     | 537           | 2,71%       | 507           | 2,58%       |
| +        | Trung cấp và sơ cấp                                     | 629           | 3,17%       | 602           | 3,06%       |
| +        | Khác (bao gồm cả lao động phục vụ và hợp đồng ngắn hạn) | 2.735         | 13,79%      | 2.703         | 13,74%      |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|          |                                                            |               |             |               |             |
|----------|------------------------------------------------------------|---------------|-------------|---------------|-------------|
| <b>2</b> | <b><i>Phân theo thời hạn lao động:</i></b>                 | <b>19.840</b> | <b>100%</b> | <b>19.671</b> | <b>100%</b> |
| +        | Lao động không phải ký hợp đồng                            | 52            | 0,26%       | 52            | 0,26%       |
| +        | Lao động không xác định thời hạn                           | 13.214        | 66,60%      | 14.014        | 71,24%      |
| +        | Lao động có thời hạn từ 1 – 3 năm                          | 4.747         | 23,93%      | 3.750         | 19,06%      |
| +        | Lao động có thời hạn dưới 1 năm                            | 1.827         | 9,21%       | 1.855         | 9,43%       |
| <b>3</b> | <b><i>Phân loại theo đơn vị kinh doanh</i></b>             | <b>19.840</b> | <b>100%</b> | <b>19.671</b> | <b>100%</b> |
| +        | Tại Hội sở chính                                           | 1.927         | 9,71%       | 1.935         | 9,84%       |
| +        | Tại chi nhánh, Công ty trực thuộc và đơn vị sự nghiệp khác | 17.913        | 90,29%      | 17.736        | 90,16%      |

*Nguồn: VietinBank*

VietinBank luôn coi việc phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, mang tính quyết định đối với sự phát triển bền vững của hệ thống VietinBank. Thực hiện chủ trương trên, VietinBank đã không ngừng tăng cường và cải thiện cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng những yêu cầu về nhân sự trong quá trình hoạt động và phát triển.

Hàng năm, VietinBank thực hiện công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ, đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu để các đơn vị tự chủ trong hoạt động kinh doanh, tiếp cận phục vụ khách hàng, phát triển sản phẩm, dịch vụ; thường xuyên tổ chức các đợt học tập, thực tập, khảo sát, hội thảo trong và ngoài nước về các lĩnh vực then chốt như quản trị rủi ro, giải pháp công nghệ cho ngân hàng, tài trợ thương mại, thẩm định, dịch vụ ngân hàng bán buôn và bán lẻ, v.v. Đặc biệt, VietinBank chú trọng nâng cao trình độ lý luận, phẩm chất và năng lực cán bộ cho sự nghiệp phát triển của Ngân hàng, quan tâm tới chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, ưu đãi tiền lương cán bộ, thu hút tuyển dụng nhân tài, đánh giá sử dụng cán bộ đúng người đúng việc để phát huy hiệu quả công tác quản trị điều hành.

## **Các chính sách với người lao động**

### *Chế độ làm việc*

Người lao động trong hệ thống VietinBank thực hiện làm việc theo HĐLĐ đã ký kết (trừ các chức danh không thuộc đối tượng ký kết HĐLĐ gồm: Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng). Thời giờ làm việc của người lao động không quá 08 giờ/ngày hoặc 48 giờ/tuần

theo Quy chế nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể của VietinBank và Công đoàn VietinBank.

## *Chính sách tuyển dụng, đào tạo*

Ngân hàng đã ban hành Quy chế tuyển dụng lao động, theo đó Ngân hàng thực hiện việc tuyển dụng lao động có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu kinh doanh và tiêu chuẩn chức danh. Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Ngân hàng, VietinBank đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. VietinBank thường xuyên tổ chức đào tạo nội bộ, đồng thời khuyến khích nhân viên nâng cao trình độ thông qua việc tham gia các khoá học bên ngoài do Ngân hàng đài thọ. Ngân hàng đã ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho toàn hệ thống.

## *Chính sách lương, thưởng, phúc lợi*

Để thu hút lao động có chất lượng cao trong điều kiện VietinBank đã thực hiện cổ phần hóa và vươn ra thị trường quốc tế, VietinBank đã xây dựng cấu trúc lương và hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả theo thông lệ quốc tế. Hệ thống tiền lương được xây dựng dựa trên nguyên tắc quản trị nhân sự toàn diện và hiệu quả, hướng đến sự phát triển bền vững theo nguyên tắc 3Ps (pay for Position- trả lương theo vị trí công việc, pay for People – trả lương theo năng lực cá nhân, pay for Performance – trả lương theo kết quả thực hiện công việc).

Tiền lương của người lao động sẽ được chi trả theo vị trí công việc, mức độ đóng góp cho Ngân hàng mà không bị ảnh hưởng bởi mức lương cơ bản của Nhà nước như trước đây. Cơ cấu thu nhập của người lao động được chi trả bao gồm:

- **Lương cứng:** Được chi trả đến người lao động theo vị trí công việc đảm nhiệm gắn với việc hoàn thành các chỉ tiêu KPIs (Key performance indicator) trong kỳ đánh giá trả lương. Hệ thống các mức tiền lương cứng được xác định trên cơ sở hệ thống cấp bậc công việc được đánh giá, phân loại theo giá trị đóng góp của từng vị trí công việc vào việc thực hiện mục tiêu hoạt động kinh doanh của Vietinbank và số liệu khảo sát về mức tiền lương được trả cho các vị trí công việc tương đương trên thị trường lao động ở mức cạnh tranh cao.
- **Lương mềm:** Được chi trả đến người lao động gắn với kết quả thực hiện công việc (kết quả thực hiện các chỉ tiêu KPIs) vượt kế hoạch đề ra, là đòn bẩy nhằm khuyến khích và tạo động lực cho người lao động phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được giao.
- **Cơ chế lương mới của VietinBank** đánh dấu sự thay đổi lớn có tính chất bước ngoặt trong hệ thống các cơ chế động lực của VietinBank. Việc xây dựng cơ chế tiền lương mới được thực hiện theo các phương pháp khoa học, đúng trình tự, tuân thủ quy định của

Nhà nước về việc xây dựng cơ chế tiền lương trong doanh nghiệp, đảm bảo công khai, minh bạch và có sự thống nhất cao giữa chính quyền, Đảng ủy, Công đoàn và toàn thể người lao động. Với mức lương cạnh tranh ở từng vị trí công việc, chắc chắn sẽ khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động, hiệu quả làm việc, đưa Vietinbank ngày càng phát triển và hội nhập vào thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế.

- Song song với việc xây dựng và ban hành cơ chế tiền lương mới, VietinBank thực hiện cải cách chính sách đóng bảo hiểm đối với người lao động. Việc thực hiện đóng bảo hiểm theo hệ thống thang lương do VietinBank xây dựng sẽ làm tăng phúc lợi cho người lao động, đặc biệt những vị trí có đóng góp lớn cho VietinBank thông qua mức lương đóng bảo hiểm, đảm bảo quyền lợi về bảo hiểm cho người lao động, giúp người lao động yên tâm công tác.
- Mức lương bình quân VietinBank chi trả đối với người lao động: năm 2006 là 5,50 triệu đồng/người/tháng, năm 2007 là 7,16 triệu đồng/người/tháng, năm 2008 là 13,5 triệu đồng/người/tháng, năm 2009 là 15,68 triệu đồng/người/tháng, năm 2010 là 17,86 triệu đồng/người/tháng, năm 2011 là 20,78 triệu đồng/người/tháng và năm 2012 là 19,69 triệu đồng/người/tháng.

## 11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. VietinBank chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ VietinBank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VietinBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).
- Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của VietinBank do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của VietinBank hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

- Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của VietinBank.
- Trừ trường hợp cổ phiếu có các quyền đi kèm hoặc các điều khoản phát sinh cổ phiếu có quy định khác, mức cổ tức của những cổ phiếu chưa được thanh toán hết được trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó tính đến thời điểm chi trả cổ tức. VietinBank không chi trả cổ tức bổ sung khi các cổ phiếu đó được thanh toán hết.
- VietinBank không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn trả cổ tức.

## 12. Tình hình hoạt động tài chính

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của VietinBank**

| Chỉ tiêu                                                                                                      | Năm 2010   | Năm 2011   | Năm 2012   | Quý II/2013 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------|-------------|
| <b>1. Vốn tự có</b>                                                                                           |            |            |            |             |
| Vốn điều lệ (triệu đồng)                                                                                      | 15.172.291 | 20.229.722 | 26.217.545 | 32.661.443  |
| Tỷ lệ an toàn Vốn Car                                                                                         | 8,02%      | 10,57%     | 10,33%     | 13,84%      |
| <b>2. Chất lượng tài sản</b>                                                                                  |            |            |            |             |
| Tỷ lệ nợ xấu (%)                                                                                              | 0,66%      | 0,75%      | 1,46%(*)   | 2,1%(*)     |
| (Số dư cho vay và ứng trước khách hàng<br>+ Các khoản cho vay các tổ chức tín dụng<br>khác)/ Tổng tài sản (%) | 64,86%     | 64,49%     | 73,44%     | 72,36%      |
| Tài sản có sinh lời/ Tổng tài sản có nội<br>bảng                                                              | 95,80%     | 95,37%     | 94,79%     | 94,92%      |
| <b>3. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>                                                                        |            |            |            |             |
| Lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu<br>bình quân                                                             | 30,15%     | 35,95%     | 26,30%     |             |
| Thu nhập dịch vụ/ Tổng thu nhập                                                                               | 12,16%     | 8,60%      | 8,45%      | 9,00%       |
| Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/ Lợi<br>nhuận trước thuế                                                   | 31,78%     | 13,73%     | 15,65%     | 16,00%      |
| <b>4. Khả năng thanh khoản</b>                                                                                |            |            |            |             |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|                                                                    |        |        |        |        |
|--------------------------------------------------------------------|--------|--------|--------|--------|
| Khả năng thanh toán ngay (%)                                       | 15,28% | 15,94% | 15,76% | 15,62% |
| Tỷ lệ nguồn vốn vay ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn | 28,80% | 27,15% | 27,90% | 22,64% |

**Ghi chú:** (\*) Tỷ lệ nợ xấu tính trên Dư nợ cho vay khách hàng. Nếu tính trên Dư nợ tín dụng theo tiêu chí của NHNN tại Công văn 674 thì năm 2012 tỷ lệ này là 1,35% và Quý II/2013 là 1,92%.

(Nguồn: VietinBank)

$$(*) \text{ Khả năng thanh toán ngay} = \frac{\text{Tài sản Có có thể thanh toán ngay}}{\text{Tài sản Nợ phải thanh toán ngay}}$$

$$(**) \text{ Khả năng thanh toán chung} = \frac{\text{Tổng dư nợ cho vay trung, dài hạn}}{\text{Nguồn vốn dùng để cho vay trung, dài hạn}}$$

## 13. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát, kế toán trưởng

### Hội đồng quản trị

**Họ và tên: PHẠM HUY HÙNG** – Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/11/1954

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 011539613 cấp ngày: 19/01/2005 do Công an TP. Hà Nội

Quê quán: Ngõ Ngán, Từ Liêm, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 06/154 phố Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc:

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế (1995 – 1997 Đại học Tài chính Kế toán)

Quá trình công tác:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



| Thời gian           | Quá trình công tác                                                                                      |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1973 đến 1978       | Sinh viên Đại học Tài chính Kế toán khoa Ngân hàng                                                      |
| 02/1978 đến 09/1980 | Cán bộ Vụ thương nghiệp Vật tư Bộ Tài chính                                                             |
| 10/1980 đến 06/1988 | Cán bộ Vụ Tín dụng Thương nghiệp NHNN Việt Nam                                                          |
| 07/1988 đến 02/1990 | Phó văn phòng Ngân hàng Công thương Việt Nam                                                            |
| 02/1990 đến 03/1992 | Phó Trưởng phòng tín dụng NHCT Việt Nam                                                                 |
| 04/1992 đến 04/1993 | Trưởng phòng Tiền tệ Ngân hàng Công thương Việt Nam                                                     |
| 05/1993 đến 04/1994 | Phó Giám đốc Chi nhánh NHCT Ba Đình                                                                     |
| 05/1994 đến 10/1996 | Giám đốc Chi nhánh NHCT Ba Đình                                                                         |
| 11/1996 đến 04/2002 | Phó Tổng giám đốc NHCT Việt Nam                                                                         |
| 04/2002 đến 07/2002 | Quyền Tổng giám đốc NHCT Việt Nam                                                                       |
| 07/2002 đến 10/2007 | UVHĐQT kiêm Tổng giám đốc NHCT Việt Nam                                                                 |
| 11/2007 đến 5/2009  | Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng Công thương VN<br>Bí thư Đảng ủy Ngân hàng Công thương Việt Nam               |
| Từ 6/2009 - Nay     | Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam<br>Bí thư Đảng ủy Ngân hàng Công thương TMCP Việt Nam |

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng liên doanh Indovina

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **842.183.465** cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 6.287 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000192% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 842.177.178 cổ phần, chiếm tỷ lệ 25,785057% vốn điều lệ

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 9.653 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000295% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| ST<br>T | Họ và tên             | Năm<br>sinh | Quan<br>hệ  | Địa chỉ                                           | Số CMND   | Ngày cấp   | Nơi cấp      | Số<br>lượng<br>cổ<br>phần<br>nắm<br>giữ |
|---------|-----------------------|-------------|-------------|---------------------------------------------------|-----------|------------|--------------|-----------------------------------------|
| 1       | Phạm<br>Huy Hàm       | 1915        | Bố đẻ       | Đã mất                                            |           |            |              |                                         |
| 2       | Nguyễn<br>Thị Thọ     | 1914        | Mẹ đẻ       | Đã mất                                            |           |            |              |                                         |
| 3       | Phạm Thị<br>Hoà Minh  | 1959        | Vợ          | 6/154<br>Phường<br>Liệt, Thanh<br>Xuân, Hà<br>Nội | 011018135 | 5/26/2004  | Hà Nội       | 9.644                                   |
| 4       | Phạm<br>Minh<br>Khanh | 1982        | Con<br>gái  | 6/154<br>Phường<br>Liệt, Thanh<br>Xuân, Hà<br>Nội | 012303564 | 12/11/2002 | Hà Nội       | 0                                       |
| 5       | Phạm Vân<br>Anh       | 1989        | Con<br>gái  | 6/154<br>Phường<br>Liệt, Thanh<br>Xuân, Hà<br>Nội | 012594003 | 3/24/2003  | Hà Nội       | 0                                       |
| 6       | Phạm<br>Huy Hoàn      | 1942        | Anh<br>ruột | 50 Lý<br>Thường<br>Kiệt, Hoàn<br>Kiếm, Hà<br>Nội  | 010129971 | 3/30/1998  | Hà Nội       | 0                                       |
| 7       | Phạm Thị<br>Quý       | 1944        | Chị<br>ruột | 50 Lý<br>Thường<br>Kiệt, Hoàn<br>Kiếm, Hà<br>Nội  | B0230557  | 2/23/2006  | Cục<br>QLXNC | 0                                       |
| 8       | Phạm Thị<br>Thanh     | 1946        | Chị<br>ruột | Số 2<br>Nguyễn<br>Khuyến, Hà<br>Nội               | 010227353 | 04/03/1998 | Hà Nội       | 9                                       |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|    |                |      |          |                                      |           |           |           |   |
|----|----------------|------|----------|--------------------------------------|-----------|-----------|-----------|---|
| 9  | Phạm Thị Hiền  | 1948 | Chị ruột | 50 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội | B1195199  | 5/25/2007 | Cục QLXNC | 0 |
| 10 | Phạm Thị Hậu   | 1953 | Chị ruột | 50 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 011046449 | 8/29/2006 | Hà Nội    | 0 |
| 11 | Phạm Huy Oánh  | 1939 | Anh ruột | Đã mất                               |           |           |           |   |
| 12 | Phạm Huy Ngoạn | 1951 | Anh ruột | Đã mất                               |           |           |           |   |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

**Họ và tên: NGUYỄN VĂN THẮNG - Ủy viên HĐQT kiểm Tổng giám đốc**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/09/1973

Nơi sinh: Phú Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 011836037 cấp ngày: 12/08/2008 do Công an TP. Hà Nội

Quê quán: Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Phú Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0913001909

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



| Thời gian         | Quá trình công tác                                                    |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 12/1996 - 12/2000 | Cán bộ Kinh doanh đối ngoại NHCT VN - Chi nhánh Ba Đình               |
| 01/2001 - 05/2003 | Thư ký Tổng giám đốc NHCT VN                                          |
| 06/2003 - 02/2006 | Phó Chánh văn phòng kiêm thư ký Tổng giám đốc NHCT VN                 |
| 03/2006 - 08/2008 | Phó trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn NHCT VN                  |
| 09/2008 - 12/2009 | Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn NHCT VN                      |
| 01/2010 - 05/2011 | Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh TP Hà Nội          |
| 06/2011 - 12/2011 | Ủy viên HĐQT, Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam |
| 12/2011 - nay     | Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP CTVN                   |

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NHTMCPCTVN

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **631.822.452** cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 189.569 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,005804% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 631.632.883 cổ phần, chiếm tỷ lệ 19,338793% vốn điều lệ.

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **0** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0%** vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên       | Năm sinh | Quan hệ | Địa chỉ                   | Số CMND | Ngày cấp | Nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|-----------------|----------|---------|---------------------------|---------|----------|---------|--------------------------|
| 1   | Nguyễn Văn Sung | 1923     | Bố đẻ   | Đã mất                    |         |          |         |                          |
| 2   | Vũ Thị Đính     | 1928     | Mẹ đẻ   | Phú Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, |         |          |         | 0                        |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|    |                   |      |          |                                  |           |            |        |   |
|----|-------------------|------|----------|----------------------------------|-----------|------------|--------|---|
|    |                   |      |          | Hà Nội                           |           |            |        |   |
| 3  | Vũ Việt Khánh     | 1984 | Vợ       | Phú Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội | 012238398 | 6/24/2003  | Hà Nội | 0 |
| 4  | Nguyễn Hải Long   | 1999 | Con      | Phú Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội | Còn nhỏ   |            |        | 0 |
| 5  | Nguyễn Diệu Anh   | 2007 | Con      | Phú Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội | Còn nhỏ   |            |        | 0 |
| 6  | Nguyễn Linh Ngân  | 2013 | Con      | Phú Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội | Còn nhỏ   |            |        |   |
| 7  | Nguyễn Kim Thành  | 2013 | Con      | Phú Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội | Còn nhỏ   |            |        |   |
| 8  | Nguyễn Thị Sâm    | 1949 | Chị ruột | Phú Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội | 011080388 | 12/23/2010 | Hà Nội | 0 |
| 9  | Nguyễn Trung Sáng | 1950 | Anh ruột | Phú Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội | 010113902 | 9/20/1998  | Hà Nội | 0 |
| 10 | Nguyễn            | 1955 | Chị      | Phú Mỹ,                          | 010959281 | 4/9/1979   | Hà     | 0 |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|    |                 |      |          |                                           |           |           |        |   |
|----|-----------------|------|----------|-------------------------------------------|-----------|-----------|--------|---|
|    | Thị Tỏ          |      | ruột     | Mỹ Đình,<br>Từ Liêm,<br>Hà Nội            |           |           | Nội    |   |
| 11 | Nguyễn Văn Sang | 1960 | Anh ruột | Phú Mỹ,<br>Mỹ Đình,<br>Từ Liêm,<br>Hà Nội | 010606902 | 3/14/2004 | Hà Nội | 0 |
| 12 | Nguyễn Văn Quê  | 1958 | Anh ruột | Phú Mỹ,<br>Mỹ Đình,<br>Từ Liêm,<br>Hà Nội | 011595135 | 9/8/2006  | Hà Nội | 0 |

**Họ và tên:** CÁT QUANG DƯƠNG - Ủy viên HĐQT

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 25/8/1959

**Nơi sinh:** Quảng Bình

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Số CMND:** 011562799 cấp ngày: 05/10/2011 do Công an TP.Hà Nội

**Quê quán:** Đường Lâm - Sơn Tây - Hà Nội

**Địa chỉ thường trú:** P.304 nhà G2 Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

**Số điện thoại liên lạc:** 098 808 2258

**Trình độ văn hoá:** 10/10

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế chính quy Đại học Kinh tế Quốc Dân;

Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng (Học viện tài chính)

**Quá trình công tác:**

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



| Thời gian            | Quá trình công tác                                                                                          |
|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 08/1978 - 06/1982    | Bộ Tham mưu Tổng cục Hậu Cần;                                                                               |
| 07/1982 - 02/1986    | Sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân;                                                                         |
| 03/1986 - 01/1993    | Nhân viên Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp Sơn Tây;                                                          |
| 03/1994 - 11/1994    | Chuyên viên Vụ tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;                                                        |
| 12/1994 - 05/1999    | Phó Phòng Vụ tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;                                                          |
| 06/1999 - 02/2008    | Trưởng phòng Vụ tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;                                                       |
| 02/2008 - 27/02/2012 | Phó vụ trưởng Vụ tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;                                                      |
| 28/2/2012 - nay      | Phó vụ trưởng Vụ tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;<br>Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. |

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó vụ trưởng Vụ tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **631.632.883** cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 631.632.883 cổ phần, chiếm tỷ lệ 19,338793% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên             | Năm sinh | Quan hệ | Địa chỉ | Số CMND   | Ngày cấp   | Nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|-----------------------|----------|---------|---------|-----------|------------|---------|--------------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Bích Hương | -        | vợ      | Hà Nội  | 011401904 | 10/28/2004 | Hà Nội  | 0                        |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|   |                      |   |     |                |           |            |        |   |
|---|----------------------|---|-----|----------------|-----------|------------|--------|---|
| 2 | Cát Bảo Châu         | - | con | Hà Nội         | còn nhỏ   |            |        | 0 |
| 3 | Cát Hương Giang      | - | con | Hà Nội         | còn nhỏ   |            |        | 0 |
| 4 | Cát Văn Sơn          | - | cha | Hà Nội         | 011083620 | 12/1/2007  | Hà Nội | 0 |
| 5 | Nguyễn Phước Diệu Hy | - | mẹ  | Hà Nội         | 012943438 | 3/23/2007  | Hà Nội | 0 |
| 6 | Cát Nguyên Hùng      | - | anh | TP Hồ Chí Minh | 023901824 | 6/19/2001  | TP HCM | 0 |
| 7 | Cát Diệu Hương       | - | chị | Hà Nội         | 010616981 | 12/16/2010 | Hà Nội | 0 |
| 8 | Cát Diệu Hà          | - | em  | Hà Nội         | 013120199 | 9/13/2008  | Hà Nội | 0 |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

**Họ và tên: NGUYỄN HỒNG VÂN - Ủy viên HĐQT**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 11/12/1969

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 011567149 cấp ngày: 15/03/2008 do Công an TP. Hà Nội

Quê quán: Cát Nhon – Phù Cát – Bình Định

Địa chỉ thường trú: Số 62 Trần Quốc Toản, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0913213177

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng (năm 2007)

Quá trình công tác:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



| Thời gian           | Quá trình công tác                           |
|---------------------|----------------------------------------------|
| 1986 đến 1990       | Sinh viên Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội    |
| 12/1990 đến 07/1995 | Cán bộ phòng Kế hoạch Ngân hàng Công thương  |
| 07/1995 đến 03/2003 | Phó phòng Cân đối Tổng hợp NHCT              |
| 03/2003 đến 03/2006 | Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp & Đầu tư NHCT |
| 03/2006 đến 08/2008 | Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp & Hỗ trợ ALCO |
| 09/2008 đến 05/2009 | Ủy viên HĐQT - Ngân hàng Công thương VN      |
| 6/2009 đến nay      | Ủy viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Công thương VN |

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH một thành viên Bảo hiểm NH TMCP CT VN
- Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên vàng bạc đá quý NH TMCP CT VN

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **3.553** cổ phần

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 3.553 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000109% vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **0** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên         | Năm sinh | Quan hệ | Địa chỉ | Số CMND | Ngày cấp | Nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|-------------------|----------|---------|---------|---------|----------|---------|--------------------------|
| 1   | Nguyễn Minh Khanh | 1939     | Bố đẻ   | Đã mất  |         |          |         |                          |
| 2   | Võ Hải Đường      | 1945     | Mẹ đẻ   | Đã mất  |         |          |         |                          |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|   |                   |      |          |                           |           |           |        |   |
|---|-------------------|------|----------|---------------------------|-----------|-----------|--------|---|
| 3 | Nguyễn Mạnh Cường | 1963 | Chồng    | 62 Trần Quốc Toàn, Hà Nội | 010181365 | 7/4/2006  | Hà Nội | 0 |
| 4 | Nguyễn Sĩ Nguyên  | 2002 | Con ruột | 62 Trần Quốc Toàn, Hà Nội |           |           |        | 0 |
| 5 | Nguyễn Hồng Lâm   | 1977 | Em ruột  | 108 Ngọc Hà, Hà Nội       | 011877726 | 4/25/2009 | Hà Nội | 0 |

**Họ và tên: ĐỖ THỊ THUỶ - Ủy viên HĐQT**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 04/01/1960

Nơi sinh: Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 010442664 cấp ngày: 08/11/2004 do Công an TP. Hà Nội

Quê quán: Cát Nhơ - Phù Cát - Bình Định

Địa chỉ thường trú: 25, Ngõ 12, Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0913281416

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

| Thời gian         | Quá trình công tác                                                               |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 02/1982 - 07/1997 | Giảng viên trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng (nay là Học viện Ngân hàng Hà Nội) |
| 08/1997 - 02/2001 | Cán bộ Tín dụng Trụ sở chính NHCT Việt Nam                                       |
| 03/2001 - 03/2003 | Phó phòng Tín dụng Ngân hàng NHCT Việt Nam                                       |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|                   |                                                  |
|-------------------|--------------------------------------------------|
| 04/2003 - 10/2003 | Trưởng phòng Tín dụng Ngắn hạn NHCT Việt Nam     |
| 11/2003 - 05/2007 | Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp lớn NHCT VN |
| 06/2007 - 07/2008 | Giám đốc chi nhánh NHCT Ba Đình                  |
| 08/2008 - 05/2009 | Ủy viên HĐQT – Ngân hàng Công thương VN          |
| 06/2009 - nay     | Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam |

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương TMCP Việt Nam

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **15.863** cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 15.863 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000486% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **15.724** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000481% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| ST T | Họ và tên      | Năm sinh | Quan hệ | Địa chỉ                               | Số CMND   | Ngày cấp  | Nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|------|----------------|----------|---------|---------------------------------------|-----------|-----------|---------|--------------------------|
| 1    | Đỗ Vũ Tiến     | 1920     | Bố đẻ   | Đã mất                                |           |           |         |                          |
| 2    | Định Thị Phong | 1927     | Mẹ đẻ   | Đã mất                                |           |           |         |                          |
| 3    | Kim Đức Thịnh  | 1958     | Chồng   | 25, Ngõ 12, Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội | 010397815 | 9/14/2004 | Hà Nội  | 15.724                   |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|   |               |      |          |                                       |           |            |                 |   |
|---|---------------|------|----------|---------------------------------------|-----------|------------|-----------------|---|
| 4 | Kim Thu Trang | 1985 | Con ruột | 25, Ngõ 12, Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội | 012297421 | 10/25/1999 | Hà Nội          | 0 |
| 5 | Kim Thủy Tiên | 1991 | Con ruột | 25, Ngõ 12, Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội | 012810927 | 8/3/2005   | Hà Nội          | 0 |
| 6 | Đỗ Kim Thu    | 1954 | Chị ruột | Phú Thái - Thái Nguyên                | 273168329 | 11/23/2000 | Bà Rịa Vũng Tàu | 0 |
| 7 | Đỗ Kim Trung  | 1956 | Chị ruột | Đồng Quang - Thái Nguyên              | 090033870 | 4/13/1978  | Thái Nguyên     | 0 |
| 8 | Đỗ Tuyết Ngân | 1962 | Em ruột  | Gia Sàng - Thái Nguyên                | 090039892 | 10/28/1986 | Thái Nguyên     | 0 |
| 9 | Đỗ Vũ Sơn     | 1964 | Em ruột  | Phú Thái - Thái Nguyên                | 090764177 | 2/14/2009  | Thái Nguyên     | 0 |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

**Họ và tên: NGUYỄN THỊ BẮC - Ủy viên HĐQT**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 12/10/1953

Nơi sinh: Thuận Thành, Bắc Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 011162891 cấp ngày: 19/07/2007 do Công an TP. Hà Nội

Quê quán: Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú: A4/119 Nam Thành Công, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0913270712

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Trình độ văn hoá: Cử nhân

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngoại ngữ (ĐH ngoại ngữ HN);

Cử nhân Đại học Luật (ĐH Tổng hợp Humboldt – Berlin - CHDC Đức);

Thạc sỹ Luật (Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật)

Quá trình công tác:

| Thời gian       | Quá trình công tác                                           |
|-----------------|--------------------------------------------------------------|
| 1978 - 1980     | Giảng viên khoa Luật, Trường ĐH Tổng hợp Hà Nội;             |
| 1980 - 1984     | Cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao;                       |
| 1984 - 1988     | Kiểm sát viên trung cấp Viện kiểm sát nhân dân tối cao;      |
| 1989 - 1992     | Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân tối cao;        |
| 1992 - 1994     | Phó vụ trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;                |
| 1994 - 2002     | Vụ trưởng, Thường vụ Đảng ủy Viện kiểm sát nhân dân tối cao; |
| 2002 - 2007     | Phó chủ nhiệm Ủy ban pháp luật, Đại biểu Quốc hội khóa XI;   |
| 2007 - 2008     | Chuyên viên cao cấp Văn phòng Quốc hội;                      |
| 2009 - nay      | Luật sư Đoàn luật sư TP Hà Nội.                              |
| 28/2/2012 - nay | Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam             |

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



| STT | Họ và tên        | Năm sinh | Quan hệ | Địa chỉ                                       | Số CMND   | Ngày cấp   | Nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|------------------|----------|---------|-----------------------------------------------|-----------|------------|---------|--------------------------|
| 1   | Nguyễn Gia Hân   | -        | Bố đẻ   | Liệt sỹ                                       |           |            |         |                          |
| 2   | Đỗ Thị Bàn       | -        | Mẹ đẻ   | Đã mất                                        |           |            |         |                          |
| 3   | Nguyễn Ngọc Hòa  | 1955     | Chồng   | P.119, nhà A4, đường Nguyễn Hồng, Đống Đa, HN | 011162890 | 10/10/2005 | Hà Nội  | 0                        |
| 4   | Nguyễn Ngọc Hải  | 1979     | Con     | P.119, nhà A4, đường Nguyễn Hồng, Đống Đa, HN | 011929627 | 3/13/1996  | Hà Nội  | 0                        |
| 5   | Nguyễn Ngọc Dũng | 1985     | Con     | P.119, nhà A4, đường Nguyễn Hồng, Đống Đa, HN | 012564916 | 3/3/2003   | Hà Nội  | 0                        |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

**Họ và tên: PHẠM HUY THÔNG - Ủy viên HĐQT**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/06/1979

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 011912435 cấp ngày: 14/03/2009 do Công an TP. Hà Nội

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: 50 Phố Lý Thường Kiệt, Hà Nội

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Số điện thoại liên lạc: 0913089898

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

| Thời gian           | Quá trình công tác                               |
|---------------------|--------------------------------------------------|
| 09/2002 - 03/2004   | Phòng Kinh doanh đối ngoại Sở giao dịch I NHCTVN |
| 04/2004 - 03/2007   | Nhân viên phòng Thanh toán Xuất nhập khẩu NHCTVN |
| 04/2007 - 06/2008   | Trưởng phòng TT Xuất nhập khẩu NHCTQuế Võ        |
| 07/2008 - 07/2009   | Phó phòng KHDNV&N NHCT Ba Đình                   |
| 08/2009 - 03/2010   | Phó phòng khách hàng I NHCTVN-Chi nhánh TP HN    |
| 04/2010 - 11/2010   | Trưởng phòng KH I NHCTVN-Chi nhánh TP Hà Nội     |
| 12/2010 - 05/2011   | Phó giám đốc NHCTVN-Chi nhánh TP Hà Nội          |
| 06/2011 - 30/7/2012 | Giám đốc NHTMCP CTVN-CN TP.Hà Nội                |
| 01/8/2012 - 04/2013 | Phó Tổng giám đốc NHTMCP CTVN                    |
| 04/2013 - nay       | Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc NHTMCP CTVN  |

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc NHTMCPCTVN

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **0** cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: **0** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0%** vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: **0** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0 %** vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **250** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0,000008%** vốn điều lệ.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



| STT | Họ và tên       | Năm sinh | Quan hệ | Địa chỉ                           | Số CMND   | Ngày cấp  | Nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|-----------------|----------|---------|-----------------------------------|-----------|-----------|---------|--------------------------|
| 1   | Phạm Huy Hoàn   | 1942     | Bố đẻ   | Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 010129971 | 3/30/1998 | Hà Nội  | 250                      |
| 2   | Nguyễn Thị Trúc | 1954     | Mẹ đẻ   | Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội | 010037884 | 5/29/2008 | Hà Nội  | 0                        |
| 3   | Phạm Quỳnh Anh  | 2004     | Con gái |                                   | Còn nhỏ   |           |         | 0                        |
| 4   | Phạm Châu Anh   | 2009     | Con gái |                                   | Còn nhỏ   |           |         | 0                        |
| 5   | Phạm Hoài Thu   | 1976     | Chị gái | Cán bộ Bộ Ngoại giao              | 011816598 | 5/2/1994  | Hà Nội  | 0                        |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

**Họ và tên: MICHAEL KNIGHT IPSON - Ủy viên HĐQT**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 26/1/1947

Nơi sinh: Yakima, Washington, Hoa Kỳ

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Dân tộc:

Số hộ chiếu: 710962103 Ngày cấp: 15/06/2005 Ngày hết hạn: 14/06/2015

Quê quán:

Địa chỉ thường trú: 1055 Laurel Lane, Pebble Beach, California 93953, Hoa Kỳ

Số điện thoại liên lạc:

Trình độ văn hoá: Thạc sỹ

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (Đại học DePaul Chicago III, Hoa Kỳ, 02/1997 – 12/1999);

Ứng viên học hàm Tiến sỹ chuyên ngành Lịch sử & Ngôn ngữ Đông Á, lịch sử Việt Nam, Trung Quốc (Đại học Harvard, Boston, Massachussets, Hoa Kỳ, 09/1973 – 08/1979);

Thạc sỹ Đông Á học (Đại học Stanford, Stanford, California, Hoa Kỳ, 09/1971 – 06/1973);

Cử nhân lịch sử (Đại học California Berkeley, California, Hoa Kỳ, 09/1964 – 06/1969).

Quá trình công tác:

| Thời gian         | Quá trình công tác                                                                                                                                                                                                           |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 09/1979 - 02/1982 | Thực tập viên quản lý và thư ký văn phòng tại Trung Quốc, Đài Loan và Hồng Kông - Chemical Bank, New York                                                                                                                    |
| 02/1982 - 01/1986 | Phó Chủ tịch đặc trách thông tin, giao dịch giữa các ngân hàng và các công ty Trung Quốc tại Hồng Kông, giữ vai trò là trợ lý Giám đốc khu vực tại Trung Quốc, Hồng Kông và Đài Loan – Chemical Bank, Bắc Kinh;              |
| 01/1986 - 02/1988 | Trưởng VP Đại diện tại Trung Quốc;                                                                                                                                                                                           |
| 02/1988 - 12/1991 | Tổng Giám đốc Chemical Bank, chi nhánh Hồng Kông, Giám đốc điều hành, Chemical Asia Limited, các văn phòng giao dịch thương mại khu vực Châu Á của Chemical Bank, 1989-1991; Thành viên ban tín dụng toàn cầu Chemical Bank; |
| 12/1991 - 03/2005 | Ngân hàng Quốc tế Châu Á - Hồng Kông;<br>Giám đốc điều hành luân phiên, Phó Chủ tịch – Ngân hàng doanh nghiệp; Chủ tịch Tín dụng IBA, công ty cho thuê tài chính; Chủ tịch bảo hiểm IBA Insurance; Chủ tịch ủy ban tín dụng. |
| 04/2005 - 06/2007 | Chuyên gia cao cấp của Tổ chức Tài chính Quốc tế - Bắc Kinh; Cố vấn kỹ thuật của Hiệp hội Ngân hàng Trung Quốc; Giám đốc Ngân hàng Bắc Kinh và Ngân hàng TM TP.Tây An, Trung Quốc do IFC chỉ định;                           |
| 07/2007 - 12/2009 | Giám đốc nghiệp vụ tại Trung Quốc và Mông Cổ của Tổ chức Tài chính Quốc tế - Bắc Kinh; Giám đốc Ngân hàng Bắc Kinh và Ngân                                                                                                   |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|                   |                                                                                                                                                                                                   |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                   | hàng TM TP.Tây An, Trung Quốc do IFC chỉ định                                                                                                                                                     |
| 02/2010 - 05/2011 | Chuyên gia cao cấp của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC – Washington, DC): tư vấn về lĩnh vực ngân hàng tại khu vực Đông Á – Thái Bình Dương;                                                       |
| 06/2011 - nay     | Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kiêm Chuyên gia cao cấp của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC – Washington, DC): tư vấn về lĩnh vực ngân hàng tại khu vực Đông Á – Thái Bình Dương. |

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chuyên gia cao cấp của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC – Washington, DC): tư vấn về lĩnh vực ngân hàng tại khu vực Đông Á – Thái Bình Dương.

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **0** cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: **0** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0%** vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: **0** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0%** vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **0** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0%** vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên             | Năm sinh | Quan hệ | Địa chỉ                                                 | Số CMND   | Ngày cấp   | Nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|-----------------------|----------|---------|---------------------------------------------------------|-----------|------------|---------|--------------------------|
| 1   | Gloria Dan Ipson      | 1945     | Vợ      | 1055 Laurel Lane, Pebble Beach, California 93953, USA   | 710543071 | 12/13/2004 | USA     | 0                        |
| 2   | Aimee Peggy Pflederer | 1973     | Con gái | 22 Greville Street, Chatswood West, NSW 2067, Australia | 304931915 | 10/29/2004 | USA     | 0                        |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|   |                             |      |             |                                                                     |           |           |     |   |
|---|-----------------------------|------|-------------|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----|---|
| 3 | Daniel<br>Andrew<br>Ipson   | 1940 | Anh<br>trai | 20240 Palou<br>Dr Salinas,<br>California<br>93908, USA              | G0092033  | 3/7/2008  | USA | 0 |
| 4 | Steven<br>Earl<br>Ipson     | 1942 | Anh<br>trai | 1552<br>Glenwood<br>Way, Upland,<br>California<br>91786, USA        | 426854756 | 7/2/2007  | USA | 0 |
| 5 | Jean<br>Anne<br>Ipson       | 1955 | Em<br>gái   | 101 Hackberry<br>Lane, Apt<br>514Tuscaloosa,<br>Alabama 35401       | 4871851   | 8/26/2012 | USA | 0 |
| 6 | Mark<br>Andrew<br>Pflederer | -    | Con<br>rể   | 22 Greville<br>Street,<br>Chatswood<br>West, NSW<br>2067, Australia | 465497195 | 2/23/2010 | USA | 0 |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

**Họ và tên: GO WATANABE - Ủy viên HĐQT**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/9/1958

Số hộ chiếu: TK6541901 Ngày cấp 23/2/2012 Nơi cấp: Nhật Bản

Nơi sinh: Quận Aichi, Nhật Bản

Quốc tịch: Nhật Bản

Quê quán: Nhật Bản

Địa chỉ thường trú: 2-2-20-214 Kasuya Setagaya, Tokyo, Nhật Bản

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa:

Trình độ chuyên môn:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|             |                                                                                                           |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1978 – 1982 | Cử nhân kinh tế Đại học Waseda (1-6-1 Nishiwaseda, Shinjuku, Tokyo)                                       |
| 1988 – 1990 | Thạc sĩ quản trị kinh doanh Đại học California Berkeley (2200 University Drive Berkeley CA 94720, Hoa Kỳ) |

Quá trình công tác:

|                 |                                                                                                                                                                                 |
|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4/1982 – 5/2009 | Cán bộ The Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ, Ltd – Tokyo, Nhật Bản                                                                                                                |
| 5/2009 – 7/2011 | Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc chi nhánh Thượng Hải – Bank of Mitsubishi UFJ (China), Ltd                                                                                |
| 7/2011 – 5/2012 | Giám đốc điều hành và Trưởng phòng, phòng Ngân hàng Doanh nghiệp Toàn cầu, phụ trách các tổ chức tài chính toàn cầu - The Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ, Ltd – Tokyo, Nhật Bản |
| 5/2012 – 5/2013 | Giám đốc điều hành, Giám đốc bộ phận Ngân hàng doanh nghiệp Nagoya - The Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ, Ltd – Tokyo, Nhật Bản                                                  |
| 5/2013 – nay    | Giám đốc Điều hành, Giám đốc phụ trách khu vực Châu Á và Châu Đại Dương - The Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ, Ltd – Singapore                                                   |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại The Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ, Ltd: Giám đốc Điều hành, Giám đốc phụ trách khu vực Châu Á và Châu Đại Dương - The Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ, Ltd – Singapore
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: thành viên hội đồng quản trị độc lập (làm việc bán thời gian) của Hilton Nagoya và Nagoya Cable Vision Foundation.
- Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- Số lượng chứng khoán sở hữu: 0 cổ phần
- Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần

Những người có liên quan:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



| STT | Họ và tên         | Năm sinh | Quan hệ  | Địa chỉ                                     | Số CMND | Ngày cấp | Nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|-------------------|----------|----------|---------------------------------------------|---------|----------|---------|--------------------------|
| 1   | Takahisa Watanabe | -        | Cha đẻ   | Đã mất                                      |         |          |         |                          |
| 2   | Nobuko Watanabe   | -        | Mẹ đẻ    | Đã mất                                      |         |          |         |                          |
| 3   | Shigee Watanabe   | 1960     | Vợ       | 2-2-20-214 Kasuya Setagaya, Tokyo, Nhật Bản | -       | -        | -       | -                        |
| 4   | Kento Watanabe    | 1993     | Con trai | 2-2-20-214 Kasuya Setagaya, Tokyo, Nhật Bản | -       | -        | -       | -                        |

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**Họ và tên: HIROYUKI NAGATA - Ủy viên HĐQT**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 13/11/1963

Số hộ chiếu: TH4721191 Ngày cấp 25/10/2007

Nơi sinh: Quận Wakayama, Nhật Bản

Quốc tịch: Nhật Bản

Quê quán: Nhật Bản

Địa chỉ thường trú: Izumi 3-33-13-401 Izumi Suginami-ku, Tokyo, Nhật Bản

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: Cử nhân

Trình độ chuyên môn:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|                 |                                                              |
|-----------------|--------------------------------------------------------------|
| 4/1983 – 3/1987 | Cử nhân kinh tế, Đại học Hitotsubashi (2-1 Kunitachi, Tokyo) |
|-----------------|--------------------------------------------------------------|

Quá trình công tác:

|                   |                                                                                                                                                  |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10/1994 – 10/1999 | Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp – The Mitsubishi Bank, Ltd.                                                                                  |
| 10/1999 – 11/2001 | Trưởng phòng Ngân hàng doanh nghiệp số 2, Ngân hàng Doanh nghiệp Tập đoàn số 1 – The Mitsubishi Bank, Ltd                                        |
| 11/2001 – 7/2006  | Phó Trưởng phòng Ngân hàng doanh nghiệp Nhật Bản – The Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ, Ltd – Chi nhánh Bangkok                                   |
| 7/2006 – 4/2008   | Trưởng phòng Ngân hàng doanh nghiệp số 4, Ngân hàng Doanh nghiệp Tập đoàn số 1 - The Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ, Ltd – Tokyo, Nhật Bản       |
| 4/2008 – 5/2011   | Trưởng phòng Ngân hàng Doanh nghiệp, Phòng tín dụng - The Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ, Ltd – Tokyo, Nhật Bản                                  |
| 5/2011 – nay      | Trưởng phòng Phòng Ngân hàng Doanh nghiệp số 3, Ngân hàng Doanh nghiệp Tập đoàn số 1 - The Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ, Ltd – Tokyo, Nhật Bản |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại The Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ, Ltd: Trưởng phòng , Phòng Ngân hàng Doanh nghiệp số 3, Ngân hàng Doanh nghiệp Tập đoàn số 1
- Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.
- Số lượng chứng khoán sở hữu: 0 cổ phần
- Số lượng chứng khoán của người có liên quan: 0 cổ phần

Những người có liên quan:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



| STT | Họ và tên           | Năm sinh | Quan hệ  | Địa chỉ                                             | Số CMND | Ngày cấp | Nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|---------------------|----------|----------|-----------------------------------------------------|---------|----------|---------|--------------------------|
| 1   | Kiyokazu Nagata     | 1936     | Cha đẻ   | Đã mất                                              |         |          |         |                          |
| 2   | Michiko Nagata      | 1334     | Mẹ đẻ    | 1016-16 Nishihama, Wakayama, Nhật Bản               | -       | -        | -       | -                        |
| 3   | Takako Nagata       | 1964     | Vợ       | 401,3-33-14 Izumi Suginami-ku, Tokyo, Nhật Bản      |         |          |         |                          |
| 4   | Yuto Nagata         | 2005     | Con trai | 401,3-33-14 Izumi Suginami-ku, Tokyo, Nhật Bản      | -       | -        | -       | -                        |
| 5   | Ông Masanori Nagata | 1961     | Anh trai | 2-8-5 Higashi Yamatedai Takarazuka, Hyoko, Nhật Bản | -       | -        | -       | -                        |

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

## Ban Điều hành

**Họ và tên:** NGUYỄN VĂN THẮNG – **Tổng Giám đốc** (sơ yếu lý lịch xem trong phần HĐQT)

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



**Họ và tên:** NGUYỄN VĂN DU – Phó Tổng Giám đốc

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 04/6/1962

**Nơi sinh:** Hà Nội

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Số CMND:** 010311024 cấp ngày: 09/12/2002 do Công an TP. Hà Nội

**Quê quán:** Quảng Nhân Chính – Thanh Xuân – Hà Nội

**Địa chỉ thường trú:** 12A02, Nhà 24T1, Đường Hoàng Đạo Thúy, Hà Nội

**Số điện thoại liên lạc:** 04.394211200 (cơ quan)

**Trình độ văn hoá:** 10/10

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

| Thời gian         | Quá trình công tác                                           |
|-------------------|--------------------------------------------------------------|
| 03/1986 - 07/1987 | Cán bộ Phòng Kế toán tài chính NHNN huyện Thanh Trì, Hà Nội  |
| 08/1987 - 02/1991 | Cán bộ Phòng Tín dụng Chi nhánh NHCT Đồng Đa                 |
| 03/1991 - 03/1995 | Cán bộ Phòng Kinh tế Đối ngoại NHCT Việt Nam                 |
| 04/1995 - 06/1995 | Phó trưởng Phòng Kinh tế đối ngoại NHCT VN                   |
| 07/1995 - 03/1996 | Quyền Trưởng phòng Khai thác vốn quốc tế NHCT Việt Nam       |
| 04/1996 - 03/2003 | Trưởng phòng Quan hệ đại lý và khai thác vốn quốc tế NHCT VN |
| 04/2003 - 07/2008 | Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo NHCT Việt Nam         |
| 08/2008 - 06/2009 | Phó Tổng giám đốc NHCT Việt Nam                              |
| 07/2009 - nay     | Phó Tổng giám đốc NHTMCP Công thương Việt Nam                |

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc NHTMCP Công thương Việt Nam.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **25.579** cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 25.579 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000783% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **3.337** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000102% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| ST<br>T | Họ và tên              | Năm<br>sinh | Quan<br>hệ  | Địa chỉ                                                                  | Số CMND   | Ngày cấp | Nơi<br>cấp | Số<br>lượng<br>cổ phần<br>nắm giữ |
|---------|------------------------|-------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|------------|-----------------------------------|
| 1       | Nguyễn Văn<br>Khang    | 1915        | Bố đẻ       | Đã mất                                                                   |           |          |            |                                   |
| 2       | Cao Thị Thu            | 1920        | Mẹ đẻ       | Đã mất                                                                   |           |          |            |                                   |
| 3       | Nguyễn Thị<br>Thu Hằng | 1964        | Vợ          | 12A02 nhà<br>24 T1, Khu<br>đô thị Trung<br>Hoà- Nhân<br>Chính, Hà<br>Nội | 011054680 | 3/5/2007 | Hà<br>Nội  | 0                                 |
| 4       | Nguyễn Thuý<br>Quỳnh   | 1990        | Con<br>ruột | 12A02 nhà<br>24 T1, Khu<br>đô thị Trung<br>Hoà- Nhân<br>Chính, Hà<br>Nội | Còn nhỏ   |          |            | 0                                 |
| 5       | Nguyễn Văn<br>Đăng     | 1998        | Con<br>ruột | 12A02 nhà<br>24 T1, Khu<br>đô thị Trung<br>Hoà- Nhân<br>Chính, Hà<br>Nội | Còn nhỏ   |          |            | 0                                 |
| 6       | Nguyễn Văn<br>Khoa     | 1998        | Con<br>ruột | 12A02 nhà<br>24 T1, Khu<br>đô thị Trung<br>Hoà- Nhân<br>Chính, Hà<br>Nội | Còn nhỏ   |          |            | 0                                 |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|    |                  |      |          |                                                              |           |           |          |       |
|----|------------------|------|----------|--------------------------------------------------------------|-----------|-----------|----------|-------|
| 7  | Nguyễn Minh Ngọc | 1945 | Chị ruột | P302, Tô 89, TT Viện năng lượng nguyên tử, Ô Chợ Dừa, Hà Nội | 012878574 | 5/26/2006 | Hà Nội   | 0     |
| 8  | Nguyễn Lê Dung   | 1952 | Chị ruột | N8B16, Khu đô thị Trung Hoà- Nhân Chính, Hà Nội              | 01011629  | 3/29/2006 | Hà Nội   | 0     |
| 9  | Nguyễn Cao Khánh | 1956 | Anh ruột | TT Viện năng lượng nguyên tử, Ô Chợ Dừa, Hà Nội              | 011317902 | 8/8/2005  | Hà Nội   | 3,337 |
| 10 | Nguyễn Tuyết Nga | 1954 | Chị ruột | A2232, Tô 22, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội                      | 012361408 | 7/16/2000 | Hà Nội   | 0     |
| 11 | Nguyễn Lê Kim    | 1958 | Chị ruột | 21/10 đường Trường Sơn, P4, Q.Tân Bình, TPHCM                | 023881530 | 4/16/2001 | TPH CM   | 0     |
| 12 | Nguyễn Lê Giao   | 1960 | Chị ruột | 11 lô C, Ngõ Đức Kế, P7, TP Vũng Tàu                         | 273301868 | 7/12/2005 | Vũng Tàu | 0     |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

**Họ và tên:** PHẠM ANH TUẤN - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 09/4/1966

Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Số CMND: 021744805 cấp ngày: 23/02/2006 do Công an TP. HCM

Quê quán: Hải Châu, Hải Hậu, Nam Định

Địa chỉ thường trú: 157/23/2B Pháo Đài Láng, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc: 0913229846

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

| Thời gian         | Quá trình công tác                                                                       |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| 08/1990 - 01/1994 | CB Trung tâm tính toán NH TP Hồ Chí Minh, Sở giao dịch II Ngân hàng Công thương Việt Nam |
| 02/1994 - 02/1995 | Phó trưởng phòng Thông tin điện toán Sở giao dịch II NHCTVN                              |
| 03/1995 - 09/1997 | Trưởng phòng Thông tin điện toán Sở giao dịch II                                         |
| 10/1997 - 04/1999 | Phó phòng TTĐT Sở giao dịch II NHCT                                                      |
| 05/1999 - 05/1999 | Phó phòng TTĐT Văn phòng Đại diện                                                        |
| 06/1999 - 07/2008 | Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin NHCT VN                                           |
| 08/2008 đến nay   | Phó tổng giám đốc NH TMCP CT VN                                                          |

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc NHTMCP Công thương Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **71.716** cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 71.716 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002196% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **5.660** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000173% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



| STT | Họ và tên            | Năm sinh | Quan hệ  | Địa chỉ                                  | Số CMND   | Ngày cấp   | Nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|----------------------|----------|----------|------------------------------------------|-----------|------------|---------|--------------------------|
| 1   | Phạm Quang Thanh     | 1928     | Bố đẻ    | Đã mất                                   |           |            |         |                          |
| 2   | Vũ Thi Xuân Lan      | 1938     | Mẹ đẻ    | Mỹ Hào 2, Tân Xuân, Hóc Môn, TP.HCM      | 021465735 | 9/21/2007  | TP. HCM | 0                        |
| 3   | Phạm Thị Kim Loan    | 1968     | Em ruột  | Mỹ Hào 2, Tân Xuân, Hóc Môn, TP.HCM      | 02288885  | 9/23/1993  | TP. HCM | 0                        |
| 4   | Phạm Anh Tú          | 1969     | Em ruột  | Mỹ Hào 2, Tân Xuân, Hóc Môn, TP.HCM      | 022182082 | 8/23/2004  | TP. HCM | 0                        |
| 5   | Phạm Minh Tân        | 1971     | Em ruột  | Mỹ Hào 2, Tân Xuân, Hóc Môn, TP.HCM      | 022627929 | 4/6/2005   | TP. HCM | 0                        |
| 6   | Phạm Thị Kim Anh     | 1974     | Em ruột  | Mỹ Hào 2, Tân Xuân, Hóc Môn, TP.HCM      | 022915136 | 4/8/1998   | TP. HCM | 0                        |
| 7   | Đoàn Thị Thu Hà      | 1972     | Vợ       | 157/23/2B Pháo Đài Láng, Đống Đa, Hà Nội | 111309096 | 12/13/1996 | Hà Tây  | 5.660                    |
| 8   | Phạm Đoàn Quốc Dũng  | 1995     | Con ruột | 157/23/2B Pháo Đài Láng, Đống Đa, Hà Nội |           |            |         | 0                        |
| 9   | Phạm Đoàn Quốc Cường | 2002     | Con ruột | 157/23/2B Pháo Đài Láng, Đống Đa, Hà Nội |           |            |         | 0                        |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác:  
 Lợi ích liên quan đối với Công ty:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



**Họ và tên:** BÙI NHƯ Ý – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 15/4/1962

CMND: 011706614 ngày cấp: 25/7/2007 nơi cấp: Hà Nội

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải Bắc, Hải Hậu, Nam Định

Địa chỉ thường trú: Nhà 24 Ngõ 81 đường Đặng Văn Ngữ, Đống Đa, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

|                  |                                               |
|------------------|-----------------------------------------------|
| 11/1984 - 4/1990 | Cán bộ Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng     |
| 5/1990 - 3/1993  | Cán bộ tín dụng NHCT Hà Nội                   |
| 4/1993 - 4/1995  | Cán bộ tín dụng NHCT Việt Nam                 |
| 05/1985 - 9/1997 | Phó phòng XD&QLDA đầu tư NHCT VN              |
| 10/1997- 10/2003 | Phó phòng QLDA&TDTH NHCT VN                   |
| 11/2003 - 2/2006 | Trưởng phòng Quản lý tín dụng NHCT VN         |
| 3/2006 - 5/2007  | Trưởng phòng Chế độ tín dụng, đầu tư NHCT VN  |
| 06/2007 - 7/2008 | Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp lớn NHCT |
| 8/2008 - đến nay | Phó Tổng Giám đốc NH TMCP CT VN               |

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Công thương Việt Nam

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **9** cổ phần

▪ Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 9 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.000000% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **0** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| ST<br>T | Họ và tên               | Năm<br>sinh | Quan<br>hệ  | Địa chỉ                                                             | Số CMND   | Ngày cấp   | Nơi<br>cấp | Số lượng<br>cổ phần<br>nắm giữ |
|---------|-------------------------|-------------|-------------|---------------------------------------------------------------------|-----------|------------|------------|--------------------------------|
| 1       | Bùi Xuân<br>Linh        | 1923        | Bố đẻ       | Nhà 30A,<br>Phường<br>Liệt, Hà<br>Nội                               | 010088174 | 5/19/2005  | Hà<br>Nội  | 0                              |
| 2       | Đỗ Tuyết<br>Nhưng       | 1933        | Mẹ đẻ       | Nhà 30A,<br>Phường<br>Liệt, Hà<br>Nội                               | 010433753 | 10/27/1978 | Hà<br>Nội  | 0                              |
| 3       | Nguyễn<br>Ngọc<br>Thành | 1955        | Chò<br>ng   | Số 24,<br>ngõ 81<br>đường<br>Đặng Văn<br>Ngữ,<br>Đống Đa,<br>Hà Nội | 010426709 | 9/29/1999  | Hà<br>Nội  | 0                              |
| 4       | Nguyễn<br>Ngọc<br>Diệp  | 1987        | Con<br>ruột | 324 Bà<br>Triệu, Hai<br>Bà Trưng,<br>Hà Nội                         | 012442863 | 2/23/2008  | Hà<br>Nội  | 0                              |
| 5       | Nguyễn<br>Ngọc Hân      | 1991        | Con<br>ruột | Số 24,<br>ngõ 81<br>đường<br>Đặng Văn<br>Ngữ,<br>Đống Đa,<br>Hà Nội | 012808399 | 6/28/2005  | Hà<br>Nội  | 0                              |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|   |                                                               |      |               |                                                         |            |           |                 |   |
|---|---------------------------------------------------------------|------|---------------|---------------------------------------------------------|------------|-----------|-----------------|---|
| 6 | Bùi Đỗ Hùng                                                   | 1958 | Anh ruột      | Nhà 30A, Phương Liệt, Hà Nội                            | 012870384  | 4/14/2006 | Hà Nội          | 0 |
| 7 | Bùi Đỗ Mạnh                                                   | 1971 | Em ruột       | Khu TT Ngân hàng, Trại Găng, Thanh Nhàn, Hà Nội         | 011454623  | 3/11/2005 | Hà Nội          | 0 |
| 8 | Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NHCTVN                    |      | Chủ tịch HĐQT | 18 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội                     | 0101047075 | 3/10/2010 | Sở KH&ĐT Hà Nội |   |
| 9 | Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác tài sản NH TMCP CTVN |      | Chủ tịch HĐQT | 76 Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TPHCM | 0302077030 | 7/20/2010 | Sở KH&ĐT TP HCM |   |

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

**Họ và tên:** VÕ MINH TUẤN – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/10/1967

Nơi sinh: TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 022835428 cấp ngày: 14/03/2008 do Công an TP. HCM

Quê quán: Quảng Ngãi

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Địa chỉ thường trú: 160 Ông Ích Khiêm, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại liên lạc:

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)

Quá trình công tác:

| Thời gian         | Quá trình công tác                                   |
|-------------------|------------------------------------------------------|
| 01/1990 - 02/1998 | Cán bộ Phòng Kế toán tài chính NHCT chi nhánh TP.HCM |
| 03/1998 - 07/2001 | Phó Phòng Thanh toán Quốc tế NHCT Chi nhánh TP.HCM   |
| 08/2001 - 09/2005 | Trưởng phòng Kế toán tài chính NHCT Chi nhánh TP.HCM |
| 10/2005 - 01/2008 | Phó Giám đốc NHCT Chi nhánh TP.HCM                   |
| 02/2008 - 03/2010 | Giám đốc NHCT Chi nhánh 1 TP.HCM                     |
| 04/2010 - nay     | Phó Tổng Giám đốc NH TMCP CT VN                      |

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc NHTMCP Công thương Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **9.014** cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 9.014 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000276% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **4.318** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000132% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên      | Năm sinh | Quan hệ | Địa chỉ | Số CMND | Ngày cấp | Nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|----------------|----------|---------|---------|---------|----------|---------|--------------------------|
| 1   | Võ Thanh Trung | 1923     | Bố đẻ   | Đã mất  |         |          |         |                          |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|    |                |      |     |                                      |           |           |       |       |
|----|----------------|------|-----|--------------------------------------|-----------|-----------|-------|-------|
| 2  | Lê Thị Hiệp    | 1929 | Mẹ  | 160 Ông Ích Khiêm, quận 11, TP HCM   | 020859234 | 7/30/2003 | TPHCM | 0     |
| 3  | Trần Kim Thu   | 1968 | Vợ  | 160 Ông Ích Khiêm, quận 11, TP HCM   | 0237401   | 6/19/1999 | TPHCM | 4.318 |
| 4  | Võ Thị Lai     | 954  | Chị | 158 Ông Ích Khiêm, quận 11, TP HCM   | 020211446 | 1/23/2009 | TPHCM | 0     |
| 5  | Võ Thị Di      | 956  | Chị | 39B Phú Thọ, Quận 11 TP HCM          | 020420486 | 3/3/2009  | TPHCM | 0     |
| 6  | Võ Thị Bảy     | 962  | Chị | 1361 Phạm Thế Hiển, Quận 8, TP HCM   | 020778321 | 0/25/1999 | TPHCM | 0     |
| 7  | Võ Thị Tám     | 964  | Chị | 341/51 Lạc Long Quân, Quận 11 TP HCM | 021635805 | 1/30/2003 | TPHCM | 0     |
| 8  | Võ Thị Ngọc Tú | 971  | Em  | 02 Ông Ích Khiêm, Quận 11 TP HCM     | 022832219 | 10/1/2004 | TPHCM | 0     |
| 9  | Võ Tuấn Bình   | 994  | Con | 160 Ông Ích Khiêm, quận 11, TP HCM   | Còn nhỏ   |           |       | 0     |
| 10 | Võ Tuấn Thăng  | 000  | Con | 160 Ông Ích Khiêm, quận 11, TP HCM   | Còn nhỏ   |           |       | 0     |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



**Họ và tên:** LÊ ĐỨC THỌ – Phó Tổng Giám đốc

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 25/7/1970

**Nơi sinh:** Phú Thọ

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Số CMND:** 012942814 cấp ngày: 11/4/2007 do Công an TP. Hà Nội

**Quê quán:** Phú Thọ

**Địa chỉ thường trú:** P108, Nhà C3, Làng Quốc tế Thăng Long, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội

**Số điện thoại liên lạc:** 0913.372.917

**Trình độ văn hoá:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Tiến sỹ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

| Thời gian         | Quá trình công tác                                                    |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 11/1991 - 12/1992 | Cán bộ Phòng Kế toán NHCT chi nhánh Vĩnh Phú                          |
| 01/1993 - 03/1995 | Cán bộ Phòng Thông tin điện toán NHCT Chi nhánh Vĩnh Phú              |
| 04/1995 - 08/1996 | Cán bộ Phòng Tín dụng NHCT Chi nhánh Vĩnh Phú                         |
| 09/1996 - 12/1996 | Tổ trưởng tổ thẩm định thuộc Phòng Kinh doanh NHCT Chi nhánh Vĩnh Phú |
| 01/1997 - 04/2002 | Phó Trưởng Phòng Kinh doanh NHCT Chi nhánh Phú Thọ                    |
| 05/2002 - 05/2003 | Cán bộ Phòng Tín dụng Trung dài hạn và QL Dự án NHCT VN               |
| 06/2003 - 10/2003 | Phó Trưởng phòng Cân đối tổng hợp NHCT VN                             |
| 11/2003 - 02/2006 | Phó Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp và Đầu tư NHCT VN                  |
| 03/2006 - 03/2010 | Trưởng Phòng Đầu tư NHCT VN                                           |
| 04/2010 - nay     | Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương VN                       |

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc NHTMCP Công thương Việt Nam.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **32.919** cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 32.919 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,001008% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **10.482** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000321% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên        | Năm sinh | Quan hệ | Địa chỉ                                 | Số CMND   | Ngày cấp  | Nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|------------------|----------|---------|-----------------------------------------|-----------|-----------|---------|--------------------------|
| 1   | Lê Học Thức      | 1943     | Bố đẻ   | Phường Gia Cẩm – Việt Trì – Phú Thọ     | 130241224 | 1/4/2007  | Phú Thọ | 0                        |
| 2   | Ngô Thị Sợi      | 1942     | Mẹ đẻ   | Phường Gia Cẩm – Việt Trì – Phú Thọ     | 130055585 | 1/4/2007  | Phú Thọ | 0                        |
| 3   | Trần Thị Minh Vỹ | 1975     | Vợ      | P108-C3-Làng Quốc tế Thăng Long, Hà Nội | 012942813 | 1/23/2010 | Hà Nội  | 10.482                   |
| 4   | Lê Minh Đức      | 1997     | Con     | P108-C3-Làng Quốc tế Thăng Long, Hà Nội | Còn nhỏ   |           |         | 0                        |
| 5   | Lê Minh An       | 2010     | Con     | P108-C3-Làng Quốc tế Thăng Long, Hà Nội | Còn nhỏ   |           |         | 0                        |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|   |               |      |     |                                              |           |                |             |   |
|---|---------------|------|-----|----------------------------------------------|-----------|----------------|-------------|---|
| 6 | Lê Trung Dũng | 1968 | Anh | Phường<br>Gia Cẩm –<br>Việt Trì –<br>Phú Thọ | 130922849 | 5/16/2007      | Phú<br>Thọ  | 0 |
| 7 | Lê Anh Tuấn   | 1973 | Em  | Phường<br>Giảng Võ<br>– Ba Đình<br>– Hà Nội  | 013132979 | 2/12/2009      | Hà<br>Nội   | 0 |
| 8 | Lê Kiên Cường | 1979 | Em  | Phường<br>Gia Cẩm –<br>Việt Trì –<br>Phú Thọ | 131647449 | 11/15/199<br>6 | Vĩnh<br>Phú | 0 |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

**Họ và tên:** NGUYỄN HOÀNG DŨNG – Phó Tổng Giám đốc

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 10/11/1962

**Nơi sinh:** TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Số CMND:** 025261199 cấp ngày: 15/12/2010 do Công an TP. HCM

**Quê quán:** Cà Mau

**Địa chỉ thường trú:** Số 114, Lô E, Chung cư Hùng Vương, Phường 11, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

**Số điện thoại liên lạc:** 0913129193

**Trình độ văn hoá:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế ngành Kinh doanh tiền tệ

**Quá trình công tác:**

| Thời gian         | Quá trình công tác                            |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| 03/1985 - 10/1988 | Cán bộ tín dụng NHNN TX Cà Mau, tỉnh Minh Hải |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|                     |                                                 |
|---------------------|-------------------------------------------------|
| 10/1988 - 02/1991   | Tổ phó Tổ tín dụng NHCT tỉnh Minh Hải           |
| 03/1991 - 09/1992   | Phó trưởng phòng Kiểm soát NHCT tỉnh Minh Hải   |
| 10/1992 - 07/1993   | Trợ lý Giám đốc NHCT tỉnh Minh Hải              |
| 08/1993 - 12/1996   | Trưởng phòng TCHC NHCT tỉnh Minh Hải            |
| 01/1997 - 10/1998   | Trưởng phòng kinh doanh NHCT Cà Mau             |
| 11/1998 - 12/2004   | Trưởng phòng giao dịch TPHCM NHCT Cà Mau        |
| 01/2005 - 10/2007   | Phó Giám đốc NHCT Cà Mau                        |
| 02/2010 - 15/3/2011 | Cán bộ quản lý cấp cao NH TMCP CT VN            |
| 15/3/2011 - nay     | Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương VN |

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc NHTMCP Công thương Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **37.741** cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 37.741 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,001156% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **10** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000000% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên       | Năm sinh | Quan hệ | Địa chỉ                         | Số CMND   | Ngày cấp | Nơi cấp  | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|-----------------|----------|---------|---------------------------------|-----------|----------|----------|--------------------------|
| 1   | Nguyễn Văn Đông | 1927     | Bố đẻ   | Đã mất                          | 380069877 | 9/6/1978 | Minh Hải | 0                        |
| 2   | Trần Thị Xưa    | 1937     | Mẹ đẻ   | Phường 9 TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau | 380069834 | 9/6/1978 | Minh Hải | 0                        |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|    |                      |      |     |                                           |           |            |          |    |
|----|----------------------|------|-----|-------------------------------------------|-----------|------------|----------|----|
| 3  | Lê Thị Nga           | 1960 | Vợ  | Phường 9, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau          | 380379329 | 10/30/2003 | Cà Mau   | 0  |
| 4  | Nguyễn Lê Quỳnh      | 1989 | Con | Quận 5, TP Hồ Chí Minh                    | 381501111 | 3/27/2007  | Cà Mau   | 0  |
| 5  | Nguyễn Lê Huy Bảo    | 2001 | Con | Phường 9, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau          | Còn nhỏ   |            |          | 0  |
| 6  | Nguyễn Lê Thủy       | 1954 | Chị | Quận 5, TP Hồ Chí Minh                    | 381460979 | 4/25/2006  | Cà Mau   | 0  |
| 7  | Nguyễn Lê Tuyết      | 1959 | Chị | Phường 9, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau          | 380069859 | 3/11/1996  | Minh Hải | 0  |
| 8  | Nguyễn Lê Ánh        | 1961 | Chị | Phường 9 TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau           | 380069962 | 5/21/2009  | Cà Mau   | 0  |
| 9  | Nguyễn Hoàng Vĩnh    | 1965 | Em  | 6611 Georgeanne CT-Charlotte NC 2827-3485 | 380715015 | 9/12/2001  | Cà Mau   | 0  |
| 10 | Nguyễn Hoàng Viễn    | 1968 | Em  | Phường 9 TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau           | 380803030 | 6/27/1991  | Minh Hải | 0  |
| 11 | Nguyễn Lê Hồng       | 1972 | Em  | Phường 9, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau          | 380940023 | 1/20/1999  | Cà Mau   | 0  |
| 12 | Nguyễn Trần Hoà Bình | 1974 | Em  | Phường 9 TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau           | 380811524 | 4/23/2003  | Cà Mau   | 10 |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



**Họ và tên:** PHẠM HUY THÔNG – Phó Tổng Giám đốc (sơ yếu lý lịch xem trong phần HĐQT)

**Họ và tên:** NGUYỄN ĐỨC THÀNH – Phó Tổng Giám đốc

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 08/09/1970

**Nơi sinh:** TP. Hà Nội

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Số CMND:** 011775483 cấp ngày: 26/08/2004 do Công an TP. Hà Nội

**Quê quán:** Sóc Sơn, Hà Nội

**Địa chỉ thường trú:** 5B Nguyễn Bình Khiêm, Hà Nội

**Số điện thoại liên lạc:** 0913201274

**Trình độ văn hoá:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế

**Quá trình công tác:**

| Thời gian         | Quá trình công tác                                                         |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 11/1994 - 12/1998 | Chuyên viên Vụ Châu Phi -Tây Á - Nam Á - Bộ Thương mại;                    |
| 12/1998 - 03/2002 | Tùy viên Thương mại - Đại Sứ quán VN tại Cộng hòa Ả Rập - Ai Cập;          |
| 03/2002 - 08/2002 | Chuyên viên Vụ Châu phi - Tây Á - Nam Á - Bộ Thương mại;                   |
| 08/2002 - 04/2007 | Phó Vụ trưởng - Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại cũ;                         |
| 04/2007 - 08/2007 | Phó Cục trưởng Cục Quản lý Cạnh tranh kiêm Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại; |
| 08/2007 - 01/2010 | Phó Cục trưởng Cục Quản lý Cạnh tranh - Bộ Công Thương;                    |
| 02/2010 - 08/2012 | Trưởng phòng Định chế tài chính NHTMCP CTVN.                               |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|               |                                                        |
|---------------|--------------------------------------------------------|
| 08/2012 - nay | Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. |
|---------------|--------------------------------------------------------|

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc NHTMCP Công thương Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Chuyển tiền toàn cầu – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
- Chủ tịch Công ty Bảo hiểm nhân thọ VietinBank Aviva.

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **0** cổ phần

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: **0** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0%** vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: **0** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0%** vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **5.006** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0,000153%** vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên         | Năm sinh | Quan hệ  | Địa chỉ   | Số CMND   | Ngày cấp  | Nơi cấp   | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|-------------------|----------|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|--------------------------|
| 1   | Trần Thị Nhưường  | 1928     | Mẹ đẻ    | Điện Biên | 040085667 | 9/6/2010  | Điện Biên | 0                        |
| 2   | Hoàng Việt Phương | 1978     | Vợ       | Hà Nội    | 011800951 | 8/26/2004 | Hà Nội    | 5.006                    |
| 3   | Nguyễn Minh Nga   | 2006     | Con gái  | Hà Nội    | Chưa có   |           |           | 0                        |
| 4   | Nguyễn Thị Khoa   | 1952     | Chị gái  | Điện Biên | 040232466 | 4/27/2006 | Điện Biên | 0                        |
| 5   | Nguyễn Đức Huy    | 1956     | Anh trai | Điện Biên | 040232474 | 5/19/1994 | Điện Biên | 0                        |
| 6   | Nguyễn Đức Thanh  | 1959     | Anh trai | Hà Nội    | 011450241 | 4/26/2006 | Hà Nội    | 0                        |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|   |                      |      |         |           |           |           |           |   |
|---|----------------------|------|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|---|
| 7 | Nguyễn Thị Minh Thúy | 1961 | Chị gái | Điện Biên | 040222491 | 8/18/2009 | Điện Biên | 0 |
|---|----------------------|------|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|---|

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

**Họ và tên:** NGUYỄN HẢI HƯNG – Kế toán trưởng

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 13/12/1972

**Nơi sinh:** Xã Bạch Đằng, Huyện Đông Hưng, Thái Bình

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Số CMND:** 013348377 cấp ngày: 23/9/2010 do Công an TP. Hà Nội

**Quê quán:** Thái Bình

**Địa chỉ thường trú:** Tổ 5A Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

**Số điện thoại liên lạc:** 0904252732

**Trình độ văn hoá:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**

| Thời gian         | Quá trình công tác                                   |
|-------------------|------------------------------------------------------|
| 04/1991 - 06/2001 | Nhân viên phòng kế toán NHCT Thái Bình               |
| 07/2001 - 03/2007 | Nhân viên phòng kế toán Thanh toán NHCT Việt Nam     |
| 04/2007 - 05/2008 | Phó phòng kế toán Thanh toán NHCT Việt Nam           |
| 06/2008 - 09/2009 | Phó phụ trách phòng kế toán Thanh toán NHCT Việt Nam |
| 10/2009 - 05/2011 | Trưởng phòng kế toán Thanh toán NHCT Việt Nam        |
| 01/6/2011 - nay   | Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam   |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **19.288** cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 19.288 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000591% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **2.514** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000077% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên          | Năm sinh | Quan hệ  | Địa chỉ                               | Số CMND   | Ngày cấp  | Nơi cấp   | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|--------------------|----------|----------|---------------------------------------|-----------|-----------|-----------|--------------------------|
| 1   | Nguyễn Minh Châu   | 1937     | Bố đẻ    | Xã Hoàng Diệu – TP Thái Bình          | 150014098 | 5/17/2007 | Thái Bình | 0                        |
| 2   | Nguyễn Thị Liễu    | 1947     | Mẹ đẻ    | Xã Hoàng Diệu – TP Thái Bình          | 151920721 | 7/17/2007 | Thái Bình | 0                        |
| 3   | Trần Thanh Phương  | 1974     | Vợ       | Tổ 5A Định Công – Hoàng Mai – Hà Nội. | 151692475 | 2/23/2004 | Thái Bình | 2.514                    |
| 4   | Nguyễn Phương Ngân | 2001     | Con gái  | Tổ 5A Định Công – Hoàng Mai – Hà Nội. | Còn nhỏ   |           |           | 0                        |
| 5   | Nguyễn Minh Nghĩa  | 2007     | Con trai | Tổ 5A Định Công – Hoàng Mai – Hà Nội. | Còn nhỏ   |           |           | 0                        |
| 6   | Nguyễn Mạnh Hà     | 1986     | Em trai  | Xã Hoàng Diệu – TP Thái Bình          | 151501038 | 7/17/2008 | Thái Bình | 0                        |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

## Ban kiểm soát

**Họ và tên:** TRẦN THỊ LỆ NGA - Trưởng Ban kiểm soát

**Giới tính:** Nữ

**Ngày tháng năm sinh:** 07/09/1961

**Nơi sinh:** Hà Nội

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Số CMND:** 010479290 **cấp ngày:** 18/06/2001 **do Công an TP. Hà Nội**

**Quê quán:** Hoàng Diệu, Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

**Địa chỉ thường trú:** 150 Tổ 4, Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội

**Số điện thoại liên lạc:** 0913565733

**Trình độ văn hoá:** 10/10

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Kinh tế (Khoá 11 trường ĐH Kinh tế quốc dân)

**Quá trình công tác:**

| Thời gian         | Quá trình công tác                               |
|-------------------|--------------------------------------------------|
| 1979 - 1983       | Sinh viên trường Cao đẳng Ngân hàng              |
| 04/1984 - 08/1988 | Cán bộ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước huyện Gia Lâm |
| 09/1988 - 04/1994 | Cán bộ Tín dụng Chi nhánh NHCT Chương Dương      |
| 05/1994 - 11/1994 | Phó phòng Kinh doanh chi nhánh NHCT Chương Dương |
| 12/1994 - 05/2001 | Trưởng phòng Kinh doanh ĐN - NHCT Chương Dương   |
| 06/2001 - 03/2003 | Phó Giám đốc chi nhánh – NHCT Chương Dương       |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|                   |                                                                        |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 04/2003 - 06/2009 | Giám đốc chi nhánh – NHCT Chương Dương                                 |
| 06/2009 - nay     | Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam |

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **42.615** cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 42.615 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,001305% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **898** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000027% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| ST<br>T | Họ và tên          | Năm<br>sinh | Quan<br>hệ | Địa chỉ                                                      | Số CMND        | Ngày cấp   | Nơi<br>cấp | Số<br>lượng<br>cổ<br>phần<br>nắm<br>giữ |
|---------|--------------------|-------------|------------|--------------------------------------------------------------|----------------|------------|------------|-----------------------------------------|
| 1       | Trần Văn<br>Dung   | 1929        | Bố đẻ      | 26<br>Đường<br>Phi<br>Trường                                 | 010481351      | 2/21/1979  | Hà Nội     | 0                                       |
| 2       | Nguyễn<br>Oanh Nhi | 1938        | Mẹ đẻ      | 26<br>Đường<br>Phi<br>Trường                                 | 04813374       | 3/23/1988  | Hà Nội     | 0                                       |
| 3       | Ngô Minh<br>Sơn    | 1960        | Chồng      | 150, Tô<br>4,<br>Thượng<br>Thanh,<br>Long<br>Biên, Hà<br>Nội | 2A8E86118<br>2 | 11/15/2004 | Hà Nội     | 0                                       |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|   |                    |      |          |                                            |           |            |        |     |
|---|--------------------|------|----------|--------------------------------------------|-----------|------------|--------|-----|
| 4 | Ngô Minh Thu Trang | 1985 | Con ruột | 150, Tô 4, Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội | 012533374 | 6/19/2002  | Hà Nội | 0   |
| 5 | Trần Bích Hằng     | 1959 | Chị ruột | Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội                | 011392674 | 10/24/2003 | Hà Nội | 0   |
| 6 | Trần Mạnh Tiến     | 1966 | Em ruột  | Tô 6, khối 10, Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội | 011364593 | 6/11/2003  | Hà Nội | 0   |
| 7 | Trần Công Thành    | 1972 | Em ruột  | Tô 6, khối 10, Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội | 011879646 | 10/31/2008 | Hà Nội | 898 |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

**Họ và tên:** PHẠM THỊ THƠM - Thành viên Ban kiểm soát

**Giới tính:** Nữ

**Ngày tháng năm sinh:** 05/02/1969

**Nơi sinh:** Xã Yên Từ - huyện Yên Mô – tỉnh Ninh Bình

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Số CMND:** 012468828 cấp ngày: 10/09/2001 do Công an TP. Hà Nội

**Quê quán:** Xã Yên Từ - huyện Yên Mô – tỉnh Ninh Bình

**Địa chỉ thường trú:** Số nhà 33 ngõ 12 - Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Số điện thoại liên lạc:

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

| Thời gian           | Quá trình công tác                                                              |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 10/1986 đến 10/1990 | Sinh viên trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng (nay là Học viện Ngân hàng Hà Nội) |
| 03/1991 đến 09/2001 | Nhân viên Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Hà Nội                                    |
| 10/2001 đến 09/2003 | Phó phòng Kế toán Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Hà Nội                            |
| 10/2003 đến 12/2005 | Trưởng phòng Kế toán Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Hà Nội                         |
| 01/2006 đến 10/2006 | Chuyên viên phòng Chế độ Vụ Kế toán - Tài chính NHNN VN                         |
| 11/2006 đến 12/2008 | Phó phòng Chế độ Vụ Kế toán - Tài chính NHNN VN                                 |
| 01/2009 đến nay     | Trưởng phòng Chế độ Vụ Kế toán - Tài chính NHNN VN                              |
| 06/2009 đến nay     | Ủy viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam                       |

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng Chế độ Vụ Kế toán - Tài chính NHNN VN

Số cổ phần bản thân nắm giữ: 0 cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên       | Năm sinh | Quan hệ  | Địa chỉ             | Số CMND     | Ngày cấp   | Nơi cấp              | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|-----------------|----------|----------|---------------------|-------------|------------|----------------------|--------------------------|
| 1   | Phạm Cân        | -        | Bố đẻ    | Đã mất              |             |            |                      |                          |
| 2   | Phạm Thị Khuya  | 1927     | Mẹ đẻ    | Yên Mô, Ninh Bình   |             |            |                      | 0                        |
| 3   | Kim Đức Cường   | 1962     | Chồng    | Đống Đa, Hà Nội     | 011501394   | 6/22/2002  | Hà Nội               | 0                        |
| 4   | Kim Đức Minh    | 1995     | Con ruột | Đống Đa, Hà Nội     | Còn nhỏ     |            |                      | 0                        |
| 5   | Kim Hương Thảo  | 1999     | Con ruột | Đống Đa, Hà Nội     | Còn nhỏ     |            |                      | 0                        |
| 6   | Phạm Anh Tuấn   | 1948     | Anh ruột | Duy Tiên, Hà Nam    | 168011170   | 11/6/2007  | Hà Nam               | 0                        |
| 7   | Phạm Thị Hoa    | 1951     | Chị ruột | Đống Đa, Hà Nội     | 011765113   | 5/8/1992   | Hà Nội               | 0                        |
| 8   | Phạm Ngọc Chung | 1952     | Anh ruột | Đống Đa, Hà Nội     | 011414881   | 10/11/1999 | Hà Nội               | 0                        |
| 9   | Phạm Tiến Thực  | 1954     | Anh ruột | Đống Đa, Hà Nội     | 011644900   | 1/7/1998   | Hà Nội               | 0                        |
| 10  | Phạm Đức Tân    | 1956     | Anh ruột | Bỉm Sơn, Thanh Hoá  | 172647496   | 7/27/2005  | Thanh Hoá            | 0                        |
| 11  | Phạm Ngọc Thanh | 1958     | Anh ruột | Tam Điệp, Ninh Bình | 160897041   | 2/12/1979  | Hà Nam Ninh          | 0                        |
| 12  | Phạm Thị Ngọ    | 1960     | Chị ruột | Bà Rịa Vũng Tàu     | 273482077   | 1042009    | Bà Rịa Vũng Tàu      | 0                        |
| 13  | Phạm Thử Tám    | 1964     | Anh ruột | Đống Đa, Hà Nội     | 58B8D960341 | 7/28/1985  | Bình chủng thông tin | 0                        |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

**Họ và tên:** VŨ THỊ BÍCH HỒNG - Ủy viên Ban kiểm soát

**Giới tính:** Nữ

**Ngày tháng năm sinh:** 01/06/1960

**Nơi sinh:** Thái Bình

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Số CMND:** 010451209 cấp ngày: 25/8/2009 do Công an TP. Hà Nội

**Quê quán:** Thái Bình

**Địa chỉ thường trú:** P204 C9 Khu tập thể Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

**Số điện thoại liên lạc:** 0913 239517

**Trình độ văn hoá:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ ngành Tài chính ngân hàng năm 1997

**Quá trình công tác:**

| Thời gian         | Quá trình công tác                                                          |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 10/1978 - 10/1982 | Sinh viên lớp Kế toán Ngân hàng K20 Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà nội |
| 02/1983 - 10/1993 | Cán bộ phòng Kế hoạch tổng hợp, phòng TDTN Chi nhánh NHCT Khu vực Ba Đình   |
| 11/1993 - 02/2001 | Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ Chi nhánh NHCT Khu vực Ba Đình                |
| 03/2001 - 04/2010 | Phó giám đốc NHTMCPCTVN - Chi nhánh Nam Thăng Long                          |
| 05/2010 - 04/2013 | Phó phòng Kiểm toán giám sát hoạt động Trụ sở chính NHTMCPCT Việt Nam       |
| 04/2013 - nay     | Ủy viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP CTVN                                   |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân nắm giữ: **14.272** cổ phần

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 14.272 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000437% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: **5.795** cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,000177% vốn điều lệ.

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên     | Năm sinh | Quan hệ  | Địa chỉ                                            | Số CMND   | Ngày cấp | Nơi cấp | Số lượng cổ phần nắm giữ |
|-----|---------------|----------|----------|----------------------------------------------------|-----------|----------|---------|--------------------------|
| 1   | Vũ Văn Vui    | 1926     | Bố đẻ    | Đã mất                                             |           |          |         |                          |
| 2   | Đinh Thị Hiền | 1933     | Mẹ đẻ    | Khu TT Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Cầu giấy, Hà nội | 012313233 |          | Hà Nội  | 0                        |
| 3   | Vũ Dũng       | 1952     | Anh trai | Khu TT Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Cầu giấy, Hà nội | 012546387 |          | Hà Nội  | 0                        |
| 4   | Vũ Tuyết Mai  | 1963     | Em gái   | Khu TT Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Cầu giấy, Hà nội | 010574693 |          | Hà Nội  | 0                        |
| 5   | Vũ Thanh Hà   | 1964     | Em trai  | Khu TT Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Cầu giấy, Hà nội | 012313361 |          | Hà Nội  | 4.230                    |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|   |                  |      |          |                                            |           |           |        |       |
|---|------------------|------|----------|--------------------------------------------|-----------|-----------|--------|-------|
| 6 | Vũ Thị Kim Cúc   | 1967 | Em gái   | C7b Khu TT Nghĩa Tân, Cầu giấy, Hà nội     | 011811346 |           | Hà Nội | 1.564 |
| 7 | Nguyễn Hoàng Anh | 1958 | Chồng    | P204 C9 Khu TT Thành Công, Ba Đình, Hà Nội | 010397784 | 8/25/2009 | Hà Nội | 0     |
| 8 | Nguyễn Anh Vũ    | 1988 | Con trai | P204 C9 Khu TT Thành Công, Ba Đình, Hà Nội | 012495414 |           | Hà Nội | 0     |
| 9 | Nguyễn Hồng Vân  | 1997 | Con gái  | P204 C9 Khu TT Thành Công, Ba Đình, Hà Nội | Chưa có   |           | Hà Nội | 1     |

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

## 14. Tài sản

Bảng chỉ tiêu trên (Bảng 19) cho thấy trong giai đoạn 2010 – 2012, VietinBank đã có sự tăng trưởng cả về quy mô và kết quả hoạt động kinh doanh, cụ thể:

**Bảng 20: Tăng trưởng về quy mô và kết quả hoạt động kinh doanh của VietinBank 2010 – 2012 và Quý II/2013**

|                               | 2010  | 2011  | 2012  | Quý II/2013 |
|-------------------------------|-------|-------|-------|-------------|
| % tăng trưởng Vốn Chủ sở hữu  | 44,8% | 56,5% | 18,0% | 42,7%       |
| % tăng trưởng Tổng tài sản có | 50,8% | 25,2% | 9,4%  | 3,8%        |
| % tăng trưởng huy động vốn    | 54,1% | 23,9% | 9,3%  | 0,0%        |
| % tăng trưởng dư nợ cho vay   | 43,5% | 25,3% | 13,6% | 0,4%        |

Nguồn: VietinBank

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Về quy mô, tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu năm 2010 đạt 44,8%, năm 2011 tăng 56,5%, năm 2012 tăng 18%. Tốc độ tăng trưởng tài sản có bình quân hàng năm của VietinBank đạt trên 17%, đặc biệt năm 2010 tăng 50,8%. Tốc độ tăng trưởng huy động vốn bình quân hàng năm cũng đạt xấp xỉ 17%. Tỷ lệ an toàn vốn Car luôn được đảm bảo, đã có sự cải thiện từ 8,03% năm 2010 lên 13,84% vào Quý II/2013 và duy trì khá ổn định qua các năm ở mức >10%.

Về kết quả hoạt động kinh doanh, tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay bình quân giai đoạn 2010 - 2012 của VietinBank đạt trên 27%. Với tỷ lệ nợ nhóm 2, nợ xấu duy trì ở mức thấp, đặc biệt trong giai đoạn khó khăn của nền kinh tế năm 2012 và hiện nay, mặc dù chất lượng nợ 6 tháng đầu năm 2013 có diễn biến kém đi so với đầu năm. Tuy nhiên, VietinBank vẫn được đánh giá là ngân hàng có chất lượng tín dụng tốt nhất trong hệ thống NHTM. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân giai đoạn 2010-2012 đạt xấp xỉ 23

## Tài sản cố định theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2012

Đơn vị tính: triệu đồng

**Bảng 21: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2012**

| Chỉ tiêu                        | Nguyên giá       | Khấu hao         | Giá trị còn lại  |
|---------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| <b>Tài sản cố định hữu hình</b> | <b>6.676.954</b> | <b>3.705.916</b> | <b>2.971.038</b> |
|                                 | 1.950.223        | 568.974          | 1.381.249        |
| Máy móc thiết bị                | 3.830.342        | 2.636.346        | 1.193.996        |
| Phương tiện vận chuyển          | 738.073          | 405.859          | 332.214          |
| Tài sản cố định khác            | 158.316          | 94.737           | 63.579           |
| <b>Tài sản cố định vô hình</b>  | <b>2.643.702</b> | <b>338.087</b>   | <b>2.305.615</b> |
| Tiền thuê đất                   |                  |                  |                  |
| Quyền sử dụng đất               | 2.217.168        | 63.341           | 2.153.827        |
| Phần mềm kế toán                | 426.476          | 274.728          | 151.748          |
| Tài sản vô hình khác            | 58               | 18               | 40               |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 2012 VietinBank

## 14.1. Tình hình quản lý và sử dụng đất

Tổng diện tích đất VietinBank hiện đang quản lý, sử dụng tính đến thời điểm 30/6/2013 là: 699.679 m<sup>2</sup>, được chi tiết như sau:

| Bảng 22: Tình hình quản lý và sử dụng đất  |           |                             |
|--------------------------------------------|-----------|-----------------------------|
| Hình thức sử dụng đất                      | Số vị trí | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
| Đất thuê trả tiền hàng năm                 | 279       | 286.721                     |
| Đất thuê trả tiền một lần                  | 20        | 51.303                      |
| Đất giao có thời hạn                       | 53        | 78.540                      |
| Đất giao lâu dài                           | 118       | 189.930                     |
| Đất có nguồn gốc đất ở dân cư              | 102       | 38.591                      |
| Đất sử dụng chung thuộc dự án nhà cao tầng |           | Chưa xác định               |
| Nhà, đất ngoài lãnh thổ Việt Nam           |           | 2.687                       |
| Chưa xác định được hình thức sử dụng đất   | 43        | 77.462                      |

Nguồn: VietinBank

| Bảng 23: Một số khu đất chính do VietinBank đang sở hữu |                                                  |                             |
|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------|
| Đơn vị quản lý, sử dụng                                 | Địa chỉ                                          | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
| NHCTVN                                                  | 108 đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. | 1.023,0                     |
| NHCTVN                                                  | Đất tại Ciputra                                  | 29.932,0                    |
| NHCTVN                                                  | 25 Lý Thường Kiệt                                | 2.850,0                     |
| NHCTVN                                                  | Đất Vân Canh                                     |                             |
| NHCTVN                                                  | Đất Láng Hòa Lạc                                 |                             |
| NHCTVN                                                  | 17-19 Mainstrasse Russelsheim, CHLB Đức          | 205,0                       |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|                |                                                                                           |          |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| NHCTVN         | 183 Nguyễn Lương Bằng                                                                     |          |
| NHCTVN         | TTTM Hoàng Thành-114 Mai Hắc Đế, HN                                                       |          |
| NHCTVN         | TTTM SunRice City, TP HCM                                                                 |          |
| NHCTVN         | 44 Molendorff, Berlin, Đức                                                                | 683,0    |
| NHCTVN         | 38-42 Josep-Orlopp, Berlin, Đức                                                           | 1.799,0  |
| Lào            | Khách sạn RAMAYANA                                                                        |          |
| VP HCM         | Đất B5 P.Tân Tiến Biên Hoà Đồng Nai                                                       | 33.147,4 |
| VP HCM         | Đất B5 P.Tân Tiến Biên Hoà Đồng Nai                                                       | 7.455,6  |
| VP Miền Trung  | 36 Trần Quốc Toản - P. Hải Châu 1 - Q. Hải Châu -<br>Tp. Đà Nẵng                          | 1.404,0  |
| Hoàn Kiếm      | 35 Hàng Bồ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội                                                          | 178,8    |
| Ba Đình        | 126 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội.                                                        | 1.076,8  |
| Đống Đa        | 187 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội                                                    | 1.167,0  |
| Thanh Xuân     | Khu Nội chính - Thanh Xuân TSC NHCT                                                       | 1.500,0  |
| Chương Dương   | 32/298 đường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội                                             | 4.314,6  |
| Chương Dương   | Khu đất tại số 1 Nguyễn Văn Linh, xã Gia Thụy,<br>huyện Gia Lâm, Hà Nội (ngã ba Cầu Chui) | 1.374,0  |
| Bắc Hà Nội     | 441 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận<br>Long Biên, Hà Nội.                         | 1.659,0  |
| Đông Hà Nội    | 284 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện<br>Gia Lâm, Hà Nội.                        | 1.314,0  |
| Hoàng Mai      | Quyền sử dụng đất đấu giá, tại khu đô Đền Lừ                                              | 4.680,0  |
| Nam Thăng Long | 117A đường Hoàng Quốc Việt.                                                               | 887,0    |
| Hai Bà Trưng   | 285 đường Trần Khát Chân, Hai Bà Trưng, Hà Nội.                                           | 1.485,3  |
| Đông Anh       | Khối I, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà                                             | 762,0    |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|             |                                                                                            |         |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|             | Nội.                                                                                       |         |
| Đông Anh    | Thửa đất số II-9, tờ bản đồ số 00, khu dự thị mới, Thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội | 1.500,0 |
| Tây Hà Nội  | 72 đường Hồ Tùng Mậu, huyện Từ Liêm, Hà Nội.                                               | 143,0   |
| Hải Phòng   | 36 đường Điện Biên Phủ, Thành phố Hải Phòng.                                               | 850,0   |
| Tô Hiệu     | 116 đường Tô Hiệu, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.                                      | 473,0   |
| Đồ Sơn      | 193 Lý Thánh Tông, Đồ Sơn, Hải Phòng                                                       | 4.304,7 |
| Lê Chân     | 124 Nguyễn Đức Cảnh                                                                        | 2.870,7 |
| Hồng Bàng   | 90 Trần Quang Khải                                                                         | 845,0   |
| Kiến An     | 83 Trần Thành Ngọ, quận Kiến An                                                            | 3.149,4 |
| Yên Bái     | Tổ 12, phường Yên Thịnh, Yên Bái                                                           | 2.400,0 |
| Yên Bái     | Trụ sở chính CN (Mới 2012)                                                                 | 1.769,2 |
| Bắc Kạn     | 15 đường Trường Chinh, Tx Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn                                            | 1.297,0 |
| Lào Cai     | Đất Cam Đường                                                                              | 3.598,0 |
| Lào Cai     | 7 Hoàng Liên, P.Cốc Lếu, Lào Cai                                                           | 884,5   |
| Cao Bằng    | 64 đường Hoàng Đình Giong, phường Hợp Giang, TX Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng                    | 1.104,0 |
| Sơn La      | Ngã tư Nguyễn Lương Bằng phố 3/2 - TP.Sơn La                                               | 2.190,0 |
| Lạng Sơn    | 51 Lê Lợi, P.Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.                                 | 1.702,6 |
| Thái Nguyên | 62 Hoàng Văn Thụ                                                                           | 1.500,0 |
| Sông Công   | 1 đường Thắng Lợi, phường Mỏ Chè, TX Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.                          | 3.316,0 |
| Lưu Xá      | 656/1đường CMT8, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên.                                       | 2.087,0 |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|              |                                                                                                               |         |
|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| Phú Thọ      | 1514 Hùng Vương                                                                                               | 2.288,0 |
| Hùng Vương   | 806 đại lộ Hùng Vương, P. Thanh Miếu, TP Việt Trì                                                             | 1.342,0 |
| TX Phú Thọ   | 01 Phú An, phường Phong Châu, Thị xã Phú Thọ                                                                  | 4.951,0 |
| Vĩnh Phúc    | 4 Ngô Quyền Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc                                                                               | 4.433,2 |
| Đền Hùng     | Trụ sở chính tại xã Vân Phú, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ                                                 | 2.493,0 |
| Hòa Bình     | 186 đường Cù Chính Lan, phường Phương Lâm, Hoà bình                                                           | 1.042,2 |
| Phúc Yên     | 4 đường Trần Hưng Đạo, Trưng Trắc, TX. Phúc Yên, Vĩnh Phúc                                                    | 920,0   |
| Bình Xuyên   | Trụ sở chính tại thị trấn Hương Canh Bình Xuyên                                                               | 9.600,0 |
| Quang Minh   | Trụ sở chính tại xứ đồng Mé Tây (Khu công nghiệp Quang Minh) - xã Quang Minh - huyện Mê Linh - tỉnh Vĩnh Phúc | 2.160,0 |
| Bắc Giang    | 45 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang.                                                       | 2.465,0 |
| Bắc Ninh     | 31 đường Nguyễn Đăng Đạo                                                                                      | 2.225,0 |
| Tiên Sơn     | Trụ sở chính tại Đồng Nguyên, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh.                                                         | 2.476,0 |
| KCN Tiên Sơn | Trụ sở tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.                                                           | 2.366,6 |
| Quế Võ       | Đất trong khu công nghiệp Quế Võ                                                                              | 3.000,0 |
| Quảng Ninh   | 25/4 TP. Hạ long, Q.Ninh                                                                                      | 1.508,6 |
| Cầm Phả      | 376 Trần Phú, Cầm Trung, Cầm Phả, Quảng Ninh                                                                  | 2.351,0 |
| Uông Bí      | 446 Quang Trung, Thị xã Uông Bí                                                                               | 2.288,3 |
| Bãi Cháy     | Trụ sở tại đường Hạ Long, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh.                                                      | 1.461,2 |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|               |                                                                                                                       |         |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| Móng Cái      | 01 Hữu Nghị                                                                                                           | 982,4   |
| Hà Tây        | 269 đường Quang Trung, Hà Đông, Hà Tây                                                                                | 1,000,0 |
| Sông Nhuệ     | 10 Ngô Quyền, Hà Đông, Hà Tây                                                                                         | 1.060,0 |
| Quang Trung   | 104 đường Trần Phú, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Tây.                                                                          | 574,0   |
| Quang Trung   | Tòa nhà WESTA thuộc khu dự thị Mỗ Lao, quận Hà Đông, Tp Hà Nội từ tầng 1-5 thuộc khối nhà B-21 tầng                   | 2.187,0 |
| Láng Hòa Lạc  | 3 khu Tân Bình, thị trấn Xuân Mai - huyện Chương Mỹ - Hà Nội (Hà Tây)                                                 | 594,0   |
| Hải Dương     | 1 đường Hồng Quang, phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương                                                           | 1.781,0 |
| Hưng Yên      | 1 đường Điện Biên, phường Lê Lợi, Thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Hiện tại, đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp. | 1.257,0 |
| Mỹ Hào        | Khu đất thuê tại Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào                                                                  | 3.476,0 |
| Mỹ Hào        | Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Công thương Mỹ Hào, Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào                                    | 630,0   |
| Nhị Chiểu     | 388, Thị trấn Phù Thù, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương                                                                 | 2.159,0 |
| KCN Hải Dương | TS CN kiêm kho Đường Đức Minh, phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương                                 | 2.960,0 |
| Thái Bình     | Phòng giao dịch Lê Hồng Phong, số 57 phố Hai Bà Trưng, Thành phố Thái Bình                                            | 2.522,3 |
| Thái Bình     | 190 đường Hai Bà Trưng, Thành phố Thái Bình                                                                           | 1.698,9 |
| Diêm Điền     | Khu 5 Thị trấn Diêm Điền                                                                                              | 383,0   |
| Nam Định      | 119 đường Quang Trung, phường Quang Trung,                                                                            | 2.926,5 |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|                |                                                                                          |         |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                | Thành phố Nam Định                                                                       |         |
| TP Nam Định    | 01 Máy Tơ, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định                                      | 1.011,6 |
| Hà Nam         | Trụ sở mới tại đường Lê Hoàn (Quốc lộ 1A), phường Quang Trung, Thị xã Phủ Lý             | 2.507,6 |
| Ninh Bình      | Trụ sở chính tại đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 1A), phường Vân Giang, thành phố Ninh Bình | 1.543,3 |
| Tam Điệp       | 17 P.Trung Sơn                                                                           | 1.579,0 |
| Thanh Hóa      | 17 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa                                 | 4.661,0 |
| Sầm Sơn        | Trụ sở chính Phố Tài Lộc Phường trường Sơn                                               | 1.170,7 |
| Bỉm Sơn        | 169 đường Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn                                       | 5.434,0 |
| Hà Tĩnh        | 82 Phan Đình Phùng, TP Hà Tĩnh                                                           | 1.981,2 |
| Cửa Lò         | 62 đường Bình Minh, TX.Cửa Lò, Nghệ An                                                   | 4.900,0 |
| Bến Thủy       | 229 Lê Duẩn                                                                              | 2.467,7 |
| Bắc Nghệ An    | Trụ sở chính - Xá Quỳnh Vinh, Huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An                                   | 3.809,2 |
| Quảng Trị      | 236 H.Vương - Đông Hà Quảng Trị                                                          | 1.860,0 |
| Thừa Thiên Huế | 2 Lê Quý Đôn, phường Phú Hội, Thành phố Huế                                              | 2.887,0 |
| Phú Bài        | Khu 8 TT Phú Bài, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên Huế                                       | 2.987,0 |
| Quảng Bình     | 50 Lý Thường Kiệt                                                                        | 3.844,9 |
| Đà Nẵng        | Số 172 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng                                                      | 1.958,5 |
| Quảng Nam      | 22 Phan Bội Châu, Tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam                                              | 3.198,1 |
| Hội An         | 4 Hoàng Diệu - Hội An                                                                    | 2.001,0 |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|              |                                                                                           |         |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| Ngũ Hành Sơn | 49 Ngũ Hành Sơn - Tp. Đà Nẵng                                                             | 1.496,7 |
| Bắc Đà Nẵng  | 381 Nguyễn lương Bằng, Q.Liền Chiểu. Đà Nẵng                                              | 5.289,0 |
| Gia Lai      | 01 Trần Hưng Đạo - Tp. Pleiku - tỉnh Gia Lai                                              | 1.252,0 |
| Đắc Lắc      | 35 Nguyễn Tất Thành, phường Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột                                    | 3.426,7 |
| Bình Phước   | 622 Quốc lộ 14 - Phường Tân Phú, TX Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước                            | 3.640,0 |
| Đắc Nông     | 115 Bà Triệu, P. Nghĩa Thành, Txã Gia Nghĩa, tỉnh Đắc Nông                                | 500,0   |
| Kon Tum      | 92 Trần Phú, phường Thắng Lợi, tỉnh Kontum                                                | 1.013,0 |
| Quảng Ngãi   | 97 Hùng Vương - P. Trần Hưng Đạo - Tp. Quảng Ngãi                                         | 1.339,4 |
| Quảng Ngãi   | Trung tâm tài chính - Thương mại NHCT-CNQN                                                | 5.015,0 |
| Bình Định    | 257 Lê Hồng Phong, Tp. Quy Nhơn                                                           | 550,0   |
| Phú Tài      | Trụ sở chính - đường Hùng Vương, phường Trần Quang Diệu, Tp. Quy Nhơn                     | 508,4   |
| Phú Yên      | 236 Hùng Vương, phường 7, Tp. Tuy Hoà                                                     | 1.950,0 |
| Khánh Hòa    | 04 Hoàng Hoa Thám - P. Vạn Thạnh - Tp. Nha Trang                                          | 1.728,2 |
| Bình Thuận   | 2 Nguyễn Tất Thành, phường Bình Hưng, TP.Phan Thiết                                       | 2.972,4 |
| Ninh Thuận   | Đất đền bù giải phóng mặt bằng để XD TSC tại đường 16/4, Xã Mỹ Hải Phan Rang - Ninh Thuận | 3.482,4 |
| Lâm Đồng     | 01 Lê Đại Hành - Tp. Đà Lạt                                                               | 1.041,5 |
| Bảo Lộc      | 03 đường 28/3, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng                                              | 757,0   |
| Di Linh      | 616 Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh,                                          | 1.433,0 |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|                |                                                                                                     |         |
|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                | tỉnh Lâm Đồng                                                                                       |         |
| Bình Dương     | 330 Đại Lộ Bình Dương - Thị Xã Thủ Dầu Một                                                          | 5.118,7 |
| Tây Ninh       | 145 đường 30/4 - P.1 - TX Tây Ninh                                                                  | 2.161,7 |
| Hòa Thành      | 77 (số cũ 154/3) Đường Phạm Văn Đồng, khu phố 2, thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh | 329,7   |
| Trảng Bàng     | QL22 ấp An Bình An Tịnh Trảng Bàng Tây Ninh                                                         | 1.330,3 |
| Đồng Nai       | 77D Hưng Đạo Vương, P. Trung Dũng, TP Biên Hoà                                                      | 1.081,5 |
| Nhon Trạch     | Đường 25 B, Lô đất tại xã Phú Hội, huyện Nhon Trạch                                                 | 2.583,0 |
| Châu Thành     | Đường ĐT 827A Khóm 1, TT Tầm Vu                                                                     | 520,2   |
| Bến Lức        | 234 Vừ Cưng Tồn, TT Bến Lức, Long An                                                                | 456,7   |
| Đồng Tháp      | 87 Nguyễn Huệ - P1- TX Cao Lãnh - Đồng Tháp                                                         | 2.696,1 |
| Sa Đéc         | 209A Trần Hưng Đạo, TX Sa Đéc, Đồng Tháp                                                            | 1.878,0 |
| An Giang       | 270 Lý Thái Tổ, Long Xuyên, An Giang                                                                | 1.007,0 |
| Châu Đốc       | 68-70 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Châu Phú A - Châu Đốc                                                 | 176,4   |
| Tiền Giang     | 15B Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Mỹ Tho - Tiền Giang                                                         | 2.473,0 |
| Tây Tiền Giang | 560 Quốc lộ 1A, thị xó Cai Lậy, Tiền Giang                                                          | 788,0   |
| Bến Tre        | 142 Nguyễn Đình Chiểu, TX Bến Tre                                                                   | 795,5   |
| Vĩnh Long      | 1C Hoàng Thái Hiếu A                                                                                | 1.222,2 |
| Vĩnh Long      | 1C Hoàng Thái Hiếu B (sân sau TSCN)                                                                 | 723,5   |
| Cần Thơ        | 09 Phan Đình Phùng, TP.Cần Thơ                                                                      | 1.161,0 |
| Hậu Giang      | số 57, đường 3/2, phường 5, thành phố Vị Thanh, Hậu Giang                                           | 3.987,5 |
| Sóc Trăng      | 24C Trần Hưng Đạo, khóm 1, P2, TP Sóc Trăng                                                         | 1.925,3 |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|                |                                                        |         |
|----------------|--------------------------------------------------------|---------|
| Kiên Giang     | 63 Lê Lợi, TX Rạch Giá, Kiên Giang                     | 308,2   |
| Cà Mau         | 94 Lý Thường Kiệt                                      | 1.777,7 |
| Vũng Tàu       | 10 Trưng Trắc, Tp. Vũng Tàu                            | 1.182,3 |
| KCN Bình Dương | 148, 20 Độc lập, KCN Sóng Thần 1, Huyện Dĩ An          | 3.652,0 |
| KCN Bình Dương | 149, 20 Độc lập, KCN Sóng Thần 1, Huyện Dĩ An          | 3.304,0 |
| CN1            | 93-95 Hàm Nghi                                         | 1.167,0 |
| CN2            | 222-224 Phan Đình Phùng, Q.4, Tp. HCM                  | 425,0   |
| CN3            | 461-463 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3                         | 185,0   |
| CN4            | 57-59 Bến Vân Đồn P.12, Q.4 TP HCM                     | 1.650,0 |
| Nam Sài Gòn    | D1-12 và D1-13 Phỹ Mỹ Hưng                             | 222,0   |
| Nhà Bè         | KCN Hiệp Phước                                         | 4.592,8 |
| CN5            | 218 Trần Hưng Đạo Quận 5 TP.HCM                        | 425,7   |
| CN6            | 76-79-80 Tháp Mười                                     | 238,8   |
| Bình Tân       | Lô 20 đường Song Hành, khu Công nghiệp Tân Tạo, TP.HCM | 3.083,0 |
| CN7            | 346 Bùi Hữu Nghĩa, Q.Bình Thạnh                        | 877,8   |
| CN7            | 348 Bùi Hữu Nghĩa, Q.Bõnh Thạnh                        | 55,8    |
| CN7            | 350 Bùi Hữu Nghĩa, Q.Bõnh Thạnh                        | 131,0   |
| CN8            | 196-202 Hưng Phú, Quận 8, TP.HCM                       | 578,5   |
| CN8            | Khu đất số 1073 Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8        | 863,3   |
| CN9            | 01 Nguyễn Oanh, quận Gò Vấp, TP.HCM                    | 1.058,0 |
| CN11           | 1445-1449 đường 3/2, Q.11, TP.HCM                      | 285,8   |
| CN12           | 366 Trường Chinh, Q. Tân Bình, TP.HCM                  | 2.525,0 |
| Tân Bình       | 39 Lý Thường Kiệt, Q. Tân Bình, TP.HCM                 | 162,0   |
| Thủ Đức        | 01 Võ Văn Ngân - Q.Thủ Đức - TP.HCM                    | 390,0   |

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



|          |                                                                         |         |
|----------|-------------------------------------------------------------------------|---------|
| Củ Chi   | Số 100, tỉnh lộ 8 - khu phố 2, Thị trấn Củ Chi,<br>Huyện Củ Chi, TP HCM | 2.000,0 |
| Trà Vinh | 15 Điện Biên Phủ - TX Trà Vinh                                          | 664,8   |

Nguồn: VietinBank

Ghi chú: Các vị trí chưa có diện tích do chưa đo đạc cụ thể.

## 15. Chiến lược của NHTMCP Công thương Việt Nam

### 14.1. Mục tiêu chiến lược tổng thể:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tập trung đổi mới, tái cấu trúc toàn diện ngân hàng theo hướng hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế, nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh; phấn đấu trở thành tập đoàn tài chính ngân hàng hiện đại, hiệu quả trong khu vực; giữ vai trò chủ lực và trụ cột trong sự nghiệp phát triển nền kinh tế.

### 14.2. Mục tiêu chiến lược cụ thể:

#### *Chiến lược Tài sản và Vốn*

- Tiếp tục tăng quy mô tài sản hàng năm trung bình 12 – 17 %;

#### *Chiến lược Tín dụng và đầu tư*

- Tín dụng là hoạt động kinh doanh chủ lực, cạnh tranh theo nguyên tắc thị trường;
- Điều chỉnh cơ cấu tín dụng hợp lý, phù hợp với thế mạnh của VietinBank;
- Tăng cường hạn chế rủi ro tín dụng, bảo đảm tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ dưới 3%;
- Đa dạng hóa các hoạt động đầu tư tín dụng trên thị trường tài chính, giữ vai trò định hướng dẫn dắt thị trường, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và quản lý thanh khoản của ngân hàng.

#### *Chiến lược dịch vụ*

- Phát triển đa dạng các dịch vụ ngân hàng thu phí, xác định nhóm dịch vụ mũi nhọn để tập trung phát triển;
- Dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại để phát triển dịch vụ, lấy mức độ thỏa mãn nhu cầu khách hàng là định hướng phát triển.

#### *Chiến lược nguồn nhân lực*

- Tiêu chuẩn hóa nguồn lực, tăng cường đào tạo nâng cao năng lực trình độ của cán bộ;
- Đổi mới và hoàn thiện cơ chế sử dụng lao động và cơ chế trả lương;
- Xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực và chuyên nghiệp;

#### *Chiến lược công nghệ*

- Coi ứng dụng công nghệ thông tin là yếu tố then chốt, hỗ trợ mọi hoạt động phát triển kinh doanh;
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, an toàn, có tính thống nhất - tích hợp - ổn định cao.

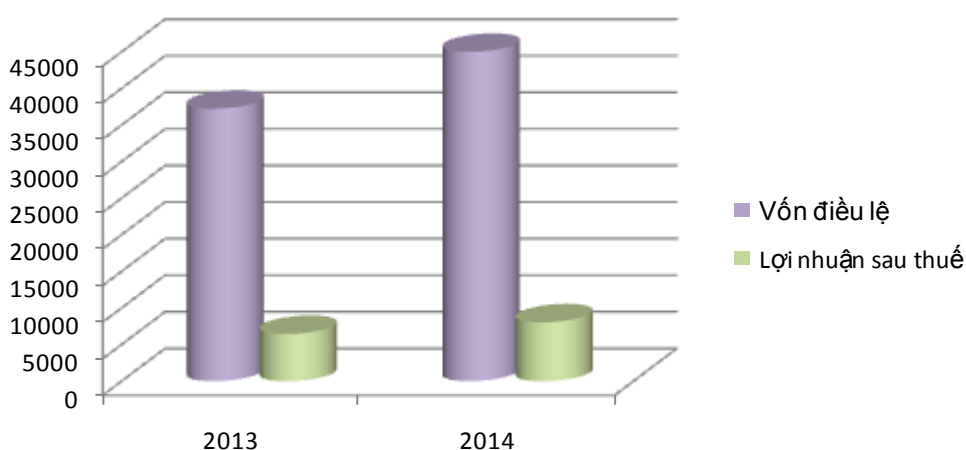
#### *Chiến lược bộ máy tổ chức và điều hành*

- Điều hành bộ máy tổ chức với cơ chế phân cấp rõ ràng, hợp lý;
- Phát triển và thành lập mới các công ty con theo định hướng cung cấp đầy đủ các sản phẩm dịch vụ tài chính ra thị trường;
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh, thành lập mới chi nhánh, phát triển mạnh mẽ mạng lưới các phòng giao dịch rộng khắp các tỉnh thành phố trong cả nước;
- Phát triển mạnh hệ thống ngân hàng bán lẻ.

## 16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của VietinBank trong giai đoạn 2013-2014 như sau:

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức này được dựa trên những điều kiện thực tế và tình hình mới sau cổ phần hóa

**Hình 30: Vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế của VietinBank giai đoạn 2013 – 2014**



Nguồn: Vietinbank

Đơn vị tính: Tỷ đồng

**Bảng 24: Dự kiến kế hoạch lợi nhuận và cổ tức VietinBank 2013-2014**

| Chỉ tiêu                                          | 2013   |         |                     | 2014    |                     |
|---------------------------------------------------|--------|---------|---------------------|---------|---------------------|
|                                                   | 2012   | Giá trị | % tăng/giảm so 2012 | Giá trị | % tăng/giảm so 2013 |
| Vốn điều lệ đầu năm                               | 26,220 | 26,220  | 0%                  | 37,235  | 42%                 |
| Vốn điều lệ cuối năm (**)                         | 26,218 | 37,235  | 42%                 | 45,000  | 21%                 |
| Vốn điều lệ bình quân                             | 26,219 | 31,728  | 21%                 | 42,766  | 30%                 |
| Lợi nhuận trước thuế                              | 8,168  | 8,600   | 5%                  | 10,300  | 20%                 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                        | 2,042  | 2,150   | 5%                  | 2,266   | 5%                  |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)                   | 6,126  | 6,450   | 5%                  | 8,034   | 25%                 |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bình quân(%) | 23.4%  | 20.3%   |                     | 18.8%   |                     |
| Tỷ lệ cổ tức (%)                                  | 16.0%  | 12.0%   |                     | 13.0%   |                     |

Nguồn: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam

**Ghi chú:** (\*\*) Chi tiết về kế hoạch tăng vốn

# TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Việc tăng vốn điều lệ năm 2013 của NHCT được thực hiện theo trình tự sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

**Bảng 25: Dự kiến quá trình tăng vốn giai đoạn 2013-2014**

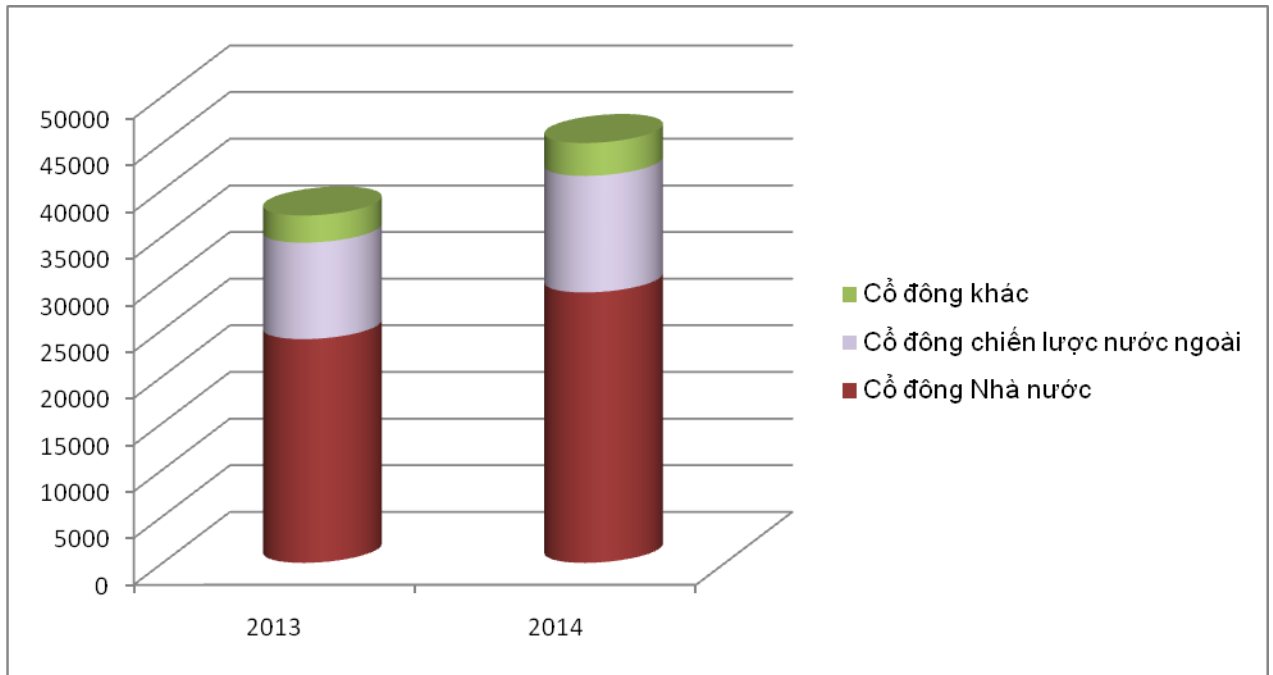
| Khoản mục                                     | 2013   | 2014   |
|-----------------------------------------------|--------|--------|
| Vốn điều lệ đầu năm                           | 26,220 | 37,235 |
| Trong đó: Chia cổ tức bằng cổ phiếu           | 4,571  | 4,468  |
| Phát hành cho cổ đông chiến lược nước ngoài   | 6,444  | 0      |
| Vốn điều lệ đến cuối năm                      | 37,235 | 45,000 |
| Tỷ lệ sở hữu nhà nước                         | 64.46% | 64.46% |
| Tỷ lệ sở hữu cổ đông khác                     | 7.78%  | 7.78 % |
| Tỷ lệ sở hữu cổ đông chiến lược nước ngoài    | 27.76% | 27.76% |
| Giá trị vốn của nhà nước                      | 24,002 | 29,007 |
| Giá trị vốn của cổ đông khác                  | 2,897  | 3,501  |
| Giá trị vốn của cổ đông chiến lược nước ngoài | 10,336 | 12,492 |

Nguồn: VietinBank

- (1) Phát hành cổ phiếu mới cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài BTMU; (2) chia cổ tức của năm 2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ 16% (không bao gồm BTMU) đồng thời phát hành thêm cổ phần theo mệnh giá cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 14% trên Vốn điều lệ tại thời điểm phát hành (bao gồm BTMU)

*Tăng từ việc phát hành cho cổ đông chiến lược nước ngoài: Sau khi phát hành tăng vốn thành công 6,444 tỷ đồng cho cổ đông chiến lược nước ngoài BTMU, vốn điều lệ năm 2013 của NHCT VN tăng 5,987 tỷ so với năm 2012. Tỷ lệ sở hữu của cổ đông nhà nước giảm xuống còn 64.46%, của cổ đông chiến lược nước ngoài tăng lên 27.76% và cổ đông khác còn 7.78%.*

**Hình 31: Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ VietinBank giai đoạn 2013-2014**



Kế hoạch kinh doanh năm 2013 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 thông qua, theo đó lợi nhuận trước thuế dự kiến là 8,600 tỷ đồng. VietinBank quyết tâm sẽ hoàn thành và vượt kế hoạch này.

Qua các năm, VietinBank luôn đạt mức tăng trưởng cả về quy mô nguồn vốn cũng như các chỉ tiêu hoạt động, cụ thể:

- Nguồn vốn tăng trưởng đều qua các năm. Trong giai đoạn 2008 – 2012, nguồn vốn huy động tăng trưởng bình quân 28,3% mỗi năm. Vốn điều lệ cũng tăng trưởng mạnh, bình quân hàng năm 35,9%.
- Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân các năm từ 2008 – 2012 đạt 38,6%, đặc biệt là năm 2011, tăng gần gấp đôi lợi nhuận trước thuế năm 2010. Lợi nhuận sau thuế năm 2012 tăng 2.41 lần so với năm 2008, vượt 8.9% so với kế hoạch ĐHĐCĐ.
- Các chỉ tiêu tài chính cũng ngày càng được cải thiện, tỷ lệ an toàn vốn CAR tăng từ 8.06% năm 2009 lên 10.57% năm 2011. Năm 2012, tỉ lệ an toàn vốn của VietinBank đạt 10,33%
- Tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức thấp, trung bình 1,01% trong giai đoạn 2008-2011. Trong 3 năm từ 2009 đến 2011, tỷ lệ nợ xấu bình quân chỉ là 0.67%

Với tiềm năng của ngành ngân hàng còn lớn, VietinBank có nhiều cơ hội để phát triển và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng trong cả mảng dịch vụ truyền thống và các mảng dịch vụ mới. Kế hoạch thực hiện đã được ĐHCĐ thường niên năm 2013 thông qua với các nội dung chính sau đây:

## **Kế hoạch tín dụng**

Năm 2013, tín dụng tiếp tục được xác định là hoạt động kinh doanh chính của VietinBank. Trên cơ sở cạnh tranh theo nguyên tắc thị trường, NHCT tiến hành điều chỉnh cơ cấu tín dụng hợp lý, đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng ngắn hạn để cải thiện danh mục tín dụng, trong đó tích cực đẩy mạnh tăng cường tín dụng đối với các lĩnh vực trọng điểm, ngành nghề ưu tiên phù hợp với thế mạnh của ngân hàng. Thường xuyên dự báo, đánh giá tình hình kinh tế thị trường trong nước và thế giới để có định hướng tín dụng rõ ràng đối với từng nhóm khách hàng. Tích cực xây dựng và kiện toàn hệ thống chính sách quản lý rủi ro tín dụng, nâng cao chất lượng thẩm định khách hàng, thẩm định dự án, phương án vay vốn. Nâng cao năng lực quản trị điều hành, siết chặt kỷ cương tín dụng, thực hiện ba vòng kiểm soát tách biệt theo chuẩn Basel II góp phần kiểm soát và duy trì nợ tốt, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu dưới 3%.

## **Đầu tư vào giấy tờ có giá**

Vietinbank tiếp tục đa dạng hóa danh mục đầu tư trên thị trường vốn và thị trường tiền tệ. Nâng cao chất lượng công tác chấm điểm xếp hạng các định chế tài chính trên thị trường, xác lập hạn mức giao dịch phù hợp, đảm bảo an toàn trong hoạt động đầu tư liên ngân hàng. Chủ động phân tích dự báo diễn biến của thị trường tiền tệ để nắm bắt thời cơ kinh doanh giấy tờ có giá trên thị trường mua bán sơ cấp và thứ cấp, giữ vai trò một trong những ngân hàng tạo lập và có thị phần lớn trên thị trường trái phiếu Việt Nam.

## **Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm hoạt động đầu tư góp vốn vào các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác. Những hoạt động này nằm trong chiến lược phát triển của VietinBank và triển khai theo khả năng tài chính từng năm.

## **Kế hoạch phát triển mạng lưới**

Trong năm 2013, Vietinbank tiếp tục củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị mạng lưới; xem xét, sáp nhập giải thể các đơn vị hoạt động yếu kém, không có tiềm năng phát triển. Đẩy mạnh việc nâng cấp các chi nhánh nước ngoài thành các Ngân hàng con và khẩn trương triển khai các thủ tục mở rộng hoạt động mạng lưới chi nhánh tại Ba Lan, Séc, Anh... trong quý III/2013.

## **17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Là tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, VietinBankSc đã tiến hành thu thập thông tin, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý để đưa ra những đánh giá về hoạt động kinh doanh của VietinBank.

Trên cơ sở những thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu thực trạng hoạt động kinh doanh của VietinBank, VietinBankSc cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến năm 2013 của VietinBank là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, dựa trên các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Công ty. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với các nhà đầu tư.

**18. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức**

Không quá một (01) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

**19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có

**20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết**

Không có

## V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

### 1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 (mười nghìn) đồng/1 cổ phiếu

### 3. Tổng số cổ phần chào bán

Tổng số cổ phần chào bán: **457.300.000 cổ phần** (Bốn trăm năm mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn hai trăm linh tám cổ phần)

### 4. Đối tượng chào bán

Chào bán cho cổ đông hiện hữu: nhà đầu tư có tên trong danh sách cổ đông của VietinBank tại ngày chốt sanh sách cổ đông để nhận quyền mua cổ phần phát hành thêm.

### 5. Giá chào bán

Chào bán **457.300.000 cổ phần** cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 14% với giá 10.000/cổ phần (bằng mệnh giá).

### 6. Phương pháp tính giá

#### Phương pháp tính giá theo giá trị sổ sách:

Giá trị mỗi cổ phiếu theo sổ sách kế toán được xác định bằng nguồn vốn chủ sở hữu theo sổ sách kế toán chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại cùng thời điểm.

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2012, tính được giá trị sổ sách một cổ phiếu của VietinBank như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu} = \frac{33.624.531.000.000}{2.621.754.500} = 12.825 \text{ đồng}$$

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của Ngân hàng, đồng thời để khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của VietinBank, Hội đồng quản trị VietinBank đề xuất giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu, bằng 78% giá trị sổ sách của VietinBank tại thời điểm 31/12/2012.

## 7. Phương thức phân phối

Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu thì quyền mua cổ phần (chuyển nhượng quyền mua) được thực hiện tại các công ty chứng khoán mà cổ đông mở tài khoản.

Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu thì thực hiện quyền mua cổ phiếu (chuyển nhượng quyền mua) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam, số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội (cổ đông mang theo sổ chứng nhận cổ đông).

## 8. Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến

Ngân hàng sẽ thực hiện đợt chào bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy Chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực. Dự kiến như sau:

- Công bố báo chí: Trong thời gian 7 ngày kể từ ngày được Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Tổ chức phát hành sẽ công bố Bản thông báo phát hành trên 1 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 3 số liên tiếp.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCKNN cấp, VietinBank gửi thông báo đề nghị tới Trung tâm lưu ký Chứng khoán, SGDCK TP.HCM phối hợp xác định danh sách sở hữu chứng khoán cuối cùng, ngày giao dịch không hưởng quyền; lập và cung cấp danh sách sở hữu cuối cùng. Dự kiến thực hiện xong trong 10 ngày làm việc.
- Phân bổ và thông báo quyền mua: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách sở hữu cuối cùng, tổ chức phát hành sẽ phối hợp cùng Trung tâm lưu ký Chứng khoán phân bổ và thông báo quyền mua đến các thành viên lưu ký và cổ đông chưa lưu ký chứng khoán.
- Trên cơ sở danh sách phân bổ quyền mua cổ phần do Trung tâm lưu ký Chứng khoán cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại tổ chức phát hành. Thời gian đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần là 20 ngày.
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phần: Quyền mua cổ phần được chuyển nhượng trong vòng 20 ngày. Cổ đông đã lưu ký thực hiện chuyển nhượng thông qua thành viên lưu ký. Các cổ đông chưa lưu ký hoặc việc chuyển nhượng quyền mua sang cho các cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam. Nếu quá thời hạn trên mà cổ đông được quyền mua thêm cổ phiếu không thực hiện quyền mua của mình thì sẽ bị mất quyền mua cổ phiếu mà không nhận được sự đền bù nào của Ngân hàng.

- Xử lý số cổ phiếu lẻ dôi dư: Trên cơ sở tổng hợp quyền mua của các cổ đông hiện hữu, lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT thực hiện xử lý số cổ phần còn dư.

## 9. Đăng ký mua cổ phiếu

- Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phần tại công ty chứng khoán: việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch chứng khoán.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phần tại công ty chứng khoán: việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.

## 10. Phương thức thực hiện quyền

Cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách sẽ nhận được quyền mua 14 cổ phần mới. Tổng số cổ phần được quyền mua của mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Một cổ đông A đang sở hữu 140 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách sở hữu cuối cùng, theo tỷ lệ thực hiện quyền 1 : 0,14 thì cổ đông A sẽ được mua  $(140 : 1) \times 0,14 = 19,6$  cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, số cổ phiếu cổ đông A thực tế được quyền mua là 19 cổ phiếu. Số tiền mà cổ đông phải nộp để mua cổ phiếu là  $19 \times 10.000 \text{ đồng} = 190.000 \text{ đồng}$ .

Quyền mua cổ phiếu được chuyển nhượng tối đa một lần.

### *Xử lý cổ phiếu lẻ dôi dư*

Số cổ phiếu lẻ phát sinh từ việc chào bán cho cổ đông hiện hữu và quyền mua cổ phiếu mà cổ đông từ chối thực hiện toàn bộ hoặc một phần sẽ do HĐQT VietinBank quyết định chào bán cho các nhà đầu tư khác với các điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu.

## 11. Nguồn mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông Nhà nước

Căn cứ Phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thông qua và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 về việc chia cổ tức, VietinBank sẽ dung toàn bộ cổ tức 2012 để chia cho cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt (bao gồm cổ đông Nhà nước). Căn cứ lợi nhuận sau thuế năm 2012 có xác nhận của kiểm toán, cổ tức năm 2012 bằng 16% tính trên số vốn điều lệ tính theo thời

điểm trước khi bán cho Bank of Tokyo Mitsubishi UFJ (BTMU).

Như vậy, cổ đông Nhà nước sẽ hưởng tỷ lệ cổ tức 16% tính theo tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Nhà nước tại thời điểm trước khi BTMU chính thức là cổ đông chiến lược nước ngoài của VietinBank với số tiền được chia là 3.368,68 tỷ đồng và sẽ sử dụng 2.958,20 tỷ đồng để mua cổ phần mới phát hành tăng vốn điều lệ năm 2013.

## 12. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Căn cứ vào Điều 4 Nghị định của Chính phủ số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/04/2007 về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam:

- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu) và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài không phải là tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 5% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của một tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của tổ chức tín dụng nước ngoài đó không vượt quá 10% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó không vượt quá 15% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
- Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ căn cứ đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quyết định mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó vượt quá 15%, nhưng không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.

Tính đến thời điểm ngày 31/7/2013, tổng số lượng cổ phần VietinBank do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 940.223.982 cổ phần, chiếm 28,79% vốn điều lệ.

## 13. Các loại thuế có liên quan

### 13.1. Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán

Kể từ ngày 01/01/2009, các tổ chức và cá nhân phải nộp thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và được lựa chọn 02 phương pháp tính thuế thu nhập như sau:

Cách 1:

Thuế thu nhập phải nộp = Thu nhập tính thuế x thuế suất, Trong đó:

- Thu nhập tính thuế được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Với chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh có chứng từ, hóa đơn hợp pháp, bao gồm: phí nhận chuyển nhượng và phí chuyển nhượng chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, chi phí ủy thác chứng khoán và các khoản chi phí khác.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 20% trên thu nhập tính thuế cả năm chỉ áp dụng đối với trường hợp đối tượng nộp thuế đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, xác định được thu nhập tính thuế và đăng ký thực hiện ổn định với cơ quan thuế từ tháng 12 của năm trước.

Cách 2:

Đối với các trường hợp khác ngoài trường hợp trên, áp dụng thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

**12.2. Đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng**

Đơn vị tính: Triệu đồng

**Bảng 26: Chi tiết thuế TNDN thời điểm 31/12/2012**

| STT      | Chỉ tiêu                                                           | 01/01/2012 đến 31/12/2012 |
|----------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| <b>1</b> | <b>Thu nhập chịu thuế TNDN của Ngân hàng mẹ</b>                    | <b>7.622.535</b>          |
|          | Chi phí Thuế TNDN của hệ thống NH theo thuế suất 25%               | 1.905.634                 |
|          | Chi phí Thuế TNDN của NH tính trên thu nhập chịu thuế ở nước ngoài | 592                       |
|          | Chi phí Thuế TNDN của công ty con                                  | 91.995                    |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 31/12/2012

**12.3. Các loại thuế khác**

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, VietinBank phải thực hiện nộp các loại thuế khác bao gồm: Thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế nhà đất...

## 14. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành từ việc chào bán cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán.

Cổ phiếu phát sinh từ việc chào bán cho các cổ đông có cổ phần hiện đang bị hạn chế chuyển nhượng là cổ đông chủ chốt (thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát) bị hạn chế chuyển nhượng (theo quy định của Luật tổ chức tín dụng) khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán.

Cổ phiếu phát sinh từ việc chào bán cho các cổ đông có cổ phần hiện đang bị hạn chế chuyển nhượng là Tổ chức tài chính Quốc tế (IFC); Quỹ đầu tư cấp vốn IFC và cổ đông chiến lược BTMU bị hạn chế chuyển nhượng (theo các thoả thuận mua bán cổ phần) khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán.

Cổ phiếu phát sinh từ việc chào bán cho các cổ đông có cổ phần hiện đang bị hạn chế chuyển nhượng là cổ đông chiến lược trong nước được tự do chuyển nhượng khi niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán

## 15. Niêm yết cổ phiếu phát hành và chào bán thêm

Ngân hàng sẽ thực hiện niêm yết toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm cho các cổ đông ngoài Nhà nước tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông Nhà nước sẽ không được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

## 16. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tên tài khoản: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Số tài khoản: 12530000294819

Ngân hàng: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô

Địa chỉ: Số 14 – Phố Láng Hạ - Ba Đình – Hà Nội

## VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ Phương án phát hành đã trình Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2013 thông qua, mục đích chào bán gồm:

Việc tăng vốn điều lệ của VietinBank là cần thiết nhằm nâng cao năng lực tài chính, mở rộng quy mô hoạt động, phù hợp với quy mô và tốc độ tăng trưởng tổng tài sản và hoạt động kinh doanh, phát triển thành tập đoàn tài chính hàng đầu tại Việt Nam, ngang tầm khu vực và quốc tế, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định, cổ đông Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

Năm 2013, VietinBank tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển mạnh, an toàn, hiệu quả; trở thành Ngân hàng thương mại lớn mạnh hàng đầu Việt Nam, phát huy tốt vai trò chủ đạo và chủ lực và là ngân hàng trụ cột trong hệ thống tài chính, ngân hàng Việt nam; hội nhập với thị trường quốc tế. VietinBank sẽ tiếp tục nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, tăng cường cơ sở vật chất, hiện đại hóa ngân hàng, góp phần thực hiện có hiệu quả các định hướng và kế hoạch kinh doanh, tiếp tục góp phần quan trọng cùng với Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước điều tiết nền kinh tế, ổn định và phát triển hệ thống thị trường tài chính và hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Căn cứ vào kế hoạch tăng và sử dụng vốn điều lệ, VietinBank dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch chính của năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

**Bảng 27: Dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2013**

| STT | Chỉ tiêu                                       | Thực hiện<br>2012 | Kế hoạch<br>2013 | Tăng trưởng  |              |
|-----|------------------------------------------------|-------------------|------------------|--------------|--------------|
|     |                                                |                   |                  | Tuyệt<br>đối | Tương<br>đối |
| 1   | Tổng Tài sản                                   | 503.530           | 555.000          | 51.470       | 10%          |
| 2   | Tổng nguồn vốn huy động                        | 459.395           | 495.000          | 35.605       | 8%           |
| 3   | Tổng dư nợ cho vay và đầu tư                   | 460.082           | 524.000          | 63.918       | 12%          |
| 4   | Vốn chủ sở hữu                                 | 33.625            | 52.000           | 18.375       | 55%          |
| 5   | Lợi nhuận hợp nhất                             | 8.168             | 8.600            | 432          | 5%           |
| 6   | Tỷ lệ chia cổ tức (tính trên vốn điều lệ cuối) | 16%               | 12%              |              |              |
| 7   | Tỷ lệ ROE                                      | 19,9%             | 15-18%           |              |              |
| 8   | Tỷ lệ ROA                                      | 1,7%              | 1.5-1.8%         |              |              |

(\*) Tính theo thời gian bình quân vốn điều lệ năm 2010

## VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền thu dự kiến thu được từ đợt chào bán là 4.573.000.000.000 đồng sẽ bổ sung nguồn vốn kinh doanh, được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của VietinBank với cơ cấu hợp lý và phù hợp với tiến độ tăng vốn, bảo đảm sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn, tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.

### Kế hoạch sử dụng vốn điều lệ tăng thêm từ các đợt chào bán:

#### **Tăng cường tín dụng: Dự kiến 1.823 tỷ đồng**

Thu xếp vốn tín dụng đầu tư vào các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính tốt, hoạt động an toàn, hiệu quả, đảm bảo khả năng trả nợ tốt cho ngân hàng; hỗ trợ các dự án đầu tư trung, dài hạn có tính khả thi và hiệu quả cao, chủ đầu tư có năng lực quản lý và tình hình tài chính ổn định. Đồng thời quan tâm đến phát triển cho vay tiêu dùng, các sản phẩm cho vay đối với khách hàng cá nhân cũng như đẩy mạnh cho vay các chương trình tín dụng mục tiêu của VietinBank bao gồm: cho vay nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp vừa và nhỏ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả từ đó góp phần vào quá trình phát triển bền vững của đất nước.

#### **Mở rộng mạng lưới: Dự kiến 1.000 tỷ đồng**

Tiếp tục mở rộng quy mô, mạng lưới kinh doanh ở thị trường trong nước và quốc tế. Chiếm lĩnh các khu vực thị trường có nhiều tiềm năng phát triển. Năm 2013, VietinBank mở văn

# KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN



phòng đại diện, ngân hàng con và các hình thức hiện diện thương mại khác ở các nước có nhiều tiềm năng phát triển quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại và đầu tư với Việt Nam, trong đó tập trung vào các quốc gia Tiệp Khắc, Ba Lan, Anh, Đức, Lào, Myanmar;...

**Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, phát triển sản phẩm dịch vụ mới: Dự kiến 850 tỷ đồng.**

Đầu tư các dự án hiện đại hóa, nâng cao năng lực quản trị ngân hàng; nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, tăng cường phát triển các sản phẩm dịch vụ hiện đại, nâng cao tiện ích cho khách hàng, nâng cao tỷ lệ thu nhập từ dịch vụ trong tổng thu nhập.

**Hoạt động đầu tư, liên doanh, góp vốn: Dự kiến 900 tỷ đồng**

Tiếp tục mở rộng hoạt động đầu tư và kinh doanh giấy tờ có giá, đa dạng hóa danh mục đầu tư trên thị trường vốn và thị trường tiền tệ nhằm gia tăng hiệu quả đầu tư trong khuôn khổ luật pháp cho phép. VietinBank cũng tiếp tục tăng óp vốn vào các công ty liên doanh và công ty theo các lĩnh vực có nhiều tiềm năng phát triển theo chiến lược phát triển mô hình tập đoàn hoạt động đa dạng trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính.

## **VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN**

### **1. TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

#### **CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính : 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 04. 3556 2875

Fax : 04. 3556 2874

Chi nhánh : 49 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 08. 3914 0200

Fax : 08. 3914 0201

### **2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

#### **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04. 6288 3568

Fax: 04. 6288 5678

## IX. PHỤ LỤC

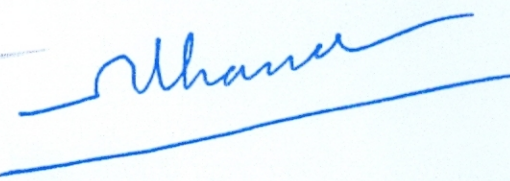
1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành thêm cổ phiếu, Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ phát hành thêm cổ phiếu và các giấy tờ pháp lý liên quan của Công ty
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty
3. **Phụ lục VI:** Báo cáo kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ 2011 và 2012
4. **Phụ lục VII:** Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ Quý II/2013
5. **Phụ lục VIII:** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BTGD, BKS.

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2013

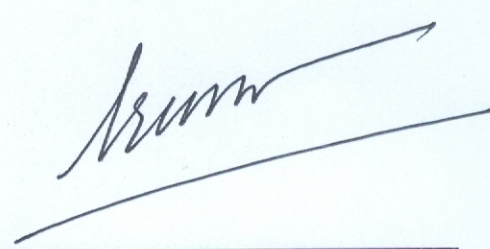
**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH  
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



  
\_\_\_\_\_  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ÔNG. PHẠM HUY HÙNG**

  
\_\_\_\_\_  
**TỔNG GIÁM ĐỐC  
ÔNG. NGUYỄN VĂN THẮNG**

  
\_\_\_\_\_  
**KẾ TOÁN TRƯỞNG  
ÔNG. NGUYỄN HẢI HÙNG**

  
\_\_\_\_\_  
**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT  
BÀ. TRẦN THỊ LỆ NGA**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



  
\_\_\_\_\_  
**TỔNG GIÁM ĐỐC  
ÔNG. ĐỖ LINH PHƯƠNG**